CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24./2026/CV-TEG	***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM***
No: 24./2026/CV-TEG	***Independence - Freedom - Happiness***
	Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2026
	Hanoi, April 10, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**

- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

To: ***- The State Securities Commission;***

- Ho Chi Minh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group

   Organization name : Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company

   - Mã chứng khoán: TEG

     Stock code: TEG

   - Địa chỉ: Tầng 4 Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 3 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội.

     Address: Floor 4, Sun Grand City Ancora Residence building, No. 03 Luong Yen street, Hai Ba Trung ward, Hanoi city, Vietnam.

   - Điện thoại/*Telephone:* (024) 35.599.599 Fax: (024) 38.398.974

   - E-mail: vp@ttvngroup.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

   Content of disclosed information:

   Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty.

   The Company's Annual Report 2025.

   Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/04/2026 tại đường dẫn: https://tteg.vn/

   This information was published on the Company's website on April 10, 2026, at the following link: https://tteg.vn/

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP
Ký ngày: 10/4/2026 19:30:31

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information is true and take full legal responsibility for the content of the disclosed information.

Đại diện tổ chức

Representative of the Organization

Người được ủy quyền công bố thông tin

Authorized Person for Information Disclosure

CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Dương Đắc Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP **TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom – Happiness** ---
Số: 28.../BC-TEG No: ..28.../BC-TEG	*Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2026.* *Hanoi, April 10, 2026*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN /ANNUAL REPORT
2026

Kính gửi - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To - *State Securities Commission of Vietnam*
- *Ho Chi Minh Stock Exchange*

I. Thông tin chung/General *information*

1. *Thông tin khái quát/General information*

- Tên giao dịch/*Trading name:* CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP/ TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp *số/Business Registration Certificate No.:* 0105167260

- Vốn điều lệ/*Charter capital: 1.208.065.620.000 VND (Một nghìn hai trăm linh tám tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)/*

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital:* 1.208.065.620.000 VND (Một nghìn hai trăm linh tám tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)*/ One trillion two hundred eight billion sixty-five million six hundred twenty thousand Vietnamese dong.*

- Địa *chỉ/Address:* Tầng 4 Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội*/ 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City.*

- Số điện thoại/*Telephone: (024) 22 425 995*

- Số fax/Fax: (024) 38.398.974

- Website: www.tteg.vn

- Mã cổ phiếu */Securities code:* TEG

- Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến *nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).*

- Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (gọi tắt là "Công ty" hoặc "TEG" hoặc "TTEG") được thành lập vào ngày 28/02/2011 theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0105167260 ngày 28/02/2011 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thịnh Vượng, số vốn Điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ (Sáu tỷ Việt Nam

đồng). Ngày 19/12/2011, Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh với tên gọi mới là Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Minh Việt;

Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company" or "TEG" or "TTEG") was established on February 28, 2011 under Business Registration Certificate No. 0105167260 dated February 28, 2011 issued by the Business Registration Office – Hanoi Department of Planning and Investment, with its initial name being Thinh Vuong Investment and Services Joint Stock Company and initial charter capital of VND 6,000,000,000 (Six billion Vietnamese Dong). On December 19, 2011, the Company changed its business registration to a new name: Minh Viet Investment and Services Joint Stock Company

- Ngày 28/05/2012, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ (Hai mươi tỷ Việt Nam đồng) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp;

  On May 28, 2012, the Company increased its charter capital to VND 20,000,000,000 (Twenty billion Vietnamese Dong) in accordance with the 3rd amended Business Registration Certificate issued by the Business Registration Office – Hanoi Department of Planning and Investment;

- Ngày 14/07/2014, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Bất động sản và Xây dựng Trường Thành. Với phương châm "Trust – Efficiency – Creativity", mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đều hướng tới xây dựng sự tin tưởng và đem lại lợi ích tối đa của cổ đông, đối tác và của khách hàng; luôn năng động, sáng tạo trong quá trình xây dựng và phát triển; coi đó là lợi ích cốt lõi của chính doanh nghiệp;

  On July 14, 2014, the Company officially changed its name to Truong Thanh Real Estate and Construction Joint Stock Company. With the motto "Trust – Efficiency – Creativity", all of the Company's production and business activities are oriented towards building trust and maximizing benefits for shareholders, partners and customers; maintaining dynamism and creativity throughout its development process, considering these as its core values;

- Ngày 31/08/2015, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 150.000.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tỷ Việt Nam đồng) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp;

  On August 31, 2015, the Company increased its charter capital to VND 150,000,000,000 (One hundred fifty billion Vietnamese Dong) in accordance with the 10th amended Business Registration Certificate issued by the Business Registration Office – Hanoi Department of Planning and Investment;

- Ngày 14/10/2015, được chấp thuận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng;

  On October 14, 2015, as approved by the State Securities Commission, the Company officially became a public company;

- Ngày 26/10/2015, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 101/2015/GCNCP - VSD với số lượng đăng ký là 15.000.000 cổ phiếu;

  On October 26, 2015, the Company was granted Securities Registration Certificate No. 101/2015/GCNCP - VSD by the Vietnam Securities Depository with a registered volume of 15,000,000 shares;

- Ngày 11/12/2015, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ký Quyết định số 837/QĐ-SGDHN chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán là TEG;

  On December 11, 2015, the Hanoi Stock Exchange issued Decision No. 837/QD-SGDHN approving the listing of the Company's shares under the ticker symbol TEG;

- Ngày 22/12/2015 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu TEG trên sàn HNX;

  December 22, 2015 was the first trading day of TEG shares on the HNX;

- Năm 2016, Công ty được nhận giải thưởng "Thương hiệu hàng đầu Việt Nam" ("Top Brands 2016") do Viện nghiên cứu kinh tế - Trung tâm nghiên cứu người tiêu dùng Việt Nam và Tổ chức Global GTA (Vương Quốc Anh) chứng nhận;

  In 2016, the Company received the award "Top Brands 2016" certified by the Institute of Economic Research – Vietnam Consumer Research Center and Global GTA Organization (United Kingdom);

- Ngày 03/05/2017, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tecgroup với mục đích tận dụng những cơ hội tốt để tìm kiếm lợi nhuận, linh hoạt trong việc lựa chọn và triển khai các dự án thuộc những lĩnh vực ngoài kinh doanh bất động sản và xây dựng, đáp ứng với định hướng hoạt động trong thời gian tới của Công ty cũng như xu thế phát triển của các doanh nghiệp hiện nay;

  On May 03, 2017, the Company officially changed its name to Tecgroup Joint Stock Company in order to leverage favorable opportunities for profit generation, increase flexibility in selecting and implementing projects beyond real estate and construction sectors, in line with the Company's development orientation as well as prevailing market trends;

- Ngày 12/07/2017, Công ty phát hành 2.999.998 cổ phiếu để trả cổ tức, nâng số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty lên 17.999.998 cổ phần, tương đương vốn điều lệ là 179.999.980.000 VNĐ (Một trăm bảy mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn Việt Nam đồng);

  On July 12, 2017, the Company issued 2,999,998 shares as dividend payment, increasing the total number of outstanding shares to 17,999,998 shares, equivalent to charter capital of VND 179,999,980,000 (One hundred seventy-nine billion nine hundred ninety-nine million nine hundred eighty thousand Vietnamese Dong);

- Ngày 16/05/2018, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Bất động sản và Xây dựng Trường Thành nhằm tập trung mũi nhọn vào lĩnh vực bất động sản và xây dựng;

  On May 16, 2018, the Company changed its name to Truong Thanh Real Estate and Construction Joint Stock Company to focus on its core business in real estate and construction;

- Ngày 30/07/2018, Công ty phát hành 1.439.858 cổ phiếu để trả cổ tức, nâng số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty lên 19.439.856 cổ phần, tương đương vốn điều lệ là 194.398.560.000 VNĐ (Một trăm chín mươi tư tỷ ba trăm chín mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn Việt Nam đồng);

  On July 30, 2018, the Company issued 1,439,858 shares as dividend payment, increasing the total number of outstanding shares to 19,439,856 shares, equivalent to charter capital of VND 194,398,560,000 (One hundred ninety-four billion three hundred ninety-eight million five hundred sixty thousand Vietnamese Dong);

- Ngày 12/03/2019, Công ty phát hành thêm 10.000.000 cổ phiếu để tăng vốn, nâng số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty lên 29.439.856 cổ phần, tương đương vốn điều

lệ là 294.398.560.000 VND (Hai trăm chín mươi tư tỷ ba trăm chín mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng);

On March 12, 2019, the Company issued an additional 10,000,000 shares to increase capital, raising the total number of outstanding shares to 29,439,856 shares, equivalent to charter capital of VND 294,398,560,000 (Two hundred ninety-four billion three hundred ninety-eight million five hundred sixty thousand Vietnamese Dong);

- Ngày 08/07/2019, Công ty phát hành thêm 2.943.786 cổ phiếu để trả cổ tức, nâng số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty lên 32.383.642 cổ phần, tương đương vốn điều lệ là 323.836.420.000 VNĐ (Ba trăm hai mươi ba tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn Việt Nam đồng);

  On July 08, 2019, the Company issued an additional 2,943,786 shares as dividend payment, increasing the total number of outstanding shares to 32,383,642 shares, equivalent to charter capital of VND 323,836,420,000 (Three hundred twenty-three billion eight hundred thirty-six million four hundred twenty thousand Vietnamese Dong);

- Ngày 22/09/2020, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành nhằm định hướng đưa Năng lượng trở thành lĩnh vực cốt lõi của doanh nghiệp bên cạnh lĩnh vực Bất động sản và Xây dựng;

  On September 22, 2020, the Company changed its name to Truong Thanh Energy and Real Estate Joint Stock Company, aiming to position energy as a core business sector alongside real estate and construction;

- Ngày 12/10/2021, Công ty đã thực hiện phân phối 33.208.130 cổ phiếu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 126/GCN-UBCK ngày 06/08/2021, trong đó: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức là 1.619.035 cổ phiếu; chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 21.589.095 cổ phiếu và chào bán cổ phiếu ra công chúng thông qua đấu giá là 10.000.000 cổ phiếu, nâng tổng vốn điều lệ Công ty lên 655.917.720.000 VNĐ (Sáu trăm năm mươi lăm tỷ chín trăm mười bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn Việt Nam đồng).

  On October 12, 2021, the Company completed the distribution of 33,208,130 shares under Certificate of Public Offering Registration No. 126/GCN-UBCK dated August 06, 2021, including: 1,619,035 shares issued as dividend payment; 21,589,095 shares offered to existing shareholders; and 10,000,000 shares offered to the public via auction, increasing the Company's charter capital to VND 655,917,720,000 (Six hundred fifty-five billion nine hundred seventeen million seven hundred twenty thousand Vietnamese Dong);

- Ngày 29/06/2023, Công ty phát hành thêm 7.214.790 cổ phiếu để trả cổ tức, nâng số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty lên 72.806.562 cổ phần, tương đương vốn điều lệ là 728.065.620.000 VNĐ (Bảy trăm hai mươi tám tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn Việt Nam đồng);

  On June 29, 2023, the Company issued an additional 7,214,790 shares as dividend payment, increasing the total number of outstanding shares to 72,806,562 shares, equivalent to charter capital of VND 728,065,620,000 (Seven hundred twenty-eight billion sixty-five million six hundred twenty thousand Vietnamese Dong);

- Ngày 26/01/2024, Công ty đã thực hiện phân phối 48.000.000 cổ phiếu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 404/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 17/11/2023, nâng tổng vốn điều lệ Công ty lên

1.208.065.620.000 VNĐ (Một nghìn hai trăm linh tám tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn Việt Nam đồng).

On January 26, 2024, the Company completed the distribution of 48,000,000 shares under Certificate of Public Offering Registration No. 404/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on November 17, 2023, increasing the Company's charter capital to VND 1,208,065,620,000 (One trillion two hundred eight billion sixty-five million six hundred twenty thousand Vietnamese Dong);

- Ngày 09/12/2025, Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 01 năm 2025 đã thông qua thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group.

  On December 09, 2025, the Extraordinary General Meeting of Shareholders No. 01 of 2025 approved the change of the Company's name to Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business *lines:* đầu tư năng lượng tái tạo, đầu tư bất động sản.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business:* Hà Nội, Quảng Ngãi, Gia Lai, Vĩnh Long, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

3.1 Mô hình quản trị nghiệp/*Governance model*

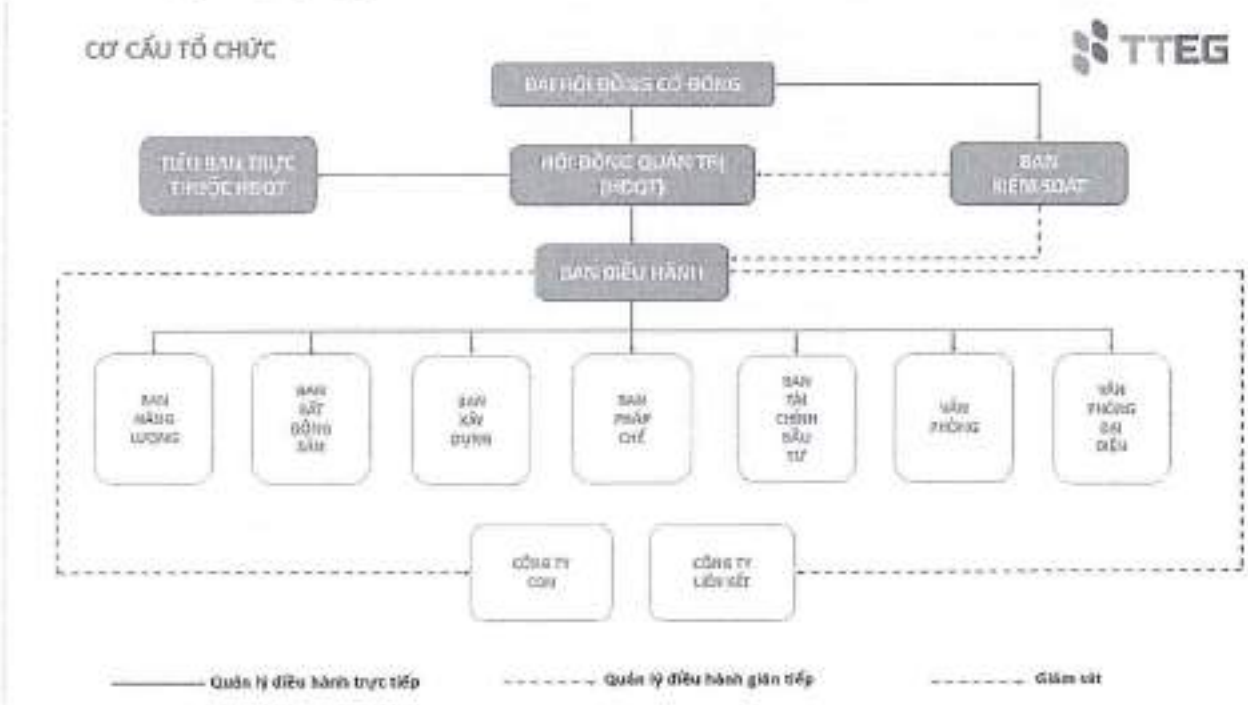

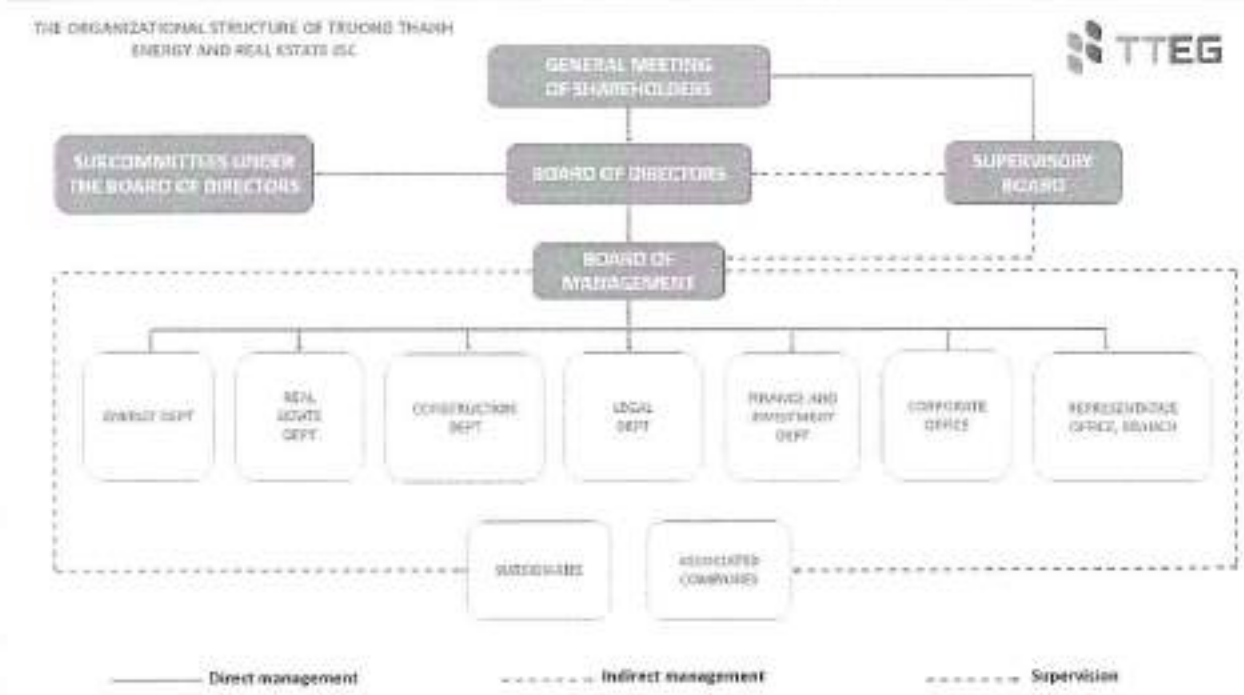

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure.*

a. Đại hội đồng cổ đông/ *General Meeting of Shareholders*

Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông có quyền hạn và nhiệm vụ:

The General Meeting of Shareholders ("GMS") is the highest decision-making body of the Company, comprising all shareholders with voting rights or their authorized representatives. The GMS has the following powers and responsibilities:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

  Approving the Company's development orientation;

- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

  D*eciding the types of shares and the total number of shares of each type to be offered; determining the annual dividend rate for each type of share;*

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

  Electing, dismissing, and removing members of the Board of Directors and the Supervisory Board;

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị trên 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

  Deciding on investments or sales of assets worth more than 50% of the total assets recorded in the most recent financial statements of the Company;

- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

  Deciding on amendments and supplements to the Company's Charter;

- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

  Approving the annual financial statements;

- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

  Deciding on the repurchase of more than 10% of the total shares sold of each type;

- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

  Reviewing and handling violations by members of the Board of Directors and the Supervisory Board that cause damage to the Company and its shareholders;

- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

  Deciding on the restructuring or dissolution of the Company;

- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

  Deciding on the budget or the total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board;

- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

  Approving the internal governance regulations; the operational regulations of the Board of Directors and the Supervisory Board;

- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

  Approving the list of approved auditing firms; deciding which auditing firm will conduct the Company's audit, dismissing an approved auditor when deemed necessary;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

  Exercising other rights and obligations in accordance with the law.

b. Hội đồng quản trị/ *Board of Directors*

Hội đồng quản trị ("HĐQT") là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (theo quy định tại Điều lệ của Công ty):

The Board of Directors ("BOD") is the governing body of the Company, with full authority on behalf of the Company to make decisions and carry out the Company's rights and obligations that do not fall under the authority of the GMS (as stipulated in the Company's Charter). The Board has the following powers and responsibilities:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

  Deciding on the Company's strategy, medium-term development plans, and annual business plans;

- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

  Proposing the types of shares and the total number of shares of each type that may be offered;

- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

Deciding on the sale of unsold shares within the authorized number of shares to be offered for each type; deciding on raising additional capital through other means;

- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

  Deciding on the sale price of shares and bonds of the Company;

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

  Deciding on the repurchase of shares as provided in Clause 1 and Clause 2 of Article 133 of the Enterprise Law;

- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

  Deciding on investment plans and projects within the Company's authority and the limits as prescribed by Law;

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

  Deciding on market development strategies, marketing, and technology solutions;

- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ngoại trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

  Approving contracts for purchase, sale, borrowing, lending, and other contracts or transactions valued at 35% or more of the total assets as recorded in the most recent financial statements of the Company, except for contracts or transactions under the authority of the GMS as stipulated in point d, Clause 2, Article 138 and Clauses 1 and 3 of Article 167 of the Enterprise Law;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

  Electing, dismissing, and removing the Chairman of the Board; appointing, dismissing, signing contracts, and terminating contracts with the General Director, Deputy General Directors, and Chief Accountant; deciding on the salaries, bonuses, and other benefits for these executives; appointing authorized representatives to participate in the Board of Members or GMS at other companies, and deciding on the remuneration and other benefits for such representatives;

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

  Supervising and directing the General Director and other managers in overseeing the daily operations of the Company;

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

Deciding on the organizational structure, internal management regulations of the Company, establishing subsidiaries, branches, representative offices, and making investments or purchasing shares in other enterprises;

- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

  Approving the program and materials for the GMS, convening meetings, or soliciting votes for resolutions to be passed by the General Shareholders' Meeting;

- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

  Submitting the annual financial statements audited to the GMS;

- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

  Proposing the dividend payout rate; deciding on the timing and procedures for dividend payments or handling any business losses;

- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

  Proposing the reorganization or dissolution of the Company; requesting the Company's bankruptcy;

- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

  Deciding on the issuance of the Board of Directors' operating regulations, the internal corporate governance regulations after being approved by the GMS; deciding on the issuance of the Audit Committee under BOD's operating regulations, and the Company's information disclosure regulations;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

  Exercising other rights and obligations as stipulated by the Enterprise Law, the Securities Law, other legal regulations, and the Company's Charter.

Danh sách các thành viên HĐQT Công ty[1] bao gồm:

List of Board of Directors Members of the[1] Company:

STT/ *No*	Họ tên/ *Full name*	Chức vụ/ *Full name*
1	Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT *Chairman of the Board of Directors*
2	Ông Trần Tuấn Phong	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên độc lập HĐQT *Vice Chairman of the Board of Directors cum*

[1] Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị Công ty tính đến hết ngày 31/12/2025.
[1] *List of members of the Board of Directors of the Company as of December 31, 2025.*

		Independent Director
3	Ông Đào Xuân Đức	Thành viên HĐQT *Member of the Board of Directors*
4	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT *Member of the Board of Directors*
5	Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên HĐQT *Member of the Board of Directors*
6	Ông Hà Ngọc Minh	Thành viên HĐQT độc lập *Independent Member of the Board of Directors*
7	Ông Mạc Quang Huy	Thành viên HĐQT *Member of the Board of Directors*

c. Ban kiểm soát/ *Supervisory Board*

Ban Kiểm soát ("BKS") của Công ty do ĐHĐCĐ bầu. Ban Kiểm soát hiện tại gồm 03 thành viên. Ban kiểm soát thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, cụ thể:

The Supervisory Board ("SB") of the Company is elected by the GMS. The current Supervisory Board consists of 03 members. The Supervisory Board acts on behalf of the GMS to independently, objectively, and honestly supervise the Company's business, governance and management activities, and administration, and is accountable to the GMS for the execution of its assigned tasks, including:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;

  Monitoring the Board of Directors, Director, or General Director in managing and operating the Company;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

  Verifying the reasonableness, legality, accuracy, and prudence in the management and operation of business activities, as well as in the organization of accounting, statistics, and the preparation of financial statements;

- Thẩm định đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và sáu tháng của Công ty mẹ và các Công ty thành viên, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT cho ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;

  Assessing the completeness, legality, and accuracy of the business performance reports, annual, quarterly, and semi-annual financial statements of the parent company and its subsidiaries, as well as the Board of Directors' management evaluation report for the Annual General Meeting of Shareholders. Reviewing

contracts and transactions with related parties within the Board of Directors or GMS's approval authority and making recommendations on contracts and transactions that require Board of Directors or GMS approval;

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công ty;

  Reviewing, inspecting, and evaluating the effectiveness of the internal control system, internal audit, risk management, and early warning systems for the Company;

- Kiến nghị ĐHĐCĐ các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

  Proposing solutions for the amendment, supplementation organizational structure; management, supervision, and operation of the Company's business to the GMS;

- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp;- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty;

  Reviewing the Company's accounting books and other documents, as well as its management and operational activities whenever deemed necessary or as per the decision of the GMS, or at the request of shareholders or groups of shareholders as stipulated in the Enterprise Law;

- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu, quyết định của ĐHĐCĐ.

  Exercising other rights and responsibilities as stipulated in the Company's Charter, the Enterprise Law, or by the request or decision of the GMS.

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát[2] Công ty bao gồm:

List of members of the Company's Supervisory Board[2] includes:

STT/ *No*	Họ tên/ *Full name*	Chức vụ/ *Full name*
1	Bà Đặng Bích Thủy	Trưởng Ban kiểm soát *Head of the Supervisory Board*
2	Bà Lê Thùy Linh	Thành viên Ban Kiểm soát *Member of the Supervisory Board*
3	Bà Vương Thị Oanh	Thành viên Ban Kiểm soát *Member of the Supervisory Board*

d. Ban điều hành/ *Executive Board*

Ban Điều hành gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

The Executive Board consists of the General Director, Deputy General Directors, and Chief Accountant

---

[1] Danh sách các thành viên Ban kiểm soát Công ty tính đến hết ngày 31/12/2025.

[2] *List of members of the Supervisory Board of the Company as of December 31, 2025.*

- Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị, khách hàng về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ của Công ty;

  The General Director is responsible for the daily management of the Company's business operations and is accountable to the law, the Board of Directors, and customers for the Company's production and business activities. The rights and responsibilities of the General Director are defined in the Company's Charter;

- Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Các Phó Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc, là người giúp việc cho Tổng giám đốc và được Tổng giám đốc phân công điều hành một số lĩnh vực hoạt động cụ thể, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, trước HĐQT và pháp luật về mọi hoạt động của mình với tư cách là Phó Tổng giám đốc;

  Assisting the General Director are the Deputy General Directors. The Deputy General Directors are appointed and dismissed by the Board of Directors upon the recommendation of the General Director. They assist the General Director and are assigned specific areas of responsibility by the General Director. The Deputy General Directors are accountable to the General Director, the Board of Directors, and the law for their activities in their capacity as Deputy General Directors;

- Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê theo đúng các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, thống kê. Tổ chức phân tích các hoạt động kinh tế trong Công ty một cách thường xuyên, đánh giá kết quả và hiệu quả kế hoạch kinh doanh của Công ty, nghiên cứu cải tiến tổ chức kinh doanh nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn kinh doanh, đồng vốn của Công ty;

  The Chief Accountant, appointed and dismissed by the Board of Directors, is responsible for organizing and implementing accounting, financial, and statistical activities in accordance with legal requirements related to finance, accounting, and statistics. The Chief Accountant organizes regular analysis of the Company's economic activities, evaluates the results and effectiveness of the Company's business plans, and conducts studies to improve the organization of business operations to effectively utilize all available business capital and funds;

- Ban Điều hành là bộ phận điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Điều hành có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

  The Executive Board is responsible for managing and operating all of the Company's production and business activities. The Executive Board has the following rights and responsibilities:

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

  Managing and conducting the Company's daily operations within the scope of authority granted to the General Director as specified by law and the Company's Charter;

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Implementing the resolutions of the Board of Directors and the GMS, as well as the Company's approved business and investment plans;

- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;

  Signing and organizing the execution of economic, civil, and other contracts related to the Company's production and business operations and other activities;

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

  Deciding on the appointment, dismissal, reward, and discipline of the Company's management positions not appointed by the Board of Directors;

- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;

  Recruiting, hiring, and organizing the use of employees in accordance with the Board of Directors' regulations, in compliance with the law, and consistent with the Company's business needs. Determining the salary and allowances (if any) for employees of the Company;

- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

  Exercising other rights and responsibilities as stipulated in the Company's Charter.

Danh sách các thành viên Ban điều hành[3] Công ty bao gồm:

List of members of the Company's Executive Board[3] includes:

STT/ *No*	Họ tên/ *Full name*	Chức vụ/ *Full name*
1	Ông Hoàng Mạnh Huy	Tổng Giám đốc *General Director*
2	Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó Tổng Giám đốc *Deputy General Director*
3	Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc *Deputy General Director*
4	Bà Nguyễn Thị Hoa Vy	Kế toán trưởng *Chief Accountant*

e. Các khối chức năng/Phòng ban/Công ty thành viên

Functional divisions/Departments/Subsidiaries

- Ban Xây dựng/ *Construction Department*:

[3] Danh sách các thành viên Ban điều hành Công ty tính đến hết ngày 31/12/2025
[3] *List of members of the Company's Executive Management as of December 31, 2025*

- Ban Xây dựng là đơn vị trực thuộc Công ty, chịu sự quản lý chỉ đạo trực tiếp của Ban Điều hành; là đầu mối chủ trì các hoạt động liên quan đến lĩnh vực xây dựng, tư vấn, giám sát và lắp đặt công trình.

  The Construction Department is a unit directly under the Company, managed and directed by the Executive Board. It serves as the focal point for activities related to construction, consulting, project supervision, and installation.

- Ban Xây dựng có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo, chủ trì tổ chức thực hiện và hướng dẫn, giám sát các đơn vị liên quan thực hiện các mặt công tác thuộc lĩnh vực xây dựng và lắp đặt công trình.

  The Construction Department is responsible for advising the leadership, organizing, implementing, guiding, and supervising the relevant units in carrying out tasks related to construction and project installation.

- Ban Bất động sản/ *Real Estate Department:*

  - Ban Bất động sản là đơn vị trực thuộc Công ty, chịu sự quản lý chỉ đạo trực tiếp của Ban Điều hành; là đầu mối chủ trì các hoạt động liên quan đến lĩnh vực bất động sản.

  The Real Estate Department is a unit directly under the Company, managed and directed by the Executive Board. It serves as the focal point for activities related to the real estate sector.

  - Ban Bất động sản có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo, chủ trì tổ chức thực hiện và hướng dẫn giám sát các đơn vị liên quan thực hiện các mặt công tác thuộc lĩnh vực bất động sản.

  The Real Estate Department is responsible for advising the leadership, organizing, implementing, guiding, and supervising the relevant units in carrying out tasks related to real estate.

- Ban Năng lượng/ *Energy Department:*

- Ban Năng lượng là đơn vị trực thuộc Công ty, chịu sự quản lý chỉ đạo trực tiếp của Ban Điều hành; là đầu mối chủ trì các hoạt động liên quan đến lĩnh vực năng lượng.

  The Energy Department is a unit directly under the Company, managed and directed by the Executive Board. It serves as the focal point for activities related to the energy sector.

- Ban Năng lượng có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo, chủ trì tổ chức thực hiện và hướng dẫn giám sát các đơn vị liên quan thực hiện các mặt công tác thuộc lĩnh vực năng lượng.

  The Energy Department is responsible for advising the leadership, organizing, implementing, guiding, and supervising the relevant units in carrying out tasks related to the energy field.

- Ban Tài chính đầu tư/*Finance and Investment Department:*

- Ban Tài chính – Đầu tư là đơn vị trực thuộc Công ty, chịu sự quản lý chỉ đạo trực tiếp của Ban Điều hành; là đầu mối chủ trì các hoạt động liên quan đến công tác tài chính kế toán, tài chính dự án, đầu tư phát triển, đầu tư tài chính, quản lý chi tiêu trong Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

  The Finance and Investment Department is a unit directly under the Company, managed and directed by the Executive Board. It serves as the focal point for

activities related to financial accounting, project finance, development investments, financial investments, and expenditure management within the Company, ensuring compliance with legal regulations.

- Ban Tài chính – Đầu tư có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo, chủ trì tổ chức thực hiện và hướng dẫn giám sát các đơn vị trực thuộc thực hiện các mặt công tác thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán và đầu tư vốn.

  The Finance and Investment Department is responsible for advising the leadership, organizing, implementing, guiding, and supervising the relevant units in carrying out tasks related to finance, accounting, and capital investment.

- Văn phòng/ *Office*:

- Văn phòng là đơn vị trực thuộc Công ty, chịu sự quản lý chỉ đạo trực tiếp của Ban Điều hành; là đầu mối chính chủ trì các hoạt động liên quan đến công tác hành chính quản trị, tổ chức nhân sự, truyền thông và công nghệ thông tin.

  The Office is a unit directly under the Company, managed and directed by the Executive Board. It serves as the main focal point for activities related to administrative management, human resources, communications, and information technology.

- Văn phòng có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo, chủ trì tổ chức thực hiện và hướng dẫn giám sát các đơn vị trực thuộc thực hiện các mặt công tác thuộc lĩnh vực hành chính quản trị, tổ chức nhân sự, truyền thông và công nghệ thông tin.

  The Office is responsible for advising the leadership, organizing, implementing, guiding, and supervising the relevant units in carrying out tasks related to administrative management, human resources, communications, and information technology.

- Ban Pháp chế/ *Legal Department:*

- Ban Pháp chế là đơn vị trực thuộc Công ty, chịu sự quản lý chỉ đạo trực tiếp của Ban Điều hành; là đầu mối chủ trì xử lý các vấn đề pháp lý, đảm bảo sự tuân thủ pháp luật trong toàn bộ hoạt động đầu tư, sản xuất và kinh doanh của Công ty.

  The Legal Department is a unit directly under the Company, managed and directed by the Executive Board. It serves as the focal point for handling legal matters, ensuring legal compliance in all investment, production, and business activities of the Company.

- Ban Pháp chế có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo, chủ trì tổ chức thực hiện và hướng dẫn giám sát các đơn vị trực thuộc thực hiện các mặt công tác thuộc lĩnh vực pháp chế.

  The Legal Department is responsible for advising the leadership, organizing, implementing, guiding, and supervising the relevant units in carrying out tasks related to legal affairs.

- Văn phòng đại diện/ *Representative Office:*

- Văn phòng đại diện là đơn vị trực thuộc Công ty, chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ban lãnh đạo; là đầu mối đại diện hành chính cho Công ty trong địa bàn phụ trách.

The Representative Office is a unit directly under the Company, managed and directed by the leadership. It serves as the administrative representative of the Company in the designated area.

- Văn phòng đại diện thực hiện chức năng: Liên hệ, duy trì, mở rộng quan hệ với các đối tác và các cơ quan chức năng của nhà nước; nghiên cứu phát triển thị trường; phát hiện các bất cập, tranh chấp xảy ra trong địa bàn và thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền khác.

  The Representative Office performs the function of establishing, maintaining, and expanding relationships with partners and relevant government agencies; market research and development; identifying any issues or disputes occurring in the area and performing other delegated tasks.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*

3.3.1.*Công ty con/ *Subsidiaries [4]**:**

Đơn vị tính: VNĐ

Tên Công ty/ ***Company Name***	**Địa chỉ** ***Address***	**Đăng ký kinh doanh** ***Enterprise Registration Certificate ("ERC") No.***	**Ngành nghề kinh doanh** ***Business Sectors***	**VĐL** ***Charter Capital***	**Vốn góp** ***Contributed Capital***	**% Sở hữu**

[4] Công ty con tính đến hết ngày 31/12/2025

Tên Công ty/ *Company Name*	Địa chỉ *Address*	Đăng ký kinh doanh *Enterprise Registration Certificate ("ERC") No.*	Ngành nghề kinh doanh *Business Sectors*	VĐL *Charter Capital*	Vốn góp *Contributed Capital*	% Sở hữu
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành *Truong Thanh Energy Joint Stock Company*	Tầng 4 Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội *4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City*	GCNĐKDN số: 0107660866 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 08/12/2016. *Enterprise Registration Certificate No.: 0107660866 issued by the Business Registration Office – Hanoi Department of Planning and Investment on December 8, 2016*	Đầu tư các dự án năng lượng và đầu tư tài chính *Business activities: Investment in energy projects and financial investment*	450.000.000.000	414.500.000.000	92,11 %

Tên Công ty/ *Company Name*	Địa chỉ *Address*	Đăng ký kinh doanh *Enterprise Registration Certificate ("ERC") No.*	Ngành nghề kinh doanh *Business Sectors*	VĐL *Charter Capital*	Vốn góp *Contributed Capital*	% Sở hữu
Công ty TNHH Onsen Hội Vân *Onsen Hoi Van Company Limited*	Thôn Hội Vân, xã Hòa Hội, tỉnh Gia Lai *Hoi Van Hamlet, Hoa Hoi Commune, Gia Lai Province*	GCNĐKDN số: 4101602086 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 10/08/2021 *Enterprise Registration Certificate No.: 4101602086 issued by the Business Registration Office – Binh Dinh Department of Planning and Investment on August 10, 2021*	Kinh doanh bất động sản *Real estate business*	150.000.000.000	90.000.000.000	60 %

Tên Công ty/ *Company Name*	Địa chỉ *Address*	Đăng ký kinh doanh *Enterprise Registration Certificate ("ERC") No.*	Ngành nghề kinh doanh *Business Sectors*	VĐL *Charter Capital*	Vốn góp *Contributed Capital*	% Sở hữu
Công ty cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối điện Trường Thành GiP (TTGiP)[5] *Truong Thanh GiP Investment, Construction and Power Distribution Joint Stock Company (TTGiP)*	Tầng 1, Lô DVCC1-1, KCN Liên Hà Thái (Green iP-1), Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình *Truong Thanh GiP Investment, Construction and Power Distribution Joint Stock Company (TTGiP)*	GCN ĐKDN số: 1001286723 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 12/11/2024 *Enterprise Registration Certificate No.: 1001286723 issued by the BusinessEnterprise Registration Certificate No.: 1001286723 issued by the Business*	Truyền tải và phân phối điện *Business activities: Power transmission and distribution*	5.000.000.000	2.527.500.000	51%

[5] Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối điện Trường Thành GiP là công ty con của TEG. Tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, TEG sở hữu trực tiếp và gián tiếp 51% Vốn Điều lệ tại TTGiP, trong đó: sở hữu trực tiếp 50,5% Vốn Điều lệ và sở hữu gián tiếp 0,5 % Vốn Điều lệ thông qua Công ty con là Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành.

[5] *Truong Thanh GiP Investment, Construction and Electricity Distribution Joint Stock Company is a subsidiary of TEG. As of December 31, 2024, TEG directly and indirectly owns 51% of the charter capital of TTGiP, of which: direct ownership accounts for 50.5% of the charter capital and indirect ownership accounts for 0.5% of the charter capital through its subsidiary, Truong Thanh Energy Joint Stock Company.*

Tên Công ty/ *Company Name*	Địa chỉ *Address*	Đăng ký kinh doanh *Enterprise Registration Certificate ("ERC") No.*	Ngành nghề kinh doanh *Business Sectors*	VĐL *Charter Capital*	Vốn góp *Contributed Capital*	% Sở hữu
Công ty CP TTP Trà Vinh[6] *TTP Tra Vinh Joint Stock Company*	Căn hộ PG1-10, khu nhà phố Vincom, khóm 3, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh *Apartment PG1-10, Vincom Townhouse Area, Hamlet 3, Ward 2, Tra Vinh City, Tra Vinh Province*	GCNĐKDN số: 2100653849 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 14/02/2020 *Enterprise Registration Certificate No. 2100653849 issued by the Business Registration Office – Department of Planning and Investment of Binh Dinh Province on February 14, 2020*	Xây lắp, tư vấn và kinh doanh hàng hóa *Construction, consulting, and trading of goods*	40.000.000.000	39.600.000.000	99 %

[6] Công ty CP TTP Trà Vinh là Công ty con của TEG. Tính đến thời điểm 31/12/2024, TEG sở hữu trực tiếp và gián tiếp 99% Vốn Điều lệ của Công ty CP TTP Trà Vinh, trong đó sở hữu trực tiếp 48% Vốn Điều lệ và sở hữu gián tiếp 51% Vốn Điều lệ thông qua Công ty con là Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành.

[6] *TTP Tra Vinh Joint Stock Company is a subsidiary of TEG. As of December 31, 2024, TEG directly and indirectly owns 99% of the charter capital of TTP Tra Vinh Joint Stock Company, of which direct ownership accounts for 48% of the charter capital and indirect ownership accounts for 51% of the charter capital through its subsidiary, Truong Thanh Energy Joint Stock Company.*

Tên Công ty/ *Company Name*	Địa chỉ *Address*	Đăng ký kinh doanh *Enterprise Registration Certificate ("ERC") No.*	Ngành nghề kinh doanh *Business Sectors*	VĐL *Charter Capital*	Vốn góp *Contributed Capital*	% Sở hữu
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sen Xanh[7] *Sen Xanh Solar Power Joint Stock Company*	Số nhà 220, đường Lê Đại Hành, tổ 11, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình *No. 220, Le Dai Hanh Street, Group 11, Ky Ba Ward, Thai Binh City, Thai Binh Province*	GCNĐKDN số 0109251562 do phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2020 *Enterprise Registration Certificate No. 0109251562 issued by the Business Registration Office – Department of Planning and Investment of Hanoi City for the first time on July 2, 2020*	Đầu tư các dự án năng lượng *Investment in energy projects*	26.050.000.000	13.025.010.000	50,0000384%

[7] Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sen Xanh là công ty con của TEG. Tính đến ngày 31/12/2025, TEG sở hữu gián tiếp 50,0000384% Vốn điều lệ thông qua công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành.
[7] *Sen Xanh Solar Power Joint Stock Company is a subsidiary of TEG. As of December 31, 2025, TEG indirectly owns 50.0000384% of the charter capital through Truong Thanh Energy Joint Stock Company.*

Tên Công ty/ *Company Name*	Địa chỉ *Address*	Đăng ký kinh doanh *Enterprise Registration Certificate ("ERC") No.*	Ngành nghề kinh doanh *Business Sectors*	VĐL *Charter Capital*	Vốn góp *Contributed Capital*	% Sở hữu
Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành Miền Trung[8] *Truong Thanh Central Green Technology Joint Stock Company*	Số 220, đường Lê Đại Hành, tổ 11, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam *No. 220, Le Dai Hanh Street, Group 11, Ky Ba Ward, Thai Binh City, Thai Binh Province, Vietnam*	GCNĐKDN số 0109149590 do phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/04/2022 *Enterprise Registration Certificate No. 0109149590 issued by the Business Registration Office – Department of Planning and Investment of Hanoi City for the first time on April 8, 2022*	Đầu tư các dự án năng lượng *Investment in energy projects*	18.100.000.000	9.321.000.000	51%

3.3.2. Công ty liên kết, góp vốn khác/*Associates and Other Investments:*

Đơn vị tính: VNĐ

[8] Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành Miền Trung là công ty con của TEG. Tính đến ngày 31/12/2025, TEG sở hữu gián tiếp 51% Vốn điều lệ thông qua Công ty Cổ phần Năng Lượng Trường Thành.

[8] *Truong Thanh Central Green Technology Joint Stock Company is a subsidiary of TEG. As of December 31, 2025, TEG indirectly owns 51% of the charter capital through Truong Thanh Energy Joint Stock Company.*

Tên Công ty *Company Name*	Địa chỉ *Address*	Đăng ký kinh doanh *Enterprise Registration Certificate*	Ngành nghề kinh doanh *Business Lines*	VĐL *Charter Capital*	Vốn góp Contributed Capital	% Sở hữu
Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding *Huong Hoa Holding Joint Stock Company*	Số 14-16 Hàm Long, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội *No. 14-16 Ham Long Street, Phan Chu Trinh Ward, Hoan Kiem District, Hanoi*	GCNĐKDN số: 0109724032 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 02/08/2021 Enterprise Registration Certificate No. 0109724032 issued by the Business Registration Office – Department of Planning and Investment of Hanoi on August 2, 2021	Tư vấn quản lý *Management consulting*	201.250.000.000	40.249.990.000	~19,999995 %

Tên Công ty *Company Name*	Địa chỉ *Address*	Đăng ký kinh doanh *Enterprise Registration Certificate*	Ngành nghề kinh doanh *Business Lines*	VĐL *Charter Capital*	Vốn góp Contributed Capital	% Sở hữu
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh *Truong Thanh Tra Vinh Wind Power Joint Stock Company*	Ấp Cồn Trứng, Xã Trường Long Hòa, Thị xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam *Con Trung Hamlet, Truong Long Hoa Commune, Duyen Hai Town, Tra Vinh Province, Vietnam*	GCN ĐKDN số: 2100646513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 06/5/2019 *Enterprise Registration Certificate No. 2100646513 issued by the Department of Planning and Investment of Tra Vinh Province on May 6, 2019*	Sản xuất điện *Electricity generation*	752.100.000.000	150.344.790.000	~19,99 %

Tên Công ty *Company Name*	Địa chỉ *Address*	Đăng ký kinh doanh *Enterprise Registration Certificate*	Ngành nghề kinh doanh *Business Lines*	VĐL *Charter Capital*	Vốn góp Contributed Capital	% Sở hữu
Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải[9] *(TEG đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành)* *Dong Hai Wind Power Joint Stock Company (TEG holds indirect ownership through Truong Thanh Energy Joint Stock Company)*	Căn nhà số 53E5 (Shophouse số PG3-17 Khu Vincom), khóm 1, phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam *House No. 53E5 (Shophouse PG3-17, Vincom Area), Hamlet 1, Phuoc Hau Ward, Vinh Long Province, Vietnam*	GCN ĐKDN số 2100654176 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 21/02/2020 Enterprise Registration Certificate No. 2100654176 issued by the Business Registration Office – Department of Planning and Investment of Tra Vinh Province on February 21, 2020	Sản xuất điện; Truyền tải và phân phối điện *Electricity generation; transmission and distribution*	450.000.000.000	162.000.000.000	36 %

[9] Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải là Công ty liên kết gián tiếp của TEG. *(TEG sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con là Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành).* Tại thời điểm ngày 31/12/2025, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành chiếm 36% Vốn Điều lệ tại Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải.

[9] *Dong Hai Wind Power Joint Stock Company is an indirect associate of TEG (TEG holds ownership indirectly through its subsidiary, Truong Thanh Energy Joint Stock Company). As of December 31, 2025, Truong Thanh Energy Joint Stock Company holds 36% of the charter capital in Dong Hai Wind Power Joint Stock Company.*

Tên Công ty *Company Name*	Địa chỉ *Address*	Đăng ký kinh doanh *Enterprise Registration Certificate*	Ngành nghề kinh doanh *Business Lines*	VĐL *Charter Capital*	Vốn góp Contributed Capital	% Sở hữu
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Duyên Hải[10] *(TEG đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành)* *Truong Thanh Duyen Hai Wind Power Joint Stock Company (TEG holds indirect ownership through Truong Thanh Energy Joint Stock Company)*	Căn nhà số 53E5 (Shophouse số PG3-17 Khu Vincom), khóm 1, phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam *House No. 53E5 (Shophouse PG3-17, Vincom Area), Hamlet 1, Phuoc Hau Ward, Vinh Long Province, Vietnam*	GCN ĐKDN số 2100665065 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 22/02/2021 *Enterprise Registration Certificate No. 2100665065 issued by the Business Registration Office – Department of Planning and Investment of Tra Vinh Province on February 22, 2021*	Sản xuất điện; Truyền tải và phân phối điện *Electricity generation; transmission and distribution*	100.000.000.000	15.000.000.000	15 %

[10] Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Duyên Hải là Công ty liên kết gián tiếp của TEG. *(TEG sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con là Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành)*. Tại thời điểm ngày 31/12/2024, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành chiếm 15% Vốn Điều lệ tại Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Duyên Hải.

Tên Công ty *Company Name*	Địa chỉ *Address*	Đăng ký kinh doanh *Enterprise Registration Certificate*	Ngành nghề kinh doanh *Business Lines*	VĐL *Charter Capital*	Vốn góp Contributed Capital	% Sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành *108 Truong Thanh Construction Investment Joint Stock Company*	Số nhà 645/15 đường Quang Trung, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam *No. 645/15 Quang Trung Street, Nghia Chanh Ward, Quang Ngai City, Quang Ngai Province, Vietnam*	GCN ĐKDN số 4300719699 do phòng Đăng ký kinh doanh, sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 21/08/2013 *Enterprise Registration Certificate No. 4300719699 issued by the Business Registration Office – Department of Planning and Investment of Quang Ngai Province for the first time on August 21, 2013*	Xây dựng và kinh doanh bất động sản *Construction and real estate business*	80.000.000.000	24.100.000.000	30,125

4. Định hướng phát triển/Development orientations

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công *ty / Main objectives of the Company.*

Với mục tiêu trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực năng lượng tại Việt Nam, cùng với việc tham gia thi công các công trình xây dựng trong lĩnh vực năng lượng, Công ty xác định mục tiêu chiến lược như sau:

With the objective of becoming a leading enterprise in the energy sector in Vietnam, together with participation in the construction of energy-related projects, the Company identifies its strategic goals as follows:

TẦM NHÌN/ *VISION*

Công ty định hướng trở thành doanh nghiệp phát triển năng lượng có uy tín, tập trung vào các lĩnh vực năng lượng tái tạo và hạ tầng năng lượng, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế trên thị trường trong nước và khu vực.

The Company is oriented to become a reputable energy developer, focusing on renewable energy and energy infrastructure, progressively enhancing its competitiveness and market position domestically and regionally.

SỨ MỆNH/ *MISSION*

Công ty cam kết mang lại giá trị bền vững cho cổ đông, đối tác và xã hội thông qua việc đầu tư và phát triển các dự án năng lượng hiệu quả, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, bền vững.

The Company is committed to delivering sustainable value to shareholders, partners, and society through the investment and development of efficient energy projects, contributing to national energy security and promoting green and sustainable economic development.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI/ *CORE VALUES*

Công ty chủ trọng tập trung phát triển các giá trị cốt lõi bao gồm: NHÂN - LỰC - PHÁT, trong đó:

The Company focuses on developing core values summarized as: HUMAN – RESOURCES – DEVELOPMENT, specifically:

- NHÂN: Chính trực - Chuyên nghiệp - Đoàn kết;

  HUMAN: Integrity – Professionalism – Solidarity;

- LỰC: Phát huy và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để tạo ra sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất;

  RESOURCES: Maximizing and effectively utilizing all resources to deliver products and services of the highest quality;

- PHÁT: Phát triển bền vững gắn liền với lợi ích của các cổ đông và cộng đồng;

  DEVELOPMENT: Sustainable development aligned with the interests of shareholders and the community;

HIỆU QUẢ/ *EFFICIENCY*

Tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Optimize resources, enhance investment efficiency and business performance.

MINH BẠCH/ *TRANSPARENCY*

Tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo công khai và minh bạch trong quản trị và điều hành.

Comply with legal regulations, ensuring openness and transparency in governance and operations.

BỀN VỮNG/ *SUSTAINABILITY*

Hướng tới phát triển lâu dài, hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và xã hội.

Pursue long-term development, harmonizing the interests of the Company and society.

HỢP TÁC/ *COOPERATION*

Tăng cường liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để phát triển các dự án quy mô và hiệu quả.

Strengthen collaboration with domestic and international partners to develop projects of scale and efficiency.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term.*

- Trong giai đoạn tới, Công ty tiếp tục triển khai chiến lược phát triển theo hướng tập trung, thận trọng và bền vững, phù hợp với định hướng phát triển của nền kinh tế và xu thế chuyển dịch năng lượng.

  In the coming period, the Company shall continue to implement its development strategy in a focused, prudent, and sustainable manner, in line with the orientation of economic development and energy transition trends.

- Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc danh mục đầu tư, tập trung nguồn lực vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là năng lượng, từng bước nâng cao tỷ trọng đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo và hạ tầng năng lượng, nhằm tạo nguồn doanh thu ổn định và bền vững trong dài hạn.

  The Company shall continue to restructure its investment portfolio, concentrating resources on its core business sector of energy, gradually increasing the proportion of investment in renewable energy and energy infrastructure projects in order to generate stable and sustainable long-term revenue streams.

- Trong lĩnh vực năng lượng, Công ty tiếp tục nghiên cứu, đầu tư và phát triển các dự án điện gió, điện khí LNG và các dự án năng lượng mới; đồng thời tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để triển khai các dự án quy mô lớn, tận dụng nguồn lực về tài chính, công nghệ và kinh nghiệm quản lý.

  In the energy sector, the Company shall continue to research, invest in, and develop wind power, LNG-to-power, and new energy projects; while strengthening cooperation with domestic and international partners to implement large-scale projects and leverage financial resources, technology, and management expertise.

- Bên cạnh đó, Công ty từng bước mở rộng nghiên cứu và tham gia đầu tư vào các lĩnh vực liên quan như hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS), hạ tầng trạm sạc xe điện và các giải pháp năng lượng bền vững, phù hợp với xu thế phát triển của ngành năng lượng.

  In addition, the Company shall gradually expand its research and participation in investments in related sectors such as energy storage systems (BESS), electric vehicle charging infrastructure, and sustainable energy solutions, in line with industry development trends.

- Đối với lĩnh vực bất động sản, Công ty tiếp tục rà soát, cơ cấu lại các dự án, ưu tiên các dự án có hiệu quả và đầy đủ pháp lý; đồng thời kiểm soát chặt chẽ các khoản đầu tư, hạn chế mở rộng đầu tư mới trong giai đoạn ngắn hạn nhằm đảm bảo an toàn tài chính.

  With respect to the real estate sector, the Company shall continue to review and restructure its project portfolio, prioritizing projects with efficiency and complete legal status; while strictly controlling investments and limiting new project expansion in the short term to ensure financial safety.

- Trong công tác tài chính, Công ty tiếp tục kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đồng thời tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính và đối tác chiến lược nhằm đảm bảo nguồn vốn cho các dự án trọng điểm.

In financial management, the Company shall continue to strictly control cash flows, enhance capital utilization efficiency, and strengthen cooperation with financial institutions and strategic partners to secure funding for key projects.

- Song song với đó, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

  Concurrently, the Company shall continue to improve its corporate governance system, enhance internal control effectiveness, risk management, and the quality of human resources to meet development requirements in the new phase.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công *ty / Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

Tại TTEG, chúng tôi quan niệm rằng một doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả là một doanh nghiệp có khả năng tạo ra những giá trị bền vững, đảm bảo sự phát triển không ngừng trong tương lai. Với định hướng trên, chúng tôi đã đúc kết thành các nguyên tắc trong văn hóa, hoạt động và sử dụng làm thước đo đối với từng công ty thành viên và mỗi cán bộ nhân viên trong TTEG. Cụ thể:

At TTEG, we believe that an efficient enterprise is one that is capable of creating sustainable value and ensuring continuous development in the future. Based on this orientation, we have distilled these principles into our corporate culture and operations, using them as benchmarks for each member company and every employee within TTEG. Specifically:

- Công ty ưu tiên đầu tư thực hiện các dự án tại các địa phương còn nhiều khó khăn, giúp thay đổi diện mạo cho địa phương, đồng thời góp phần thu hút làn sóng đầu tư, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương. Không chỉ vậy, khi triển khai dự án, Công ty luôn định hướng thiết kế và xây dựng hài hòa với thiên nhiên, môi trường, tôn trọng và nâng tầm cảnh quan khu vực xung quanh dự án cũng như bảo tồn các di sản, văn hóa địa phương, vì một tương lai phát triển theo hướng bền vững, lâu dài cho đất nước.

  The Company prioritizes investment in projects in underdeveloped localities, contributing to transforming local landscapes while attracting investment flows, promoting socio-economic development, and creating employment opportunities for local workers. In addition, during project implementation, the Company consistently adopts a design and construction approach that harmonizes with nature and the environment, respects and enhances the surrounding landscape, and preserves local heritage and culture, thereby contributing to long-term sustainable development for the country.

- Công ty luôn chú trọng các công tác xã hội, tham gia đóng góp vào sự phát triển cộng đồng và coi đó là một nhân tố không thể thiếu để doanh nghiệp phát triển bền vững, chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng, xã hội. Chính vì vậy, Công ty luôn quan tâm chăm lo đến công tác xã hội, công tác từ thiện để chia sẻ khó khăn cùng cộng đồng.

  The Company places strong emphasis on social responsibility, actively contributing to community development and considering this an indispensable factor for sustainable corporate growth. Accordingly, the Company consistently pays attention to social and charitable activities to share difficulties with the community and society.

5. Các rủi ro/Risks:(Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên

tai, dịch bệnh, ...)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

Công ty đang hoạt động đa dạng ở nhiều ngành nghề kinh doanh khác nhau, trong đó tập trung chính vào hoạt động kinh doanh liên quan Năng lượng và Bất động sản. Có 6 rủi ro chính được nhận diện và quản trị bao gồm: Rủi ro về kinh tế vĩ mô; Rủi ro về pháp lý; Rủi ro ngành năng lượng; Rủi ro ngành bất động sản; Rủi ro tài chính; Rủi ro khác.

The Company operates across various business sectors, with primary focus on energy and real estate. Six key risks have been identified and managed, including: macroeconomic risks; legal risks; energy sector risks; real estate sector risks; financial risks; and other risks.

5.1. Rủi ro về kinh tế vĩ mô/ Macroeconomic Risks

- Nền kinh tế trong nước và quốc tế vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố biến động như lạm phát, lãi suất, tỷ giá và các yếu tố địa chính trị. Những biến động này có thể ảnh hưởng đến chi phí vốn, khả năng huy động tài chính cũng như hiệu quả hoạt động của Công ty.

  The domestic and global economies continue to face uncertainties such as inflation, interest rates, exchange rates, and geopolitical factors. These fluctuations may impact the cost of capital, financing capabilities, and the Company's operational efficiency.

- Để hạn chế rủi ro, Công ty chủ động theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô, xây dựng các kịch bản điều hành phù hợp, đồng thời kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và cơ cấu nguồn vốn.

  To mitigate such risks, the Company proactively monitors macroeconomic developments, develops appropriate management scenarios, and strictly controls cash flows and capital structure.

5.2. Rủi ro về pháp lý/ *Legal Risks*

- Hoạt động đầu tư trong các lĩnh vực năng lượng và bất động sản chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật và các chính sách quản lý nhà nước. Sự thay đổi, chậm trễ hoặc thiếu đồng bộ trong các quy định pháp lý có thể ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án.

  Investment activities in the energy and real estate sectors are subject to legal frameworks and government regulations. Changes, delays, or inconsistencies in legal provisions may affect project implementation progress.

- Công ty thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng và đối tác nhằm đảm bảo tuân thủ và hạn chế các rủi ro phát sinh.

  The Company regularly updates legal regulations and closely coordinates with competent authorities and partners to ensure compliance and minimize potential risks.

5.3. Rủi ro ngành bất động sản/ *Real Estate Sector Risks*

- Thị trường bất động sản vẫn còn nhiều khó khăn liên quan đến pháp lý, nguồn vốn và thanh khoản thị trường. Việc thắt chặt tín dụng và biến động lãi suất có thể ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả các dự án.

  The real estate market continues to face challenges related to legal issues, capital access, and market liquidity. Tightened credit policies and interest rate fluctuations may affect project progress and efficiency.

- Công ty thực hiện rà soát, cơ cấu lại danh mục đầu tư, ưu tiên các dự án có hiệu quả và pháp lý rõ ràng, đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc triển khai đầu tư nhằm hạn chế rủi ro.

  The Company reviews and restructures its investment portfolio, prioritizing projects with clear legal status and efficiency, while strictly controlling investment implementation to mitigate risks.

5.4. Rủi ro ngành năng lượng/ *Energy Sector Risks*

- Ngành năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo, chịu ảnh hưởng bởi chính sách phát triển, quy hoạch điện và sự đồng bộ của hệ thống lưới điện. Ngoài ra, các yếu tố như công nghệ, chi phí đầu tư và khả năng huy động vốn cũng có thể tác động đến hiệu quả dự án.

  The energy sector, particularly renewable energy, is influenced by development policies, power planning, and the synchronization of the power grid system. In addition, factors such as technology, investment costs, and capital mobilization capacity may impact project efficiency.

- Công ty chủ động lựa chọn các dự án có tính khả thi cao, tăng cường hợp tác với các đối tác có kinh nghiệm và năng lực, đồng thời theo dõi sát các định hướng chính sách của Nhà nước để kịp thời điều chỉnh chiến lược đầu tư.

  The Company proactively selects highly feasible projects, strengthens cooperation with experienced and capable partners, and closely monitors government policy directions to timely adjust its investment strategy.

5.5. Rủi ro tài chính/ *Financial Risks*

- Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro về thanh khoản, lãi suất, tỷ giá và khả năng thu hồi công nợ. Những yếu tố này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền và hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

  Financial risks include liquidity risk, interest rate risk, exchange rate risk, and receivables collection risk. These factors may directly affect cash flow and capital efficiency.

- Công ty tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát công nợ, tối ưu hóa chi phí và chủ động cân đối nguồn vốn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán và an toàn tài chính.

  The Company enhances financial management, controls receivables, optimizes costs, and proactively balances capital sources to ensure liquidity and financial safety.

5.6. Rủi ro khác/ *Other Risks*

- Tình hình xung đột giữa Nga và Ukraine tiếp tục kéo dài, cùng với các diễn biến phức tạp của địa chính trị toàn cầu, có thể gây ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới, đặc biệt là thị trường năng lượng, chuỗi cung ứng và chi phí logistics.

  The ongoing conflict between Russia and Ukraine, along with complex global geopolitical developments, may affect the global economy, particularly energy markets, supply chains, and logistics costs.

- Xung đột đã và đang tác động đến thị trường năng lượng toàn cầu, làm gián đoạn nguồn cung dầu khí, thay đổi dòng chảy thương mại năng lượng và duy trì mặt bằng giá năng lượng ở mức cao hơn so với giai đoạn trước.

The conflict has impacted global energy markets by disrupting oil and gas supply, altering energy trade flows, and maintaining energy prices at higher levels compared to previous periods.

- Bên cạnh đó, các hoạt động quân sự và trừng phạt kinh tế liên quan đến xung đột có thể làm gia tăng biến động giá hàng hóa, chi phí vận chuyển và rủi ro tài chính trên thị trường quốc tế, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.

  Additionally, military activities and economic sanctions related to the conflict may increase volatility in commodity prices, transportation costs, and financial risks in international markets, thereby indirectly affecting the Company's investment and business operations.

- Trước các yếu tố trên, Công ty theo dõi sát diễn biến tình hình quốc tế, chủ động đánh giá tác động và điều chỉnh kế hoạch hoạt động, đầu tư phù hợp nhằm hạn chế ảnh hưởng bất lợi.

  In response, the Company closely monitors international developments, proactively assesses impacts, and adjusts its operational and investment plans accordingly to mitigate adverse effects.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:*

- Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, đặc biệt là những ảnh hưởng từ thị trường tài chính, bất động sản và các yếu tố vĩ mô. Trong điều kiện đó, Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp nhằm duy trì hoạt động ổn định và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động.

  In 2025, the Company's business operations were conducted in the context of a volatile market, particularly due to impacts from the financial and real estate markets, as well as macroeconomic factors. Under such conditions, the Company proactively implemented solutions to maintain stable operations and gradually improve operational efficiency.

- Trong năm, doanh thu của Công ty ghi nhận giảm so với năm trước, chủ yếu do tiến độ triển khai một số dự án chưa đạt kế hoạch và thị trường bất động sản phục hồi chậm. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế ghi nhận tăng trưởng so với năm trước, phản ánh sự cải thiện trong công tác quản lý chi phí, tái cấu trúc danh mục đầu tư và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

  During the year, the Company's revenue decreased compared to the previous year, mainly due to the slower-than-planned progress of certain projects and the slow recovery of the real estate market. However, profit after tax recorded growth compared to the previous year, reflecting improvements in cost management, investment portfolio restructuring, and optimization of capital utilization efficiency.

- Về chiến lược kinh doanh, Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc, tập trung nguồn lực vào lĩnh vực năng lượng – lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, đồng thời từng bước thu hẹp và kiểm soát các khoản đầu tư kém hiệu quả. Các hoạt động đầu tư được triển khai theo hướng thận trọng, có chọn lọc, phù hợp với định hướng phát triển trung và dài hạn.

In terms of business strategy, the Company continued to implement restructuring, focusing resources on the energy sector – its core business area, while gradually narrowing and controlling inefficient investments. Investment activities were carried out in a prudent and selective manner, in line with medium- and long-term development orientations.

- Về thị trường và sản phẩm, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động trong các lĩnh vực hiện hữu, đồng thời từng bước mở rộng nghiên cứu và phát triển các dự án năng lượng mới. Nguồn cung cấp và hoạt động đầu tư chịu ảnh hưởng nhất định từ các yếu tố thị trường và tiến độ pháp lý của các dự án.

  Regarding markets and products, the Company continued to maintain operations in its existing sectors while gradually expanding research and development of new energy projects. Supply sources and investment activities were affected to a certain extent by market conditions and the legal progress of projects.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế *hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan:*

- Năm 2025, Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đặc biệt là chỉ tiêu doanh thu. So với kế hoạch năm, doanh thu thực hiện đạt thấp hơn do tiến độ triển khai các dự án chưa đạt kỳ vọng và thị trường bất động sản phục hồi chậm hơn dự kiến.

  In 2025, the Company did not achieve the planned targets, particularly the revenue target. Compared to the annual plan, actual revenue was lower due to slower-than-expected project implementation progress and a slower-than-anticipated recovery of the real estate market.

- Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế đạt kết quả tích cực và ghi nhận tăng trưởng so với năm trước, cho thấy hiệu quả của các giải pháp tái cấu trúc, kiểm soát chi phí và quản trị tài chính đã được cải thiện.

  However, profit after tax achieved positive results and recorded growth compared to the previous year, demonstrating the effectiveness of restructuring measures, cost control, and improved financial management.

- So với năm liền kề, doanh thu giảm nhưng lợi nhuận tăng, phản ánh sự chuyển dịch trong cơ cấu hoạt động theo hướng nâng cao chất lượng lợi nhuận thay vì tăng trưởng quy mô. Đây là kết quả của việc Công ty chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh, tập trung vào các lĩnh vực có hiệu quả cao và kiểm soát chặt chẽ chi phí.

  Compared to the preceding year, revenue decreased while profit increased, reflecting a shift in the Company's operational structure toward improving profit quality rather than expanding scale. This result stems from the Company's proactive adjustment of its business strategy, focusing on high-efficiency sectors and maintaining strict cost control.

- Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc không đạt kế hoạch doanh thu bao gồm: tiến độ triển khai dự án chậm hơn dự kiến, thị trường bất động sản phục hồi chưa đồng đều và các yếu tố pháp lý ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư. Bên cạnh đó, việc tái cấu trúc danh mục đầu tư cũng làm giảm quy mô doanh thu trong ngắn hạn nhưng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trong dài hạn.

  The main reasons for not meeting the revenue plan include slower-than-expected project implementation, uneven recovery of the real estate market, and legal factors affecting investment activities. In addition, the restructuring of the investment

portfolio has reduced revenue scale in the short term but contributed to improving operational efficiency in the long term.

2. Tổ chức và nhân Sự/Organization and Human resource

2.1. Danh sách Ban điều hành/List *of the Board of Management:*

STT *No.*	**Họ tên** ***Full Name***	**Chức vụ** ***Position***	**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết[11]** ***Ownership ratio of voting shares***
1	Ông Hoàng Mạnh Huy	Tổng Giám đốc *General Director*	0,39%
2	Bà Nguyễn Thị Hoa Vy	Kế toán trưởng *Chief Accountant*	0%
3	Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó Tổng Giám đốc *Deputy General Director*	0%
4	Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc *Deputy General Director*	0,046%

*** Ông Hoàng Mạnh Huy - Tổng Giám đốc**

Mr. Hoang Manh Huy – General Director

1. Ngày sinh/ *Date of birth*: 06/12/1977
2. Nơi sinh/ *Place of birth*: Hà Nội
3. Số CCCD: 001077035184 Ngày cấp: 25/7/2021 Tại: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Citizen Identification No.: 001077035184 Date of issue: July 25, 2021

Place of issue: Police Department for Administrative Management of Social Order

4. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngoại thương

Professional qualifications: Bachelor of Foreign Trade University

5. Quá trình công tác/ *Employment history*:

[11] Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tính đến 31/12/2025

[11] *Ownership ratio of voting shares as of December 31, 2025*

Thời gian ***Period***	**Chức vụ và đơn vị công tác** ***Position and Employer***
Từ T8/2000 đến T12/2003 *From Aug 2000 to Dec 2003*	Trưởng nhóm Phòng Kế hoạch Công ty Mabuchi Motor Việt Nam *Team Leader, Planning Department, Mabuchi Motor Vietnam Co., Ltd.*
Từ T4/2004 đến T3/2007 *From Apr 2004 to Mar 2007*	Chuyên viên Trung tâm năng lượng than Nhật Bản (JCOAL) *Specialist, Japan Coal Energy Center (JCOAL)*
Từ T4/2007 đến T12/2008 *From Apr 2007 to Dec 2008*	Trưởng đại diện văn phòng Hà Nội Công ty Việt-Kabu *Chief Representative of Hanoi Office, Viet-Kabu Company*
Từ T11/2009 đến T5/2015 *From Nov 2009 to May 2015*	Giám đốc Đầu tư, Giám đốc Phân tích Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài gòn - Hà Nội *Investment Director, Head of Research, Saigon – Hanoi Securities Joint Stock Company*
Từ 2013 đến nay *From 2013 to present*	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam *Member of the Board of Directors cum Deputy General Director, Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company*
Từ T6/2014 đến T7/2018 *From Jun 2014 to Jul 2018*	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản và Xây dựng Trường Thành *General Director, Truong Thanh Real Estate and Construction Joint Stock Company*
Từ T8/2015 đến T7/2020 *From Aug 2015 to Jul 2020*	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bất động sản và Xây dựng Trường Thành *Member of the Board of Directors, Truong Thanh Real Estate and Construction Joint Stock Company*
Từ T7/2020 đến nay *From Jul 2020 to present*	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group

	General Director, Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Đầu tư và Xây dựng Việt Mỹ *Member of the Board of Directors, Viet My Investment and Construction Joint Stock Company*
Từ T10/2015 đến nay *From Oct 2015 to present*	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành *Chairman of the Board 108 Truong Thanh Construction Investment Joint Stock Company*

*** Bà Nguyễn Thị Hoa Vy – Kế toán trưởng**

Ms. Nguyen Thi Hoa Vy – Chief Accountant

1. Ngày sinh/ *Date of birth*: 06/04/1984
2. Nơi sinh/ *Place of birth*: Hà Nội
3. Số CCCD: 014184000307 Ngày cấp: 02/05/2021 Tại: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

   Citizen Identification No.: 014184000307 Date of issue: May 2, 2021

   Place of issue: Police Department for Administrative Management of Social Order
4. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Doanh nghiệp – Học viện Tài chính

   Professional qualifications: Bachelor of Corporate Accounting – Academy of Finance
5. Quá trình công tác/ *Employment history*:

Thời gian ***Period***	**Chức vụ và đơn vị công tác** ***Position and Employer***
Từ 2006 đến 2007 *From 2006 to 2007*	Phòng Kế toán – Công ty TNHH và Du lịch Thám hiểm Địa lý *Accounting Department – Geography Exploration and Tourism Co., Ltd.*
Từ 2007 đến 2015 *From 2007 to 2015*	Phòng Kế toán – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Lê Hồng Phong *Accounting Department – Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPBank) – Le Hong Phong Branch*

Từ 2013 đến 2015 *From 2013 to 2015*	Phòng Kế toán – Công ty TNHH Công nghệ ADZone *Accounting Department – ADZone Technology Co., Ltd.*
Từ 12/2015 đến 03/2024 *From Dec 2015 to Mar 2024*	Phó Trưởng phòng Kế toán – Công ty CP Bất động sản và Xây dựng Trường Thành *Deputy Head of Accounting Department – Truong Thanh Real Estate and Construction Joint Stock Company*
Từ 04/2024 đến Nay *From Apr 2024 to present*	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group *Chief Accountant – Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company*

*** Ông Nguyễn Huy Thắng – Phó Tổng Giám đốc**

Mr. Nguyen Huy Thang – Deputy General Director

1. Ngày sinh/ *Date of birth*: 11/06/1977
2. Nơi sinh/ *Place of birth*: Nam Định
3. Số CCCD: 036077000234 Ngày cấp: 10/07/2021 Tại: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

   Citizen Identification No.: 036077000234 Date of issue: July 10, 2021

   Place of issue: Police Department for Administrative Management of Social Order
4. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Greenwich – Anh quốc

   Professional qualifications: *Master of Business Administration – University of Greenwich, United Kingdom*
5. Quá trình công tác/ *Employment history*:

Thời gian ***Period***	**Chức vụ và đơn vị công tác** ***Position and Employer***
Từ 2014 đến Nay *From 2014 to present*	Chủ tịch HĐQT Công ty GlassPlus *Chairman of the Board of Directors – GlassPlus Company*
Từ 2022 đến Nay *From 2022 to present*	Chủ tịch HĐQT Giza Vietnam *Chairman of the Board of Directors – Giza Vietnam*
Từ 2019 đến Nay	Phó Chủ tịch Hiệp hội Kính và Thủy Tinh Việt Nam

From 2019 to present	*Vice Chairman – Vietnam Glass and Glassware Association*
Năm 2020	Thành viên Hội đồng Tư vấn hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng – Bộ Xây dựng *Member – Advisory Council for Standards and Technical Regulations System in Construction – Ministry of Construction*
Từ 07/2023 – 02/2024 *From Jul 2023 to Feb 2024*	Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam *Assistant to the Chairman of the Board of Directors – Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company*
Từ 03/2024 đến Nay *From Mar 2024 to present*	Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group *Deputy General Director – Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company*

*** Ông Nguyễn Quang Vinh – Phó Tổng Giám đốc**

Mr. Nguyen Quang Vinh – Deputy General Director

1. Ngày sinh/ *Date of birth*: 14/01/1975
2. Nơi sinh/ *Place of birth*: Hà Nội
3. Số CCCD: 001075002716 Ngày cấp: 11/4/2021 Tại: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

   Citizen Identification No.: 001075002716 Date of issue: April 11, 2021

   Place of issue: Police Department for Administrative Management of Social Order
4. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng và Công nghiệp - Đại học Xây dựng & Kỹ sư Điện tử viễn thông - Đại học Bách Khoa Hà Nội

   Professional qualifications: Engineer in Construction and Industry – National University of Civil Engineering; Engineer in Electronics and Telecommunications – Hanoi University of Science and Technology
5. Quá trình công tác/ *Employment history*:

Thời gian ***Period***	**Chức vụ và đơn vị công tác** ***Position and Employer***
Từ 2004 đến 2006	Ban Xây dựng - Công ty Cổ phần Xây dựng 19

From 2000 to 2004	(LICOGI) *International Telecommunications Project Management Unit – VNPT International Telecommunications Joint Stock Company*
Từ 2000 đến 2004 *From 2004 to 2006*	Ban Quản lý Dự án VTQT Công ty CP viễn thông quốc tế - VNPT *Construction Division – Construction Joint Stock Company No. 19 (LICOGI)*
Từ 2004 đến 2007 *From 2004 to 2007*	Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Việt Nam *Vietnam Investment, Construction and Trading Joint Stock Company*
Từ T5/2019 – T12/2019 *From May 2019 to Dec 2019*	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Điện gió Trà Vinh *Chairman of the Board of Directors – Tra Vinh Wind Power Joint Stock Company*
Từ T12/2019 đến nay *From Dec 2019 to present*	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh *Vice Chairman of the Board of Directors – Truong Thanh Tra Vinh Wind Power Joint Stock Company*
Từ T2/2021 đến nay *From Feb 2021 to present*	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Duyên Hải *Chairman of the Board of Directors – Truong Thanh Duyen Hai Wind Power Joint Stock Company*
Từ T10/2021 đến nay *From Oct 2021 to present*	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group *Deputy General Director – Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company*

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành/changes *in the Board of Management:* Không/*No*

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

Tính đến thời điểm lập báo cáo, Công ty có 45 lao động đang làm việc tại công ty và Công ty con.

As of the report date, the Company employs a total of 45 staff members across the Company and its subsidiaries

a. Chính sách chế độ cho người lao động/ *Employee policies*::

- Thời gian làm việc: 08h/ngày, 5 ngày/tuần.

  Working hours: 8 hours per day, 5 days per week.

- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ Luật lao động.

  Leave entitlements: Employees are entitled to annual leave, public holidays, and sick leave according to the Labor Code.

- Được trang bị đầy đủ các phương tiện, dụng cụ làm việc trong điều kiện tốt, bảo đảm an toàn và bảo hộ lao động.

  Work environment: Employees are provided with adequate work tools and equipment in a safe and secure working environment, ensuring occupational safety and protection.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo/ *Recruitment and training policies*:

- Công ty có xây dựng một quy chế cụ thể về chính sách tuyển dụng, đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBNV trong Công ty.

  The Company has developed a specific policy on recruitment and training, which is publicly disclosed to all employees.

- Chính sách tuyển dụng, đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. CBNV thường xuyên được tham gia các khóa học về kỹ năng quản lý, tin học, ngoại ngữ.... Hình thức đào tạo được tổ chức theo dạng đào tạo tập trung hoặc đào tạo qua công việc thực tế.

  The recruitment and training policies are tailored to the job requirements. Employees are regularly enrolled in courses on management skills, information technology, foreign languages, etc. Training is provided either in a centralized format or through on-the-job learning.

c. Tiền lương, Bảo hiểm xã hội và phúc lợi/ *Salary, social insurance, and benefits*:

- Công ty đã xây dựng Quy chế lương theo từng cấp bậc công việc đảm nhận. Tiền lương và thưởng sẽ căn cứ vào năng lực và đóng góp của nhân viên vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. CBNV được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên công ty còn nhận được phụ cấp liên quan. Hàng năm, Công ty thực hiện chế độ nghỉ dưỡng sức cho nhân viên. Công ty có những chính sách đãi ngộ nhân viên như tổ chức khám bệnh định kỳ hàng năm và tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, chăm sóc thiếu niên nhi đồng là con em của cán bộ nhân viên Công ty thông qua các tổ chức đoàn thể của Công ty.

  The Company has implemented a salary structure based on job levels. Salaries, Compensation and Bonuses are determined by the employees' performance and contributions to the Company's business result. Employees are entitled to participate in and benefit from social insurance, health insurance, and unemployment insurance as required by law. Additionally, depending on the area of work, employees may receive related allowances. The Company also offers health and wellness benefits, including an annual health checkup for employees, organizes cultural and sports activities and cares for the children of employees through the youth programs organized by the Company

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments:*

- Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai các hoạt động đầu tư theo định hướng tái cấu trúc danh mục đầu tư, tập trung vào lĩnh vực năng lượng là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.

  In 2025, the Company continued to implement investment activities in line with its investment portfolio restructuring orientation, focusing on the energy sector as its core business.

- Các khoản đầu tư chủ yếu trong năm bao gồm các khoản đầu tư vào nghiên cứu, phát triển và chuẩn bị triển khai các dự án năng lượng tái tạo, điện khí LNG và các dự án năng lượng mới. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục rà soát, cơ cấu lại các khoản đầu tư hiện hữu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

  Major investments during the year mainly included expenditures for research, development, and preparation for the implementation of renewable energy projects, LNG-to-power projects, and new energy projects. In addition, the Company continued to review and restructure its existing investments to enhance capital utilization efficiency.

- Về tình hình thực hiện các dự án, trong năm 2025, các dự án năng lượng của Công ty chủ yếu đang trong giai đoạn nghiên cứu, phát triển và hoàn thiện thủ tục đầu tư. Tiến độ triển khai các dự án chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như quy hoạch phát triển ngành, cơ chế chính sách và thủ tục pháp lý liên quan.

  Regarding project implementation, in 2025, the Company's energy projects were primarily in the stages of research, development, and completion of investment procedures. Project progress was affected by factors such as industry development planning, policy mechanisms, and related legal procedures.

- Đối với các dự án bất động sản, Công ty tiếp tục thực hiện rà soát, cơ cấu lại danh mục, tập trung vào các dự án có tính khả thi và hiệu quả, đồng thời kiểm soát chặt chẽ tiến độ triển khai trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn.

  With respect to real estate projects, the Company continued to review and restructure its project portfolio, focusing on feasible and efficient projects, while strictly controlling implementation progress amid challenging market conditions.

- Nhìn chung, tiến độ triển khai một số dự án chưa đạt như kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu do các yếu tố khách quan như sự thay đổi và hoàn thiện của chính sách pháp lý, tiến độ phê duyệt thủ tục đầu tư và diễn biến của thị trường bất động sản. Bên cạnh đó, Công ty chủ động điều chỉnh chiến lược đầu tư theo hướng thận trọng, có chọn lọc nhằm đảm bảo hiệu quả và an toàn tài chính trong dài hạn.

  In general, the implementation progress of certain projects did not meet the planned schedule. The main reasons were objective factors such as changes and ongoing completion of legal policies, delays in approval of investment procedures, and developments in the real estate market. In addition, the Company proactively adjusted its investment strategy in a prudent and selective manner to ensure long-term efficiency and financial safety.

- Trong năm, Công ty không thực hiện chào bán chứng khoán để huy động vốn cho các dự án, do đó không phát sinh nội dung liên quan đến tiến độ sử dụng vốn từ các đợt chào bán.

During the year, the Company did not conduct any securities offerings to raise capital for projects; therefore, no matters arose relating to the use of proceeds from such offerings.

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies:*

- Trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động của các công ty con và công ty liên kết phù hợp với định hướng phát triển chung.

  In 2025, the Company continued to maintain the operations of its subsidiaries and associated companies in line with its overall development orientation.

- Các công ty con và công ty liên kết chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực đầu tư, năng lượng và các ngành nghề có liên quan. Hoạt động của các đơn vị này trong năm chịu ảnh hưởng nhất định từ điều kiện thị trường chung và tiến độ triển khai các dự án.

  Subsidiaries and associated companies mainly operated in the fields of investment, energy, and related sectors. Their operations during the year were affected to a certain extent by general market conditions and project implementation progress.

- Về tình hình tài chính, các công ty con và công ty liên kết cơ bản duy trì hoạt động ổn định. Một số đơn vị ghi nhận kết quả hoạt động chưa đạt như kỳ vọng do ảnh hưởng từ thị trường và tiến độ triển khai dự án, tuy nhiên nhìn chung không phát sinh các rủi ro lớn ảnh hưởng đến tình hình tài chính hợp nhất của Công ty.

  In terms of financial performance, subsidiaries and associated companies generally maintained stable operations. Some entities recorded results below expectations due to market conditions and project progress; however, overall, no significant risks arose that materially affected the Company's consolidated financial position.

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu/ *Indicators*	**Năm/ *Year* 2024**	**Năm/ *2025***	**% tăng giảm/ % *change***
Tổng giá trị tài sản/*Total asset* Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/*Payout ratio*	1.733.294.600.631	1.847.018.235.731	6,5
Doanh thu thuần/Net *revenue*	298.751.951.743	55.834.422.301	-81,3
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ *Profit from business activities*	26.852.041.521	27.937.239.857	4%
Lợi nhuận khác/Other *profits*	(19.358.527.382)	3.004.894.191	115,5
Lợi nhuận trước *thuế/Profit before tax*	7.468.514.139	30.942.134.048	314,3
Lợi nhuận sau thuế/Profit *after tax*	2.671.036.124	27.122.163.243	915,4
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/*Payout ratio*	42	185	340

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators:*

Chỉ tiêu/ *Indicators*	**Năm/ *Year***	**Năm/ *Year***	**Ghi chú/Note**

	2024	2025	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio + Hệ số thanh toán ngắn hạn/*Current ratio:* Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn *(Short term Asset/Short term debt)*	8,57	5,14	
+ Hệ số thanh toán nhanh/*Quick ratio:* Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn *Short term Asset - Inventories* *Short term Debt*	8,06	4,50	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio + Hệ số Nợ/Tổng tài sản *(Debt/Total assets ratio)*	14,72%	18,64%	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu *(Debt/Owner's Equity ratio)*	17,27%	22,90%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio + Vòng quay hàng tồn kho/ *Inventory turnover:* Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân *(Cost of goods sold/Average inventory)*	5,37	0,304	
+ Vòng quay tổng tài *Sản/Total asset turnover:* Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân *(Net revenue/ Average Total Assets)*	0,17	0,302	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần *(profit after tax/ Net revenue Ratio)*	0,89%	48,58%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu *(profit after tax/ total capital Ratio)*	0,18%	0,18%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản *(profit after tax/ Total assets*	0,154%	1,468%	

Ratio) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần *(Profit from business activities/ Net revenue Ratio)*	8,99%	50,04%	

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.*

5.1. Cổ phần/ *Shares:*

- Tổng số cổ phần: 120.806.562 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 120.806.562 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure:*

STT	Loại sở hữu	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.	Cổ đông lớn	64.365.863	53,28
2.	Cổ đông nhỏ	56.440.699	46,72
3.	Cổ đông tổ chức	58.326.025	48,28
4.	Cổ đông cá nhân	62.480.537	51,72
5.	Cổ đông trong nước	114.559.220	94,83
6.	Cổ đông nước ngoài	6.247.342	5,17
7.	Cổ đông Nhà nước	0	0
8.	Cổ đông khác	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity:* Không/No.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks:* Không/No.

e) Các chứng khoán khác/*Other securities:* Không/No.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Năng lượng tái tạo, Bất động sản. Vì vậy, để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, với vị thế là chủ đầu tư dự án, TTEG luôn ưu tiên lựa chọn nhà thầu xây dựng và cung cấp thiết bị có giải pháp tốt nhất về bảo vệ môi trường. Thiết bị trang bị cho dự án của Công ty đảm bảo tiết kiệm điện năng. Công ty ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu thay thế ít sử dụng năng lượng nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật. Trong tương lai, để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, Công ty đề ra giải pháp:

The Company's principal business sectors are renewable energy and real estate. Therefore, in order to minimize adverse environmental impacts, in its capacity as a project developer, TTEG consistently prioritizes the selection of construction contractors and equipment suppliers that offer optimal environmental protection solutions. Equipment installed for the Company's projects is designed to ensure energy efficiency. The Company also prioritizes the use of alternative materials with lower energy consumption, provided that they meet required technical standards. In the future, to further mitigate environmental impacts, the Company has established the following measures:

- Lựa chọn nhà thầu thi công và cung cấp trang thiết bị được đánh giá tài chính phù hợp và có giải pháp tốt nhất về môi trường.

  Selecting construction contractors and equipment suppliers that are financially qualified and provide the best environmental protection solutions;

- Các dự án năng lượng tái tạo sẽ đóng góp vào việc giảm khí thải Carbon, tạo năng lượng xanh.

  Renewable energy projects will contribute to reducing carbon emissions and generating green energy;

- Các dự án Bất động sản sẽ hướng tới Bất động xanh – gần gũi với thiên nhiên.

  Real estate projects will be oriented toward green developments that are environmentally friendly and integrated with nature;

- Thực hiện đề ra định mức tiêu hao năng lượng và nước đối với văn phòng Công ty.

  Establishing energy and water consumption norms for the Company's office operations;

- Trong hoạt động xây dựng của Công ty: Công ty áp dụng tối đa giải pháp bảo vệ môi trường như đầu tư trang thiết bị, xây dựng quy trình giám sát chặt chẽ, lập chỉ tiêu KPIs đánh giá về môi trường.

  In construction activities, the Company maximizes the application of environmental protection measures, including investment in equipment, establishment of strict monitoring processes, and implementation of environmental KPIs for evaluation.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

Các dự án xây dựng của TEG thực hiện đều cam kết ưu tiên sử dụng các loại vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng.

All construction projects of TEG are committed to prioritizing the use of environmentally friendly and energy-efficient building materials.

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: 0 lần.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/the *total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: Không bị xử phạt*

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

TEG tự hào là nơi tập trung đội ngũ năng động, chuyên nghiệp và có chuyên môn cao, tính đến 31/12/2025, tổng số nhân sự tại Công ty mẹ TEG là 45 người với cơ cấu như sau:

TEG takes pride in having a dynamic, professional, and highly qualified workforce. As of December 31, 2025, the total number of employees at the parent company, TEG, was 45, structured as follows:

Phân loại theo trình độ chuyên môn *Classification by Qualification*	**Số lượng** *Number*
Đại học và trên đại học *University and postgraduate*	37
Cao đẳng/ *College*	02
Trung cấp/ *Intermediate*	01
Phổ thông/ *General education*	05
Tổng cộng/ *Total*	**45**

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

TTEG là một trong những đơn vị rất quan tâm tới hệ thống phúc lợi cho cán bộ nhân viên:

TTEG is one of the enterprises that places strong emphasis on employee welfare systems, including:

- Chính sách mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBNV.

  Policies on health insurance and 24/7 accident insurance for employees;

- Chương trình du lịch cho CBNV.

  Annual travel programs for employees;

- Khám sức khỏe tổng quát, định kỳ hằng năm cho CBNV.

  Periodic comprehensive health check-ups for employees;

- Chính sách chăm lo đời sống CBNV: quà sinh nhật, quà Tết Nguyên Đán, Trung thu, Quốc tế Phụ nữ, quà cưới, thăm hỏi…

  Employee care policies, including birthday gifts, Lunar New Year (Tet) gifts, Mid-Autumn Festival gifts, International Women's Day gifts, wedding gifts, and other support visits;

- Hỗ trợ ăn trưa, đi công tác, điện thoại liên lạc…

  Allowances for lunch, business trips, and communication expenses (telephone), etc.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Đào tạo hội nhập cho tất cả CBNV;

  Orientation training for all employees;

- Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp ngắn hạn, chuyên sâu, nâng cao tay nghề cho nhân viên; và

  Short-term, specialized professional skills training programs to enhance employees' competencies; and

- Đào tạo đội ngũ lãnh đạo tiềm năng.

  Training programs for potential leadership teams.

6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

TTEG vinh hạnh là một trong những đơn vị gương mẫu tiêu biểu về đóng góp ngân sách tại địa bàn thành phố Hà Nội. Ngoài ra, TTEG còn triển khai các hoạt động an sinh xã hội vì cộng đồng tại Hà Nội và các tỉnh Vĩnh Long, Bình Định

TTEG is honored to be one of the exemplary enterprises in contributing to the state budget in Hanoi. In addition, TTEG has implemented social welfare and community support activities in Hanoi and in the provinces of Vinh Long and Binh Dinh.

6.6. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.

Để thực hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam tại COP26 (đưa phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050), Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Tiếp đó, ngày 22/7/2022, Quyết định số 882/QĐ-TTg đã được ban hành, phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030.

To fulfill Vietnam's strong commitments at COP26 (achieving net-zero emissions by 2050), the Prime Minister has issued Decision No. 1658/QĐ-TTg dated October 1, 2021 approving the National Green Growth Strategy for the period 2021–2030, with a vision to 2050. Subsequently, on July 22, 2022, Decision No. 882/QĐ-TTg was issued, approving the National Action Plan on Green Growth for the period 2021–2030

Đối với lĩnh vực chứng khoán, thị trường vốn đóng một vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dịch nền kinh tế Việt Nam theo hướng xanh. Việc chủ động xây dựng một kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cho ngành chứng khoán trong giai đoạn mới là rất quan trọng và cần thiết, nhằm hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững của Chiến lược quốc gia, tiến tới xây dựng một khuôn khổ định hướng về tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh cho các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

In the securities sector, the capital market plays an important role in the transition of Vietnam's economy toward a green orientation. Proactively developing an action plan for green growth in the securities sector in the new period is essential and necessary to realize the objectives of green and sustainable growth under the national strategy, and to establish a guiding framework for green finance and green financial products for enterprises operating in the Vietnamese securities market.

Trong thời gian qua, bản thân TTEG cũng đã có những hành động cụ thể, thiết thực để góp phần làm nền kinh tế xanh như xây dựng hệ thống văn bản pháp quy điều chỉnh tài chính bền vững, nâng cao các tiêu chuẩn về quản trị công ty và công bố thông tin gắn với các tiêu chí môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Dự án của Công ty luôn hướng đến việc đạt tiêu chuẩn thân thiện với môi trường.

In recent years, TTEG itself has undertaken specific and practical actions to contribute to a green economy, such as developing internal regulatory frameworks governing sustainable finance, enhancing corporate governance standards, and improving information

disclosure in alignment with environmental, social, and governance (ESG) criteria. The Company's projects are consistently oriented toward achieving environmentally friendly standards.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Reports and assessments of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công *ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The *Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động từ nhiều yếu tố bất lợi của thị trường, đặc biệt là sự phục hồi chậm của thị trường bất động sản, biến động của thị trường tài chính và các yếu tố vĩ mô. Trong bối cảnh đó, Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt nhằm duy trì hoạt động ổn định và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

In 2025, the Company's business operations were affected by various unfavorable market factors, particularly the slow recovery of the real estate market, fluctuations in the financial market, and macroeconomic conditions. In such context, the Company proactively implemented flexible management measures to maintain stable operations and improve business efficiency.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Unit: billion VND

Chỉ tiêu ***Indicators***	**Thực hiện 2024** ***Implement ation 2024***	**Kế hoạch 2025** ***Plan 2025***	**Thực hiện 2025** ***Implementati on 2025***	**% Hoàn thành KH 2025** ***% Completio n of 2025 Plan***	**% TH2025/ TH2024** **% Change 2025/2024**
Doanh thu thuần *Net revenue*	298,75	229,88	55,83	24,29%	18,69%
DT tài chính *Financial income*	43,42	38,27	33,45	87,42%	77,05%
LN thuần *Net profit*	26,85	65,84	27,93	42,43%	104,04%
LN trước thuế *Profit before tax*	7,46	65,84	30,94	46,99%	414,30%
LN sau thuế	2,67	51,27	27,12	52,89%	1015,42%

Profit after tax					

Doanh thu thuần năm 2025 đạt 55,83 tỷ đồng, giảm 81,31% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu do tiến độ triển khai các dự án chưa đạt kế hoạch, đồng thời Công ty chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh theo hướng thu hẹp các hoạt động kém hiệu quả và tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi.

Net revenue in 2025 reached VND 55.83 billion, representing a decrease of 81.31% compared to 2024. The primary reasons were delays in project implementation relative to plan and the Company's proactive adjustment of its business strategy toward scaling down less efficient operations and focusing on core business areas.

Mặc dù doanh thu giảm mạnh, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 27,12 tỷ đồng, tăng mạnh 1.015,42% so với năm trước. Kết quả này phản ánh hiệu quả rõ nét của các giải pháp tái cấu trúc danh mục đầu tư, tăng cường kiểm soát chi phí và tối ưu hóa nguồn lực. Bên cạnh đó, các yếu tố thu nhập khác trong năm ghi nhận tích cực, góp phần cải thiện đáng kể kết quả kinh doanh chung của Công ty.

Despite the sharp decline in revenue, profit after tax in 2025 reached VND 27.12 billion, a significant increase of 1,015.42% compared to the previous year. This result reflects the clear effectiveness of investment portfolio restructuring measures, enhanced cost control, and resource optimization. In addition, other income recorded positive contributions during the year, further improving the Company's overall business performance.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 27,93 tỷ đồng, tăng nhẹ 4,04% so với năm 2024, cho thấy hoạt động cốt lõi của Công ty vẫn được duy trì ổn định trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn.

Net profit from operating activities reached VND 27.93 billion, a slight increase of 4.04% compared to 2024, indicating that the Company's core operations remained stable despite ongoing market challenges.

Trong năm, Công ty tiếp tục triển khai tái cấu trúc danh mục đầu tư, tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực trọng tâm, đồng thời rà soát và cơ cấu lại các khoản đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và hạn chế rủi ro.

During the year, the Company continued to implement investment portfolio restructuring, focusing resources on key business areas, while reviewing and reorganizing existing investments to enhance operational efficiency and mitigate risks.

Nhìn chung, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 cho thấy Công ty đã có sự chuyển dịch tích cực từ tăng trưởng về quy mô sang nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục triển khai các chiến lược phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.

Overall, the business performance in 2025 demonstrates a positive transition from scale-driven growth to improving the quality and efficiency of operations. This serves as an important foundation for the Company to continue implementing its sustainable development strategies in the coming years.

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

2.1 Tình hình tài *sản/Assets*

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Chênh lệch

1	**Tài sản ngắn hạn**	875,2	867,45	-7,75
	Tiền và các khoản tương đương tiền	2,94	9,68	6,74
	Các khoản phải thu ngắn hạn	753,73	735,09	-18,64
	Tài sản ngắn hạn khác	3,19	13,49	10,30
	Hàng tồn kho	52,67	107,11	54,44
2	**Tài sản dài hạn**	858,1	979,57	121,47
	Các khoản phải thu dài hạn	30	75,40	45,40
	Tài sản cố định	6,6	75,60	69,00
	Đầu tư tài chính dài hạn	614,33	632,49	18,16
	Tài sản dở dang dài hạn	195,96	193,86	-2,10
	Tài sản dài hạn khác	11,21	2,22	-8,99
	Tổng tài sản	1.733,29	1847,02	113,73

Năm 2025, tổng tài sản tăng 113,73 tỷ đồng tương ứng tăng 6,5%.

2.2. Tình hình nợ phải trả/*Debt Payable*

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/2024	31/12/2025	Chênh lệch
1	**Nợ phải trả**	225,21	344,22	119,01
2	Nợ ngắn hạn	102,11	168,89	66,78
3	Nợ dài hạn	153,11	175,33	22,22

Cuối năm 2025, nợ phải trả tăng so với cuối năm 2024. Tình hình trả nợ của Công ty vẫn ổn định, không có khoản nợ nào quá hạn và trong vùng kiểm soát.

At the end of 2025, total liabilities increased compared to the end of 2024. The Company's debt repayment status remained stable, with no overdue debts and all liabilities under control.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/*Improvements in organizational structure, policies, and management.*

Trong năm 2025, Công ty đã có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, tiết giảm chi phí, giảm các cấp quản lý trung gian, giảm chồng chéo trong công việc và chức năng giữa các bộ phận, nâng cao năng suất lao động thông qua việc ứng

dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã từng bước hoàn hiện hệ thống đánh giá nhân viên trên nguyên tắc hiệu quả và công bằng.

In 2025, the Company restructured its organizational and management system toward a leaner model, reducing costs, minimizing intermediate management layers, and eliminating overlaps in functions and responsibilities among departments, thereby improving labor productivity through the application of information technology in corporate governance. In addition, the Company has gradually improved its employee evaluation system based on the principles of efficiency and fairness.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/*Development plans in future*

- Trong năm 2026, Ban Giám đốc tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển chung của Công ty và điều kiện thị trường.

  In 2026, the Board of Management will continue to implement solutions to enhance business performance, in line with the Company's overall development orientation and market conditions.

- Công ty tiếp tục tập trung nguồn lực vào lĩnh vực năng lượng là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, trong đó ưu tiên triển khai các dự án năng lượng tái tạo và điện khí LNG. Đồng thời, Công ty đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện thủ tục đầu tư và chuẩn bị triển khai các dự án nhằm từng bước hình thành nguồn doanh thu ổn định trong dài hạn.

  The Company will continue to focus resources on the energy sector as its core business, prioritizing the implementation of renewable energy and LNG-to-power projects. At the same time, the Company will accelerate the completion of investment procedures and project preparation in order to gradually establish stable long-term revenue streams.

- Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc danh mục đầu tư, rà soát và cơ cấu lại các khoản đầu tư hiện hữu, ưu tiên các dự án có hiệu quả, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các khoản đầu tư nhằm hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

  In addition, the Company will continue to restructure its investment portfolio, review and reorganize existing investments, prioritize efficient projects, and strictly control investments to mitigate risks and improve capital utilization efficiency.

- Trong công tác tài chính, Công ty tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo cân đối dòng tiền, kiểm soát chi phí, tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

  In financial management, the Company will continue to implement measures to ensure cash flow balance, control costs, optimize capital structure, and enhance capital efficiency.

- Đối với lĩnh vực bất động sản, Công ty tiếp tục rà soát các dự án, tập trung vào các dự án có tính khả thi và hiệu quả, đồng thời hạn chế mở rộng đầu tư mới trong giai đoạn ngắn hạn nhằm đảm bảo an toàn tài chính.

  With respect to the real estate sector, the Company will continue to review projects, focus on feasible and efficient projects, and limit new investments in the short term to ensure financial safety.

- Song song với đó, Công ty tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản trị, tăng cường kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai các kế hoạch trong giai đoạn tới.

Concurrently, the Company will continue to improve corporate governance effectiveness, strengthen internal controls, risk management, and human resource development to meet the requirements for implementing plans in the coming period.

- Với các giải pháp đồng bộ và định hướng rõ ràng, Ban Giám đốc kỳ vọng Công ty sẽ tiếp tục cải thiện hiệu quả hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh và từng bước hiện thực hóa các mục tiêu phát triển trong trung và dài hạn.

  With synchronized solutions and clear orientation, the Board of Management expects the Company to continue improving operational efficiency, enhancing competitiveness, and gradually achieving its medium- and long-term development objectives.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không/*No*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

Để giảm thiểu các tác động đến môi trường tự nhiên, môi trường kinh tế-xã hội, Công ty cam kết thực hiện đầy đủ tất cả các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công cũng như trong giai đoạn các dự án đi vào hoạt động. Cụ thể như sau:

To minimize impacts on the natural environment and the socio-economic environment, the Company commits to fully implementing all environmental protection measures during both the construction phase and the operational phase of its projects, specifically as follows:

- Thực hiện tất cả các biện pháp giảm thiểu tác động xấu và đảm bảo tốt các công trình đã đề xuất.

  Implementing all measures to mitigate adverse impacts and ensuring proper execution of the proposed works;

- Các công trình xử lý môi trường sẽ hoàn tất trước khi dự án đi vào hoạt động.

  Environmental treatment facilities shall be completed prior to the commencement of project operations;

- Thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến quá trình triển khai thực hiện dự án.

  Complying with all applicable regulations and general environmental protection measures related to project implementation;

- Cam kết thực hiện các biện pháp, cũng như vận hành các hệ thống xử lý nhằm khống chế đến mức thấp nhất các tác động của tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

  Committing to implement measures and operate treatment systems to minimize noise, dust, emissions, and wastewater impacts to levels that comply with Vietnamese environmental standards.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty/ Assessments *of the Board of Directors on the Company's operation*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance

Trong năm 2025, Ban Điều hành đã chủ động triển khai các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động và thách thức, đặc biệt là những ảnh hưởng từ thị trường bất động sản, tài chính và các yếu tố vĩ mô.

In 2025, the Executive Board proactively implemented business management activities in the context of a volatile and challenging market, particularly due to impacts from the real estate market, financial market, and macroeconomic factors.

Hội đồng quản trị đánh giá Ban Điều hành đã bám sát định hướng chiến lược của Công ty, chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt, góp phần duy trì hoạt động ổn định và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động.

The Board of Directors assesses that the Executive Board has closely followed the Company's strategic orientation, proactively developed and implemented flexible management solutions, thereby contributing to maintaining stable operations and gradually improving operational efficiency.

Trong năm, Ban Điều hành đã tập trung thực hiện tái cấu trúc danh mục đầu tư, kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực và điều chỉnh chiến lược kinh doanh theo hướng tập trung vào lĩnh vực năng lượng là lĩnh vực cốt lõi của Công ty. Nhờ đó, mặc dù doanh thu giảm so với năm trước, Công ty vẫn ghi nhận sự cải thiện đáng kể về lợi nhuận và hiệu quả hoạt động.

During the year, the Executive Board focused on restructuring the investment portfolio, controlling costs, optimizing resources, and adjusting the business strategy toward concentrating on the energy sector as the Company's core business. As a result, although revenue decreased compared to the previous year, the Company still recorded a significant improvement in profitability and operational efficiency.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng quản trị cũng ghi nhận một số hạn chế trong công tác điều hành, đặc biệt là tiến độ triển khai một số dự án chưa đạt kế hoạch đề ra, còn phụ thuộc vào các yếu tố pháp lý và diễn biến của thị trường.

In addition to the achieved results, the Board of Directors also noted certain limitations in management activities, particularly the slower-than-planned progress of some projects, which remained dependent on legal factors and market developments.

Trong thời gian tới, Hội đồng quản trị đề nghị Ban Điều hành tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác điều hành, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, tăng cường kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển của Công ty.

In the coming period, the Board of Directors requests the Executive Board to continue improving management effectiveness, accelerate project implementation progress, strengthen risk control, and enhance capital utilization efficiency, thereby contributing to the achievement of the Company's development objectives.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Điều hành đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ được giao, có sự chủ động, linh hoạt trong điều hành và từng bước cải thiện hiệu quả hoạt động của Công ty.

Overall, the Board of Directors assesses that the Executive Board has basically fulfilled its assigned duties, demonstrated proactiveness and flexibility in management, and gradually improved the Company's operational efficiency.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

Năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ tập trung một số định hướng sau:

In 2026, the Company's Board of Directors will focus on the following orientations:

- Tiếp tục tăng cường giám sát, song hành cùng Ban Điều hành để triển khai và thực hiện thành công các mục tiêu Nghị quyết được Đại Hội đồng cổ đông thông qua;

Continuing to strengthen supervision and closely coordinate with the Executive Board to successfully implement the objectives approved by the General Meeting of Shareholders;

- Chỉ đạo Ban Điều hành triển khai quyết liệt nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án bất động sản, năng lượng tái tạo…mà Công ty có tham gia đầu tư, góp vốn hoặc thầu xây dựng; đảm bảo thực hiện đúng tiến độ của các hợp đồng xây lắp, thương mại đã và sẽ ký kết.

  Directing the Executive Board to take decisive actions to accelerate the implementation of real estate and renewable energy projects in which the Company participates as investor, capital contributor, or construction contractor; ensuring compliance with the schedules of signed and upcoming construction and commercial contracts;

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các kế hoạch, đa dạng các giải pháp huy động vốn đầu tư đáp ứng nhu cầu vốn triển khai các dự án.

  Directing the Executive Board to implement plans and diversify capital mobilization solutions to meet funding requirements for project implementation;

- Cùng Ban Điều hành tích cực tìm kiếm, phát triển thêm các Dự án đầu tư, hợp đồng thầu xây lắp, hợp đồng thương mại mới, xúc tiến tìm kiếm, phát triển các dự án Bất động sản tiềm năng để tạo tiền đề cho các hoạt động của Công ty trong năm 2026 và các năm tới.

  Working with the Executive Board to actively seek and develop additional investment projects, construction contracts, and new commercial contracts, as well as to promote the identification and development of potential real estate projects to create a foundation for the Company's operations in 2026 and subsequent years;

- Bám sát tình hình kinh tế, tình hình thị trường và các chính sách của Nhà nước liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty để ra các quyết sách phù hợp.

  Closely monitoring economic conditions, market developments, and State policies related to the Company's business sectors in order to make appropriate decisions;

- Nhận định các cơ hội đầu tư mới và phân bổ vốn phù hợp để đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty, bao gồm các cơ hội đầu tư tài chính, đầu tư mua lại Công ty có ngành nghề phù hợp làm tăng năng lực của TTEG.

  Identifying new investment opportunities and allocating capital appropriately to achieve optimal efficiency for the Company, including financial investments and acquisitions of companies in relevant sectors to enhance TTEG's capacity;

- Tăng cường xúc tiến hợp tác với các đối tác lớn trên thế giới để cùng nghiên cứu, triển khai các dự án năng lượng tái tạo tại Việt Nam và các nước Châu Á.

  Strengthening cooperation with major international partners to jointly research and implement renewable energy projects in Vietnam and other Asian countries;

- Nhằm tăng cường công tác quản trị, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy chế, nâng cao vai trò của các thành viên Hội đồng quản trị để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, nắm bắt được các cơ hội,... qua đó từng bước nâng cao hơn nữa lợi ích của các cổ đông.

  Enhancing corporate governance by reviewing, amending, and supplementing internal processes and regulations, and strengthening the role of Board members in

promptly addressing arising issues and capturing opportunities, thereby progressively improving shareholder value.

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors:*

STT *No.*	Thành viên HĐQT *Members of the Board of Directors*	Chức vụ *Position*	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết *Ownership ratio of voting shares*	Chức danh nắm giữ tại các Công ty khác *Positions held in other companies*
1	Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch Hội đồng quản trị *Chairman of the Board of Directors*	0%	- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam; *Chairman of the Board of Directors, Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company;* - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành; *Chairman of the Board of Directors, Truong Thanh Energy Joint Stock Company;* - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh; *Chairman of the Board of Directors, Truong Thanh*

STT *No.*	Thành viên HĐQT *Members of the Board of Directors*	Chức vụ *Position*	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết *Ownership ratio of voting shares*	Chức danh nắm giữ tại các Công ty khác *Positions held in other companies*
				Energy Joint Stock Company;
2	Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị *Member of the Board of Directors*	2,67%	
3	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị *Member of the Board of Directors*	0%	- Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư Mernus *General Director, Mernus Investment Joint Stock Company;* - Tổng Giám đốc Công ty CP TTP Phú Yên *General Director, TTP Phu Yen Joint Stock Company;* - Tổng Giám đốc Công ty CP Hướng Hóa Holding *General Director, Huong Hoa Holding Joint Stock Company;* - Tổng Giám đốc Công

STT *No.*	Thành viên HĐQT *Members of the Board of Directors*	Chức vụ *Position*	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết *Ownership ratio of voting shares*	Chức danh nắm giữ tại các Công ty khác *Positions held in other companies*
				ty CP LIG- Hướng Hóa 1 *General Director, LIG – Huong Hoa 1 Joint Stock Company.*
4	Ông Trần Tuấn Phong	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị *Vice Chairman of the Board of Directors cum Independent Member of the Board of Directors*	0%	- Luật sư sáng lập Công ty Luật TNHH Quốc Tế Việt Nam (VILAF – Hồng Đức). *Founding Lawyer, Vietnam International Law Firm Limited (VILAF – Hong Duc);* - Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Nam Thanh Phong. *Director, Nam Thanh Phong Trading Services Joint Stock Company;* - Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tiên Phong Quốc tế Việt Nam. *Director, Tien Phong International Vietnam Consulting and*

STT *No.*	Thành viên HĐQT *Members of the Board of Directors*	Chức vụ *Position*	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết *Ownership ratio of voting shares*	Chức danh nắm giữ tại các Công ty khác *Positions held in other companies*
				Investment Company Limited.
5	Ông Mạc Quang Huy	Thành viên Hội đồng quản trị *Member of the Board of Directors*	1,64%	- Giám đốc Công ty TNHH MAC CAPITAL. *Director, MAC CAPITAL Company Limited;* - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FiinGroup Việt Nam. *Member of the Board of Directors, FiinGroup Vietnam Joint Stock Company;* - Trưởng ban đại diện quỹ 05 quỹ mở do Công ty VCBF quản lý *Head of Representative Board of five (05) open-ended funds managed by VCBF.*
6	Ông Hà Ngọc Minh	Thành viên Hội đồng quản trị *Member of the Board of Directors*	0,71%	- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghiệp Nhật Việt *Chairman of the*

STT *No.*	Thành viên HĐQT *Members of the Board of Directors*	Chức vụ *Position*	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết *Ownership ratio of voting shares*	Chức danh nắm giữ tại các Công ty khác *Positions held in other companies*
				Members' Council, Nhat Viet Industrial Engineering Company Limited; - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Khuôn mẫu và Thiết bị Công nghiệp TMT Việt Nam *Chairman of the Board of Directors cum Director, TMT Vietnam Mold and Industrial Equipment Joint Stock Company;* - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa TMT Việt Nam *Chairman of the Board of Directors, TMT Vietnam Plastics Joint Stock Company;* - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Giải pháp phần mềm GREX *Chairman of the Board of Directors, GREX*

STT *No.*	Thành viên HĐQT *Members of the Board of Directors*	Chức vụ *Position*	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết *Ownership ratio of voting shares*	Chức danh nắm giữ tại các Công ty khác *Positions held in other companies*
				Software Solutions Joint Stock Company.
7	Ông Đào Xuân Đức	Thành viên Hội đồng quản trị *Member of the Board of Directors*	0,19%	- Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam *Chief Accountant, Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company.*

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/the *committees of the Board of Directors:* (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/The *list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee).*

Hiện tại, Hội đồng quản trị đã thành lập 02 tiểu ban trực thuộc là Ban Thông tin và truyền thông và Bộ phận kiểm toán nội bộ

Currently, the Board of Directors has established two (02) subcommittees, namely the Information and Communications Committee and the Internal Audit Unit.

1.2.1. Ban Thông tin và truyền thông gồm các thành viên sau/ *Information and Communications Committee consists of the following members:*

1. Ông Đặng Trung Kiên – Chủ tịch HĐQT – Trưởng ban;

Mr. Dang Trung Kien – Chairman of the Board of Directors – Head of the Committee;

2. Ông Hoàng Mạnh Huy – Thành viên HĐQT – Thành viên;

Mr. Hoang Manh Huy – Member of the Board of Directors – Member;

1.2.2. Bộ phận kiểm toán nội bộ gồm các thành viên sau/ *Internal Audit Unit consists of the following members:*

1. Ông Mạc Quang Huy – Thành viên HĐQT – Trưởng ban;

Mr. Mac Quang Huy – Member of the Board of Directors – Head of the Unit;

2. Bà Đào Thị Thanh Hiền – Thành viên;

Ms. Dao Thi Thanh Hien – Member;

3. Đào Thị Hồng Hạnh – Thành viên

Ms. Dao Thi Hong Hanh – Member.

Ngoài ra, HĐQT cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như: nhân sự, lương, thưởng, kiểm toán,... Những người phụ trách kịp thời báo cáo tình hình triển khai công việc và những vướng mắc trong quá trình thực hiện. Từ đó, Ban lãnh đạo Công ty cùng các bộ phận chuyên trách thảo luận và đưa ra những kiến nghị phù hợp nhằm tháo gỡ những vướng mắc và thúc đẩy tốt hơn nữa hoạt động kinh doanh của Công ty.

In addition, the Board of Directors assigns individuals in charge of specific matters such as human resources, salary and remuneration, auditing, etc. These responsible persons promptly report on the progress of implementation and any issues arising during execution. Based on such reports, the Company's management and relevant departments discuss and propose appropriate solutions to address difficulties and further promote the Company's business operations.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors:*

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, đã thảo luận và thông qua các Nghị quyết về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

In 2025, the Board of Directors performed its functions and exercised its authority in accordance with applicable laws and the Company's Charter, discussing and approving resolutions on matters related to the Company's business operations.

HĐQT đã gặp mặt và thường xuyên giám sát chặt chẽ, kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Ban Điều hành trong công tác triển khai các nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh năm 2025.

The Board of Directors held meetings and maintained regular and close supervision, providing timely direction and support to the Executive Board in implementing assigned tasks and the 2025 business plan.

HĐQT yêu cầu Ban Điều hành báo cáo thường xuyên kết quả thực hiện theo từng kỳ và đề ra giải pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. HĐQT sẽ tiếp tục theo dõi, giám sát, định hướng đối với việc quản lý và điều hành của Ban Điều hành trong thời gian tới.

The Board of Directors required the Executive Board to regularly report implementation results on a periodic basis and to propose timely solutions to improve business efficiency. The Board of Directors will continue to monitor, supervise, and provide orientation for the management and operation of the Executive Board in the coming period.

Ngoài ra, HĐQT làm việc trực tiếp những vấn đề mà HĐQT xét thấy cần thiết đối với người có thẩm quyền của Công ty nhằm đảm bảo tất cả các hoạt động trong Công ty tuân thủ đúng pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đã ban hành.

In addition, the Board of Directors directly addresses matters it deems necessary with competent persons of the Company to ensure that all activities are conducted in compliance with applicable laws, resolutions of the General Meeting of Shareholders, and resolutions of the Board of Directors.

Cụ thể, HĐQT thường xuyên thực hiện việc theo dõi các hoạt động của Ban Điều hành và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban kiểm soát Công ty kiểm tra các vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Ban Điều hành và các vấn đề khác như:

Specifically, the Board of Directors regularly monitors the activities of the Executive Board and other management operations, and coordinates with the Board of Supervisors to review matters stated in the Executive Board's reports and other issues, including:

- Chỉ đạo, giám sát công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 và Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 01 năm 2025 theo đúng quy định. Xây dựng kế hoạch kinh doanh và nội dung các tờ trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

  Directing and supervising the organization of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders and the 1st Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2025 in compliance with regulations; preparing the business plan and proposals submitted to the 2025 General Meeting of Shareholders;

- Triển khai các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các quyết định HĐQT đã ban hành theo đúng quy trình và tiến độ đề ra.

  Implementing the contents of resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, as well as decisions issued by the Board of Directors, in accordance with prescribed procedures and timelines;

- HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Điều hành đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.

  Regularly reviewing and evaluating the implementation of business plans and key financial indicators in order to provide timely direction to the Executive Board to meet resource requirements for the Company's operations;

- Giám sát quy trình thực hiện công bố thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán.

  Supervising the process of information disclosure in accordance with regulations of the State Securities Commission and the Stock Exchange;

- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

  Inspecting compliance with the Law on Enterprises, the Company's Charter, and other applicable regulations of the State.

*** Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2025:**

Stt *No.*	Số Nghị quyết/ Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*
1.	01/2025/NQ-HĐQT	07/02/2025	Thông qua việc góp thêm vốn để tăng số vốn góp thuộc sở hữu của Công ty tại TNHH Onsen Hội Vân. *Approval of additional capital contribution to increase the Company's equity interest in Onsen Hoi Van Limited Liability Company.*
2.	02/2025/NQ-HĐQT	20/02/2025	Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường

			niên năm 2025 *Convening the 2025 Annual General Meeting of Shareholders and Finalizing the List of shareholders entitled to attend it.*
3.	03/2025/NQ-HĐQT	26/03/2025	Thông qua thời gian, địa điểm và dự thảo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 *Approval of the time, venue, and draft documents for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders*
4.	04/2025/QĐ-CTHĐQT	31/03/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025 *Decision of the Chairman of the Board of Directors on the Establishment of the Organizing Committee for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders*
5.	05/2025/QĐ-CTHĐQT	31/03/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ ĐHĐCĐ thường niên 2025 *Decision of the Chairman of the Board of Directors on the Establishment of the Shareholder Eligibility Verification Committee for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders*
6.	06/2025/NQ-HĐQT	21/04/2025	Thông qua Quy chế về Công bố thông tin *Approval of Regulation on Information Disclosure*
7.	07/2025/NQ-HĐQT	30/05/2025	Thông qua/ *Approval of:* Miễn nhiệm bà Trần Thị Thanh Huyền thôi giữ chức vụ người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty. *Dismissal of Ms. Tran Thi Thanh Huyen from the position of Corporate Governance Officer cum Company Secretary.* Bổ nhiệm ông Phạm Duy Hưng giữ chức vụ người phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty. *Appointment of Mr. Pham Duy Hung to*

			the position of Corporate Governance Officer cum Company Secretary.
8.	08/2025/NQ-HĐQT	30/05/2025	Thông qua thanh lý hợp đồng số 14/2024/HĐTX/TEG-TTP ngày 14/08/2024 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành từ ngày 31/05/2025 *Approval of the liquidation of Contract No. 14/2024/HĐTX/TEG-TTP dated 14 August, 2024 between the Company and Truong Thanh Energy Joint Stock Company, effective from 31 May, 2025.* Thông qua việc ký kết hợp đồng cho thuê xe giữa Công ty và Công ty TNHH Onsen Hội Vân *Approval of the execution of a vehicle lease agreement between the Company and Onsen Hoi Van Limited Liability Company*
9.	09/2025/QĐ-CTHĐQT	25/06/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025. *Decision of the Chairman of the Board of Directors on the Selection of the Auditing Firm for Fiscal Year 2025*
10.	09a/2025/NQ-HĐQT	01/07/2025	Thông qua gia hạn hợp đồng số 21/2023/TEG-TTPPY với Công ty Cổ phần TTP Phú Yên - Chi nhánh Phú Yên. *Approval of the extension of Contract No. 21/2023/TEG-TTPPY with TTP Phu Yen Joint Stock Company – Phu Yen Branch.*
11.	10/2025/NQ-HĐQT	18/07/2025	Miễn nhiệm ông Phạm Duy Hưng thôi giữ chức vụ người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty. *Dismissal of Mr. Pham Duy Hung from the position of the person in charge of corporate governance cum Company Secretary.* Bổ nhiệm bà Đặng Thị Hoa giữ chức vụ người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty. *Appointment of Ms. Dang Thi Hoa to the position of the person in charge of*

			corporate governance cum Company Secretary.
12.	11/2025/NQ-HĐQT	06/10/2025	Triệu tập họp đại hội đồng cổ đông bất thường lần 01 năm 2025 *Convening the Extraordinary General Meeting of Shareholders for the first time in 2025.*
13.	12/2025/NQ-HĐQT	18/10/2025	Thông qua thay đổi ngày đăng ký cuối cùng chốt quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường lần 01 năm 2025. *Approval of the change to the record date for finalizing the list of shareholders entitled to attend the Extraordinary General Meeting of Shareholders for the first time in 2025*
14.	12/2025/NQ-HĐQT	17/11/2025	Thông qua thời gian, địa điểm, dự thảo tài liệu họp đại hội đồng cổ đông bất thường lần 01 năm 2025 *Approval of the time, venue, and draft documents for the Extraordinary General Meeting of Shareholders for the first time in 2025.*
15.	13/2025/QĐ-CTHĐQT	05/12/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 01 năm 2025 *Decision of the Chairman of the Board of Directors on the establishment of the Shareholder Eligibility Verification Committee to serve the Extraordinary General Meeting of Shareholders for the first time in 2025.*
16.	14/2025/QĐ-CTHĐQT	05/12/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 01 năm 2025 *Decision of the Chairman of the Board of Directors on the establishment of the Shareholder Eligibility Verification Committee to serve the Extraordinary General Meeting of Shareholders for the first time in 2025.*
17.	15/2025/NQ-HĐQT	18/12/2025	Bầu ông Đặng Trung Kiên giữ chức danh chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

			Election of Mr. Dang Trung Kien as Chairman of the Board of Directors of the Company.
18.	16/2025/NQ-HĐQT	18/12/2025	Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty *Adjustment of the Company's business lines.*
19.	17/2025/NQ-HĐQT	24/12/2025	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành. *Approval of the transfer of shares in Truong Thanh 108 Construction Investment Joint Stock Company.*

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members.*

Thành viên HĐQT độc lập của Công ty bao gồm ông Trần Tuấn Phong, ông Akahane Seiji, và ông Kudun Sukhumananda. Ông Akahane Seiji được phân công phụ trách phát triển đối tác tại thị trường Nhật Bản, ông Trần Tuấn Phong và ông Kudun Sukhumananda được phân công phụ trách tư vấn các vấn đề liên quan pháp lý và kết nối đối tác nước ngoài.

Independent members of the Company's Board of Directors include Mr. Tran Tuan Phong, Mr. Akahane Seiji, and Mr. Kudun Sukhumananda. Mr. Akahane Seiji is assigned to be in charge of partner development in the Japanese market, while Mr. Tran Tuan Phong and Mr. Kudun Sukhumananda are responsible for advising on legal matters and facilitating connections with foreign partners.

Trong năm 2025, ông Trần Tuấn Phong, ông Akahane Seiji, và ông Kudun Sukhumananda đều đã tích cực tham gia hỗ trợ Ban Điều hành phát triển đối tác tại thị trường Nhật Bản, Thái Lan, Âu Mỹ, đã giới thiệu một số Công ty hàng đầu tại Nhật Bản, Thái Lan và Âu Mỹ đến làm việc và trao đổi.

In 2025, Mr. Tran Tuan Phong, Mr. Akahane Seiji, and Mr. Kudun Sukhumananda actively supported the Executive Board in developing partnerships in the Japanese, Thai, and European–American markets, and introduced several leading companies from Japan, Thailand, and Europe–America for meetings and discussions.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees:*

❖ Hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ/ *Activities of the Internal Audit Unit*

Trong năm 2025, Bộ phận Kiểm toán nội bộ đã phát huy vai trò trong việc đưa ra các tư vấn độc lập, khách quan, hoàn thiện các hoạt động liên quan đến quản trị công ty, quản lý rủi ro; bao gồm các công việc như sau:

In 2025, the Internal Audit Unit effectively fulfilled its role in providing independent and objective advisory services, contributing to the improvement of corporate governance and risk management activities, including the following tasks:

- Đánh giá các hệ thống được thiết lập để đảm bảo tuân thủ các chính sách, kế hoạch, thủ tục, luật pháp và quy định có thể có tác động đáng kể đến công ty;

Evaluating systems established to ensure compliance with policies, plans, procedures, laws, and regulations that may have significant impacts on the Company:

- Kiểm tra và xác nhận chất lượng, độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính của báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trước khi trình ký duyệt;

  Reviewing and verifying the quality and reliability of economic and financial information in financial statements and management accounting reports prior to submission for approval;

- Theo dõi và đánh giá quy trình quản trị, quy trình quản lý rủi ro của công ty;

  Monitoring and evaluating the Company's governance and risk management processes;

- Các công việc khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận kiểm toán nội bộ.

  Performing other tasks within the functions and duties of the Internal Audit Unit.

❖ Hoạt động của Ban Thông tin và truyền thông/ *Activities of the Information and Communications Committee*

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm 2025, Ban Thông tin và truyền thông đã thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nhiệm vụ được Hội đồng quản trị giao, đồng thời tuân thủ và chấp hành các quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban. Ban thông tin và truyền thông đã thực hiện hướng dẫn việc nhận diện và xử lý các thông tin phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo các thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty được xử lý nhanh chóng, kịp thời; đồng thời truyền thông chính xác trên các phương tiện truyền thông theo quy định pháp luật.

Based on the 2025 operational plan, the Information and Communications Committee fully and effectively performed the tasks assigned by the Board of Directors, while complying with the provisions of the Company's Charter and the Committee's operating regulations. The Committee provided guidance on identifying and handling information arising during the Company's operations, ensuring that information relating to the Company's business activities was processed promptly and efficiently, and communicated accurately through media channels in accordance with legal regulations.

Bên cạnh đó, Ban Thông tin và truyền thông đã nỗ lực phát triển trang thông tin điện tử chính thức của công ty tại địa chỉ: TTEG.vn, tạo thuận lợi cho các bên có liên quan tiếp nhận các thông tin đã công bố.

In addition, the Information and Communications Committee has actively developed the Company's official website at: TTEG.vn, facilitating stakeholders' access to disclosed information.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/the *list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate gorvenance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year:* Không/*No*

2. Ban Kiểm soát /Board of Supervisors:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát /*Members and structure of the Board of Supervisors:*

STT *No.*	Thành viên BKS *Members of the Board of Supervisors*	Chức vụ *Position*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS *Date of appointment/cessation*	Số cổ phần có quyền biểu quyết *Number of voting shares*	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết *Ownership ratio of voting shares*
1	Bà Đặng Bích Thủy	Trưởng Ban kiểm soát *Head of the Board of Supervisors*	09/12/2025	0	0%
2	Bà Lê Thùy Linh	Thành viên Ban kiểm soát *Member of the Board of Supervisors*	09/12/2025	7.144	0,006%
3	Bà Vương Thị Oanh	Thành viên Ban kiểm soát *Member of the Board of Supervisors*	09/12/2025	0	0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát/ *Activities of the Board of Supervisors:*

Trong năm 2025, BKS đã triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

In 2025, the Board of Supervisors performed its functions and duties in accordance with applicable laws, the Company's Charter, and the Regulations on the organization and operation of the Board of Supervisors.

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua việc xem xét tính phù hợp của việc ban hành các Quy chế, văn bản của Công ty phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Ngoài ra, BKS còn thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình thông qua kiểm soát việc đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan; Kiểm tra báo cáo tài chính Quý, báo cáo tài chính bán niên và giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty được minh bạch, hiệu quả, phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cá nhân, bộ phận phụ trách; Tham dự các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo đó:

The Board of Supervisors carried out its duties by reviewing the appropriateness of the issuance of the Company's regulations and documents in compliance with the Company's Charter and legal provisions. In addition, the Board of Supervisors exercised its rights and responsibilities by overseeing the proposal and selection of the independent auditing firm, audit fees, and related matters; reviewing quarterly and semi-annual financial statements; and supervising the activities of the Board of Directors and the Executive Board to ensure that the Company's operations are transparent, effective, and clearly define the responsibilities and authority of each individual and department. The Board of Supervisors also attended meetings of the Board of Directors to promptly grasp the Company's business situation. Accordingly:

- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

  The Board of Directors and the Executive Board fully complied with legal regulations in management and administration. Members of the Board of Directors, the Executive Board, and managerial personnel properly performed their assigned functions and duties in accordance with the Company's Charter and the Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders;

- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc tuân thủ các quy định về công bố thông tin Báo cáo tài chính định kỳ, Báo cáo thường niên và Báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ.

  The Board of Directors and the Executive Board strictly complied with regulations on information disclosure regarding periodic financial statements, annual reports, and corporate governance reports;

- Trong năm 2025, Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động kinh doanh. Không phát sinh mâu thuẫn, xung đột lợi ích với những người có liên quan.

  In 2025, the Company did not incur any disputes related to its business operations, and no conflicts of interest with related persons arose;

- Đối với cổ đông: Trong năm 2025, BKS Công ty không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty.

With respect to shareholders: in 2025, the Board of Supervisors did not receive any requests or complaints from shareholders or groups of shareholders meeting the ownership ratio and holding period as prescribed in the Company's Charter.

*** Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2025/ *Meetings of the Board of Supervisors in 2025*:**

STT *No.*	Số *No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*
1	Số 01/2025/BB-BKS	16/01/2025	Vv Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 và Chuẩn bị các vấn đề trình lên ĐHĐCĐ thường niên 2025. *Re: Proposal for selection of the auditing firm for the 2025 financial statements and preparation of matters to be submitted to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders*
2	Số 02/2025/BB-BKS	12/12/2025	Bầu trưởng BKS. *Election of the Head of the Board of Supervisors*

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát /Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors.

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi *ích/Salary, rewards, remuneration and benefits:*

Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chủ trương Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua mức chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

The Board of Directors has implemented in accordance with the resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders regarding remuneration for the Board of Directors and the Board of Supervisors as follows:

+ Thành viên Hội đồng quản trị là 3.000.000 đồng/người/tháng.

Members of the Board of Directors: VND 3,000,000/person/month;

+ Trưởng Ban kiểm soát là 3.000.000 đồng/người/tháng.

Head of the Board of Supervisors: VND 3,000,000/person/month;

+ Thành viên Ban kiểm soát là: 1.000.000 đồng/người/tháng.

Members of the Board of Supervisors: VND 1,000,000/person/month.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders:*

Stt No.	Người thực hiện giao dịch *Transaction executor*	Quan hệ với người nội bộ *Relationship with internal persons*	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ *Number of shares owned at the beginning of the period*		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) *Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)*
			Số cổ phiếu Number of shares	*Tỷ lệ Percentage*	Số cổ phiếu *Number of shares*	Tỷ lệ *Percentage*	
1	Nguyễn Diệu Huyền	Người liên quan với người nội bộ/ *Related person*	0	0	65.500	0,054	*Mua/Buy*

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders:*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.* * *date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
1	Công ty TNHH Onsen Hội	Công ty con/*Subsidiary*	4101602086	Thôn Hội Vân, xã Hoà Hội,	07/02/	Nghị quyết số 01/2025/N	Góp vốn vào Onsen Hội Vân –	

	Vân/ Onsen Hoi Van Limited Liability Company	*Company*		tỉnh Gia Lai, Việt Nam */ Hoi Van Hamlet, Hoa Hoi Commune, Gia Lai Province, Vietnam*	2025	Q-HĐQT ngày 07 tháng 02 năm 2025/ *Resolution No. 01/2025/NQ-HDQT dated February 07, 2025*	16.700.000.000 VNĐ/ *To contribute capital to Onsen Hoi Van – VND 16,700,000,000*	
					10/02/2025	Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 02 năm 2025/ *Resolution No. 01/2025/NQ-HDQT dated February 07, 2025*	Góp vốn vào Onsen Hội Vân - 8.500.000.000 VNĐ/ *To contribute capital to Onsen Hoi Van – VND 8,500,000,000*	
					07/03/2025	Nghị quyết số 27/2023/NQ-HDQT ngày 07 tháng 11 năm 2023/ *Resolution No. 27/2023/NQ-HDQT dated November 07, 2023*	Doanh thu : Tư vấn giám sát công trình – Giá trị : 311.111.111VNĐ/ *Revenue: Construction supervision consultancy – Value: VND 311,111,111*	

					21/04/2025	Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 10 năm 2023/ *Resolution No. 26/2023/NQ-HDQT dated October 02, 2023*	Thu tiền cho thuê xe theo HĐ 25/2023/HĐ-TEG ngày 02 tháng 10 năm 2023 – Giá trị : 97.200.000 / *Vehicle rental collection under Contract No. 25/2023/HD-TEG dated October 02, 2023 – Value: VND 97,200,000*	
					30/06/2025	Nghị quyết số 27/2023/NQ-HDQT ngày 07 tháng 11 năm 2023/ *Resolution No. 27/2023/NQ-HDQT dated November 07, 2023*	Doanh thu : Tư vấn giám sát công trình – Giá trị : 311.111.111VNĐ/ *Revenue: Construction supervision consultancy – Value: VND 311,111,111*	
					30/0	Nghị quyết	Doanh thu	

					6/2025	số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 05 năm 2025/ *Resolution No. 08/2025/NQ-HDQT dated May 30, 2025*	cho thuê xe – Giá trị 20.000.000 vnđ/ *Revenue from vehicle rental – Value: VND 20,000,000*	
					19/12/2025	Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 05 năm 2025/ *Resolution No. 08/2025/NQ-HDQT dated May 30, 2025*	Doanh thu cho thuê xe – Giá trị 151.200.000 vnđ/ *Revenue from vehicle rental – Value: VND 151.200.000*	
					19/12/2025	Nghị quyết số 27/2023/NQ-HDQT ngày 07 tháng 11 năm 2023/ *Resolution No. 27/2023/NQ-HDQT dated November 07, 2023*	Doanh thu : Tư vấn giám sát công trình – Giá trị : 1.848.800.000 VNĐ/ *Revenue: Construction supervision consultancy – Value: VND 1.848.800.000*	

2	Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành *Truong Thanh Energy Joint stock company* (TTP)	Công ty con/ *Subsidiary Company*	0107660866	Tầng 4 Sun Grand City, số 3 Lương Yên, P. Hồng Hà, Hà Nội, Việt Nam/ *4th Floor, Sun Grand City, No. 3 Luong Yen, Hong Ha Ward, Hanoi, Vietnam*	10/02/2025	Nghị quyết số 70/2024/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 08 năm 2025/*Resolution No. 70/2024/NQ-HDQT dated August 14, 2025*	Thu tiền cho thuê xe theo HĐ 14/2024/HĐTX/TEG-TTP ngày 14 tháng 08 năm 2024 – Giá trị : 64.800.000 vnđ/*Collection of vehicle rental under Contract No. 14/2024/HDTX/TEG-TTP dated August 14, 2024 – Value: VND 64,800,000*	
					31/03/2025	Nghị quyết số 70/2024/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 08 năm 2025/ *Resolution No. 70/2024/NQ-HDQT dated August 14, 2025*	Doanh thu cho thuê xe Quý I– Giá trị : 60.000.000 vnđ/ *Revenue from vehicle rental for Quarter I – Value: VND 60,000,000*	
					31/0	Nghị quyết	Doanh thu	

					5/2025	số 70/2024/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 08 năm 2025/ *Resolution No. 70/2024/NQ-HDQT dated August 14, 2025*	cho thuê xe từ ngày 01/04/2025 - 31/05/2025– Giá trị : 40.000.000 vnđ/ *Revenue from vehicle rental from April 01, 2025 to May 31, 2025 – Value: VND 40,000,000*	
					08/08/2025	Nghị quyết số 70/2024/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 08 năm 2025/ *Resolution No. 70/2024/NQ-HDQT dated August 14, 2025*	Thu tiền cho thuê xe theo HĐ 14/2024/HĐTX/TEG-TTP ngày 14 tháng 08 năm 2024 – Giá trị : 108.000.000 vnđ/*Collection of vehicle rental under Contract No. 14/2024/HDTX/TEG-TTP dated August 14,*	

							2024 – Value: VND 108.000.000	
3	Công ty Cổ phần TTP Phú Yên – Chi nhánh Phú Yên	Bên liên quan khác	0107574455-001	Thôn Phong Hậu, Xã Phú Hòa 1, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	09/01/2025	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 06 năm 2023/ *Resolution No. 13/2023/NQ-HDQT dated June 29, 2023*	Thu tiền kỳ 6 theo HĐ số 21/2023/TEG-TTPY – Giá trị : 7.069.090.910 vnđ/*Collection of installment 6 under Contract No. 21/2023/TEG-TTPY – Value: VND 7,069,090,910*	
					31/03/2025	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 06 năm 2023/ *Resolution No. 13/2023/NQ-HDQT dated June 29, 2023*	Doanh thu vận hành bảo trì nhà máy – Giá trị : 6.545.454.546 vnđ/*Revenue from power plant operation and maintenance – Value: VND*	

							6,545,454,546	
					25/04/2025	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 06 năm 2023/ *Resolution No. 13/2023/NQ-HDQT dated June 29, 2023*	Thu tiền kỳ 7 theo HĐ số 21/2023/TEG-TTPY – Giá trị : 7.069.090.910 vnđ/*Collection of installment 7 under Contract No. 21/2023/TEG-TTPY – Value: VND 7,069,090,910*	
					30/06/2025	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 06 năm 2023/ *Resolution No. 13/2023/NQ-HDQT dated June 29, 2023*	Doanh thu vận hành bảo trì nhà máy – Giá trị : 6.410.934.546 vnđ/*Revenue from power plant operation and maintenance – Value: VND 6,410,934,546*	

					07/07/2025	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 06 năm 2023/ *Resolution No. 13/2023/NQ-HDQT dated June 29, 2023*	Thu tiền kỳ 8 theo HĐ số 21/2023/TEG-TTPY – Giá trị : 6.923.809.310 vnđ/*Collection of installment 7 under Contract No. 21/2023/TEG-TTPY – Value: VND 6.923.809.310*	
					29/08/2025	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 06 năm 2023/ *Resolution No. 13/2023/NQ-HDQT dated June 29, 2023*	Tạm ứng 10% Hợp đồng số 21/2023/TEG-TTPY – Giá trị: 5.089.745.455 vnđ/ *Advance payment of 10% under Contract No. 21/2023/TEG-TTPY – Amount: VND 5,089,745,455.*	
					10/10/20	Nghị quyết số	Thu tiền dịch vụ	

					25	13/2023/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 06 năm 2023/ *Resolution No. 13/2023/NQ-HĐQT dated June 29, 2023*	quý theo HĐ số 21/2023/TEG-TTPY – Giá trị : 6.923.809.310 vnđ/ *Collection of quarterly service fees under Contract No. 21/2023/TEG-TTPY – Amount: VND 6,923,809,310.*	
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	Bên liên quan khác			30/12/2025	Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 24/12/2025/ *Resolution No. 17/2025/NQ-HĐQT dated 24 December 2025*	Chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành theo HĐ số 03/2025/HĐCN-108TT, giá trị: 36.600.000.000 vnđ/ *Transfer of 2,000,000 shares in 108 Truong Thanh*	

							Construction Investment Joint Stock Company under Contract No. 03/2025/HĐCN-108TT, transaction value: VND 36,600,000,000.	
					31/12/2025		Nhận tiền chuyển nhượng cổ phần theo HĐ số 03/2025/HĐCN-108TT, giá trị: 2.000.000.000vnđ/ *Receipt of proceeds from share transfer under Contract No. 03/2025/HĐCN-108TT, amount: VND 2,000,000,000.*	

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance:*

Dưới sự định hướng chỉ đạo của Hội đồng quản trị, bên cạnh việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo pháp luật Việt Nam, Công ty hướng tới việc chủ động áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty trên thế giới và trong khu vực, nhằm cải thiện thực tiễn quản trị tại Công ty và nâng cao nhận thức của các cán bộ quản lý và cán bộ nhân viên trong Công ty.

Under the direction and guidance of the Board of Directors, in addition to complying with corporate governance regulations under Vietnamese law, the Company aims to proactively adopt international and regional best practices in corporate governance in order to improve governance practices and enhance awareness among management and employees of the Company.

Công ty đã nghiêm túc thực hiện các quy định về công bố thông tin tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, quy định của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các thông tin liên quan đến tình hình quản trị, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các thông tin bất thường đều được Công ty công bố đầy đủ và đúng thời hạn quy định tại website chính thức TTEG.vn, đảm bảo tính minh bạch với tất cả các cổ đông và nhà đầu tư.

The Company has strictly complied with information disclosure regulations under Circular No. 96/2020/TT-BTC, as well as the regulations of the Ho Chi Minh City Stock Exchange and the State Securities Commission. Information relating to corporate governance, business operations, and extraordinary events has been fully and timely disclosed on the Company's official website (TTEG.vn), ensuring transparency for all shareholders and investors.

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

The composition of the Board of Directors and the Board of Supervisors has complied with the provisions of applicable laws and the Company's Charter.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:

Theo ý kiến của kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

In the auditor's opinion, the consolidated financial statements fairly present, in all material respects, the consolidated financial position of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company as at December 31, 2025, as well as its consolidated results of operations and consolidated cash flows for the fiscal year then ended, in accordance with Vietnamese

Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and relevant legal regulations governing the preparation and presentation of consolidated financial statements.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4.	Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	6 - 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 45

****

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (tên cũ là Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành) (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (tên cũ là Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105167260, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) chấp nhận thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 25 lần. Trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 25 ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc thay đổi tên Công ty và ngành nghề kinh doanh chính.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 4 Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0242 242 5995

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: Kinh doanh bất động sản, cung cấp dịch vụ tư vấn và dịch vụ xây lắp (nhận thầu và giao lại cho các nhà thầu khác thực hiện).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Ông Trần Tuấn Phong	Phó Chủ tịch kiêm Thành viên HĐQT độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Ông Đào Xuân Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Ông Hà Ngọc Minh	hành viên HĐQT độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Ông Hoàng Đình Lợi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Ông Hoàng Mạnh Huy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Bà Đào Thị Thanh Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Ông Akahane Seiji	Thành viên HĐQT độc lập	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Ông Kundun Sukhumananda	Thành viên HĐQT độc lập	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Đặng Bích Thuỷ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Bà Lê Thuỳ Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Bà Vương Thị Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Ông Đào Xuân Đức	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Ông Phạm Duy Hoàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Hoàng Mạnh Huy	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2026
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hoa Vy	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2024

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Trung Kiên – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Đặng Trung Kiên đã ủy quyền cho Ông Hoàng Mạnh Huy – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy ủy quyền số 57/2024/UQ-TEG ngày 19 tháng 4 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Hoàng Mạnh Huy
Ngày 20 tháng 03 năm 2026

Số: 2.0258/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành) (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc	**Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0368-2023-008-1	*Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2897-2025-008-1*
Người được ủy quyền	

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**867.445.273.579**	**875.195.707.065**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**9.675.088.986**	**2.943.829.739**
1. Tiền	111		4.825.088.986	2.943.829.739
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.850.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**2.084.000.000**	**62.666.915.800**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	2.084.000.000	62.666.915.800
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**735.088.324.969**	**753.726.046.897**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	360.430.404.396	442.284.007.802
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	95.936.772.458	101.446.037.677
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	165.570.000.000	116.370.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	113.171.148.115	93.626.001.418
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(20.000.000)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**107.106.382.009**	**52.671.267.224**
1. Hàng tồn kho	141	V.7	107.106.382.009	52.671.267.224
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**13.491.477.615**	**3.187.647.405**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		227.735.122	106.956.931
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.105.074.258	3.080.690.474
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	158.668.235	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	
5 Tài sản ngắn hạn khác	155		-	

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**979.572.962.152**	**858.098.893.566**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**75.401.450.000**	**30.001.400.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	75.401.450.000	30.001.400.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**75.600.314.945**	**6.602.223.334**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	75.600.314.945	6.602.223.334
Nguyên giá	*222*		*105.022.463.053*	*10.570.639.369*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(29.422.148.108)*	*(3.968.416.035)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	*225*		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	
Nguyên giá	*228*		-	
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**193.862.311.673**	**195.956.881.526**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	193.862.311.673	195.956.881.526
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**632.489.054.078**	**614.326.821.711**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	212.515.848.619	161.924.367.571
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	429.560.605.901	459.648.105.901
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(9.587.400.442)	(7.245.651.761)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.219.831.456**	**11.211.566.995**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.847.667.112	1.449.698.516
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		372.164.344	154.386.566
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.10	-	9.607.481.913
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.847.018.235.731**	**1.733.294.600.631**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**344.216.403.393**	**255.214.031.041**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**168.887.497.370**	**102.106.416.756**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	5.791.613.111	8.026.612.352
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	54.530.796.167	1.249.274.250
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.753.167.434	13.778.418.813
4.	Phải trả người lao động	314		1.012.009.028	1.131.853.901
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	11.639.842.848	9.625.261.219
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	2.265.230.628	4.751.531.336
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	86.894.838.154	63.357.778.516
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	185.686.369
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**175.328.906.023**	**153.107.614.285**
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	174.430.234.560	152.029.875.792
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		898.671.463	1.077.738.493
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**1.502.801.832.338**	**1.478.080.569.590**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.17**	**1.502.801.832.338**	**1.478.080.569.590**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.208.065.620.000	1.208.065.620.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*1.208.065.620.000*	*1.208.065.620.000*
-	*Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		3.467.545.239	3.467.545.239
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		141.621.541.498	112.957.091.011
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*119.286.526.136*	*112.957.091.011*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*22.335.015.362*	-
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		149.647.125.601	153.590.313.340
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.847.018.235.731**	**1.733.294.600.631**

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thanh Thanh Hiền	Nguyễn Thị Hoa Vy	Hoàng Mạnh Huy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01	VI.1	**55.834.422.301**	**298.751.951.743**
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10		**55.834.422.301**	**298.751.951.743**
4.	**Giá vốn hàng bán**	11	VI.2	**32.626.896.465**	**279.246.852.208**
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		**23.207.525.836**	**19.505.099.535**
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	21	VI.3	**33.456.687.694**	**43.421.371.573**
7.	**Chi phí tài chính**	22	VI.4	**9.387.303.764**	**12.029.581.267**
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.423.663.072	5.526.620.967
8.	**Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết**	24		**(51.862.379)**	**(80.555.547)**
9.	**Chi phí bán hàng**	25		**128.000.000**	-
10.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	26	VI.5	**19.159.807.530**	**23.964.292.773**
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		**27.937.239.857**	**26.852.041.521**
12.	**Thu nhập khác**	31	VI.6	**5.190.427.834**	**74.621.534**
13.	**Chi phí khác**	32	VI.7	**2.185.533.643**	**19.458.148.916**
14.	**Lợi nhuận khác**	40		**3.004.894.191**	**(19.383.527.382)**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	50		**30.942.134.048**	**7.468.514.139**
16.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	51	V.13	**4.216.815.613**	**3.874.126.088**
17.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	52		**(396.844.808)**	**923.351.927**
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	60		**27.122.163.243**	**2.671.036.124**
19.	**Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**	61		**22.335.015.362**	**4.960.844.025**
20.	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**	62		**4.787.147.881**	**(2.289.807.901)**
21.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70	VI.8a	**185**	**42**
22.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	71	VI.8a	**185**	**42**

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thanh Thanh Hiền	Nguyễn Thị Hoa Vy	Hoàng Mạnh Huy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***30.942.134.048***	***7.468.514.139***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	8.602.113.273	4.897.347.896
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	2.368.173.355	3.762.961.290
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.615.308.927	2.739.999.010
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(33.404.666.905)	(43.413.436.629)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	5.423.663.072	5.526.620.967
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***15.546.725.770***	***(19.017.993.327)***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(58.794.656.025)	11.174.132.686
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(204.283.423)	(1.406.712.456)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		63.851.137.363	60.068.532.883
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(352.423.566)	(189.576.055)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.052.257.430)	(2.730.161.839)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(3.629.332.736)	(34.540.180.038)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***9.364.909.953***	***13.358.041.854***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(103.171.991.646)	(156.221.541.487)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	85.576.082
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.094.000.000)	(283.061.147.400)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		64.796.915.800	157.115.431.600
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	I.5a	(21.223.653.319)	(469.169.580.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		82.464.722.820	144.064.775.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.920.140.068	7.396.803.009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(23.307.866.277)***	***(599.789.683.196)***

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.17	2.401.000.000	480.206.950.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	64.367.475.786	220.463.135.068
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(46.094.418.625)	(136.216.240.118)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***20.674.057.161***	***564.453.844.950***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**6.731.100.837**	**(21.977.796.392)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**2.943.829.739**	**24.921.626.131**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		158.410	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**9.675.088.986**	**2.943.829.739**

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thanh Thanh Hiền	Nguyễn Thị Hoa Vy	Hoàng Mạnh Huy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành) (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là đầu tư, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn trong năm bao gồm: kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ tư vấn; sản xuất và kinh doanh điện; và đầu tư tài chính.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ và sản xuất điện, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường bắt đầu từ thời điểm thực hiện các thủ tục pháp lý đầu tư dự án, bao gồm xin chấp thuận đầu tư, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến khi hoàn thiện sản phẩm để chuyển nhượng. Theo đó, chu kỳ sản xuất, kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Tập đoàn thường kéo dài từ trên 12 tháng đến khoảng 36 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn
Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 13 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ (gồm 03 công ty con trực tiếp và 10 công ty con gián tiếp). Tất cả công ty con đều được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Mua công ty con
Ngày 02 tháng 01 năm 2025, Tập đoàn đã mua 1.302.501 cổ phần, tương ứng 50,0000384% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sen Xanh ("Điện mặt trời Sen Xanh"), với giá mua 13.025.010.000 VND, hình thức thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Tại thời điểm trở thành Công ty con của Tập đoàn, công ty này có 4 công ty con có cùng tỷ lệ sở hữu là 100%.
Cùng ngày, Tập đoàn đã mua 923.100 cổ phần, tương ứng 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ Xanh Trường Thành Miền Trung ("Công nghệ Xanh TTMT") , với giá mua 9.231.000.000 VND, hình thức thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Tại thời điểm trở thành Công ty con của Tập đoàn, Công ty này có 3 công ty con có cùng tỷ lệ sở hữu là 100%.

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả hợp nhất của các công ty con được mua vào ngày mua và lãi từ giao dịch mua rẻ như sau:

	Điện mặt trời Sen Xanh	Công nghệ Xanh TTMT	Cộng
Tài sản	***47.677.712.416***	***35.907.809.177***	***83.585.521.593***
Tiền và các khoản tương đương tiền	260.299.015	772.057.666	1.032.356.681
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.284.000.000	1.036.000.000	2.320.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	105.465.932	60.672.072	166.138.004
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.863.245.462	2.081.472.707	4.944.718.169
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	158.668.235	-	158.668.235

	Điện mặt trời Sen Xanh	Công nghệ Xanh TTMT	Cộng
Phải thu dài hạn khác	400.000.000	-	400.000.000
Tài sản cố định hữu hình	42.603.488.340	31.957.606.732	74.561.095.072
Nguyên giá	*53.846.545.452*	*40.568.250.454*	*94.414.795.906*
Giá trị hao mòn lũy kế	*(11.243.057.112)*	*(8.610.643.722)*	*(19.853.700.834)*
Chi phí trả trước dài hạn	2.545.432	-	2.545.432
Nợ phải trả	***16.948.093.057***	***12.218.377.310***	***29.166.470.367***
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	138.550.968	130.553.880	269.104.848
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.846.173.836	4.376.647.284	10.222.821.120
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10.963.368.253	7.705.179.146	18.668.547.399
Phải trả người lao động	-	5.997.000	5.997.000
Giá trị hợp lý của tài sản thuần	***30.729.619.359***	***23.689.431.867***	***54.419.051.226***
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	***15.364.797.883***	***11.607.821.615***	***26.972.619.498***
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	***15.364.821.476***	***12.081.610.252***	***27.446.431.728***
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	***13.025.010.000***	***9.231.000.000***	***22.256.010.000***
Lãi từ giao dịch mua rẻ [(b) – (a)]	**2.339.811.476**	**2.850.610.252**	**5.190.421.728**

Tiền chi thuần để mua các công ty con:

	Điện mặt trời Sen Xanh	Công nghệ Xanh TTMT	Cộng
Trả bằng tiền (*)	13.025.010.000	9.231.000.000	22.256.010.000
Tiền và các khoản tương đương tiền của các công ty con tại ngày mua	260.299.015	772.057.666	1.032.356.681
Tiền chi thuần	**12.764.710.985**	**8.458.942.334**	**21.223.653.319**

Góp thêm vốn vào Công ty con

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, Tập đoàn góp thêm 25.200.000.000 VND vào Công ty TNHH Onsen Hội Vân, tăng tỷ lệ lợi ích tại Công ty này từ 60% lên 65,75% từ ngày này. Cụ thể:

Giá trị ghi sổ của tài sản thuần thuộc sở hữu của Tập đoàn trước ngày góp vốn thêm (a)	:	84.958.210.895
Giá trị ghi sổ của phần vốn góp thêm (b)	:	25.200.000.000
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần thuộc sở hữu của Tập đoàn sau khi góp vốn thêm (c)	:	109.674.751.666
Chênh lệch ghi nhận "LNST chưa phân phối" (c)-(a)-(b)	:	(483.459.229)

Thoái đầu tư nhưng không mất quyền kiểm soát

Ngày 26 tháng 06 năm 2025, Tập đoàn đã thực hiện chuyển nhượng 950.000 cổ phần, tương đương 11,875% vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành cho ông Lê Quốc Cường, giá bán 19.500 VND/cổ phần. Chi tiết như sau:

Giá chuyển nhượng	:	18.525.000.000
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng	:	13.921.036.453
Lợi thế thương mại chưa phân bổ	:	1.410.906.859
Chênh lệch ghi nhận "LNST chưa phân phối"	:	3.193.056.688

Thoái đầu tư và mất quyền kiểm soát

Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện các giao dịch chuyển nhượng một phần khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành, bao gồm: (i) Ngày 26 tháng 06 năm 2025, chuyển nhượng 950.000 cổ phần cho ông Lê Quốc Cường, giá bán 19.500 VND/cổ phần; (ii) Ngày 30 tháng 12 năm 2025, chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land (bên liên quan), giá bán 18.300 VND/cổ phần.

Sau giao dịch (i), Tập đoàn vẫn nắm quyền kiểm soát Công ty con. Sau giao dịch (ii), Tập đoàn chỉ còn nắm giữ 30,125% quyền biểu quyết và không còn kiểm soát công ty này. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên kết" theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tài sản và nợ phải trả của công ty con tại ngày thoái vốn như sau:

	Số tiền
Tài sản	***124.541.180.403***
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.541.162
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	41.262.400.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	445.657.000
Phải thu ngắn hạn khác	556.268.160
Hàng tồn kho	50.998.702.359
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.191.176.181
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.087.500.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(6.424.674)
Chi phí trả trước dài hạn	2.360.215
Nợ phải trả	***7.530.705.083***
Phải trả người bán ngắn hạn	4.266
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.000.000
Phải trả người lao động	3.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	262.459.428
Phải trả ngắn hạn khác	4.751.227.746
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.317.327.274
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	185.686.369
Tài sản thuần	***117.010.475.320***
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (44,875%)	***52.508.450.800***
Tài sản thuần của Tập đoàn (55,125%)	***64.502.024.520***
Tỷ lệ vốn chuyển nhượng	***25%***
Tài sản thuần chuyển nhượng	**29.252.618.830**

Lãi liên quan đến thoái vốn tại công ty con như sau:

Giá chuyển nhượng (a)	36.600.000.000
Tài sản thuần chuyển nhượng (b)	(29.252.618.830)
Lợi thế thương mại chưa được phân bổ (c)	(2.356.000.000)
Lãi lũy kế từ các giao dịch thay đổi tỷ lệ sở hữu không làm mất quyền kiểm soát, được tái phân loại từ vốn chủ sở hữu sang kết quả kinh doanh (d)	8.935.607.051
Lãi thoái vốn (e=a-b-c+d)	**13.926.988.221**

Tiền thu thuần từ việc thoái vốn tại công ty con:

Thu bằng tiền	2.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền tại công ty con tại ngày chuyển nhượng	3.541.162
Tiền thu thuần	**1.996.458.838**

Cam kết góp vốn thành lập Công ty con

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/2024/NQ-HĐQT/TEG ngày 31 tháng 10 năm 2024, Tập đoàn tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối Điện Trường Thành GIP ("GIP"), với tổng vốn điều lệ của GIP là 5.000.000.000 VND, tương ứng 500.000 cổ phần. Trong đó:

Tên công ty góp vốn	Số vốn cam kết góp		Số đã góp tại 31/12/2025	Số còn phải góp
	VND	Tỷ lệ %		
Công ty mẹ	2.525.000.000	50,5%	50.500.000	2.474.500.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành	25.000.000	0,5%	500.000	24.500.000

5b. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động trong năm	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con cấp 1						
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành ("TTP")	Tầng 4 Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 3 Lương Yên, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	Công ty hoạt động bình thường. Lợi nhuận chủ yếu đến từ hoạt động đầu tư.	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%
Công ty TNHH Onsen Hội Vân ("Onsen HV")	Thôn Hội Vân, Xã Hòa Hội, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Công ty chưa phát sinh doanh thu. Hoạt động chính trong năm là đầu tư xây dựng cơ bản.	65,75%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối Điện Trường Thành GIP	Tầng 1, Lô DVCC1-1, KCN Liên Hà Thái (Green iP-1), Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Công ty mới thành lập, chưa phát sinh doanh thu	2,04%	50,96%	51,00%	51,00%
Công ty con cấp 2 (Các công ty con của Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành)						
Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh ("TTP Trà Vinh")	Căn hộ PG1-10, khu nhà phố Vincom, khóm 3, Phường Trà Vinh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	Công ty không phát sinh doanh thu trong năm. Hoạt động chính trong năm là tiếp tục đầu tư dự án	94,98%	94,98%	99,00%	99,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành Miền Trung	Số nhà 220, đường Lê Đại Hành, tổ 11, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Đầu tư tài chính	46,98%	-	51,00%	-
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sen Xanh	Số nhà 220, đường Lê Đại Hành, tổ 11, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Đầu tư tài chính	46,06%	-	50,0000384 %	-
Công ty con cấp 3						
Công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành Miền Trung						
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhơn Tân 1	Số 108, đường Hàm Nghi, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất điện (*)	46,98%	-	100%	
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhơn Tân 2	Số 396 đường Tây Sơn, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất điện (*)	46,98%	-	100%	
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhơn Tân 5	Lô 32 Hoàng Văn Thái, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất điện (*)	46,98%	-	100%	

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động trong năm	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con của Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sen Xanh						
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Aquila	Nhà số 6 đường 4A, Khu An Phú An Khánh, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất điện (*)	46,06%	-	100%	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Lyra	154/30/16 Phạm Văn Hai, Phường Tân Sơn Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất điện (*)	46,06%	-	100%	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Vega	22 đường số 63, Khu phố 1, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất điện (*)	46,06%	-	100%	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Vela	87/42/8 Đường 27, Phường An Nhơn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất điện (*)	46,06%	-	100%	-

(*) *Các công ty này đều đã đi vào sản xuất kinh doanh và có doanh thu bán điện.*

5c. *Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động trong năm	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	Căn hộ PG1-10, khu nhà phố Vincom, khóm 3, Phường Trà Vinh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	Công ty chưa phát sinh doanh thu. Hoạt động chủ yếu trong năm là đầu tư dự án và tạm ứng cho các cá nhân để thực hiện dự án.	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành ("108TT")	Số nhà 645/9/15, đường Quang Trung, phường Cẩm Thành, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	Công ty không phát sinh doanh thu trong năm. Hoạt động chính trong năm là tiếp tục đầu tư dự án bất động sản để kinh doanh.	30,125%	67,00%	30,125%	67,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có 61 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 65 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không, trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tập đoàn tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 6
Máy móc và thiết bị	3 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư của các lần mua được ghi nhận theo giá gốc. Tập đoàn không đánh giá lại giá phí khoản đầu tư của những lần mua trước khi đạt được quyền kiểm soát do chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia với đơn giá được quy định tại các Hợp đồng kinh tế ký kết với các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Điện lực.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	23.572.146	2.216.502
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.801.516.840	2.941.613.237
Các khoản tương đương tiền *(tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)*	4.850.000.000	-
Cộng	**9.675.088.986**	**2.943.829.739**

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	5.403.200.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - MSB – Chi nhánh Hà Nam	2.084.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (dưới hình thức ủy thác cho các cá nhân gửi tiền) (i)	-	57.263.715.800
Cộng	**2.084.000.000**	**62.666.915.800**

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn được Công ty mẹ ủy thác cho cá nhân gửi với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 3,7% - 5,2%/năm. Các sổ tiết kiệm phát sinh từ hợp đồng ủy thác sẽ do Công ty mẹ cất giữ và bảo quản cho đến khi đáo hạn. Khoản tiền gửi đã đáo hạn và được Công ty thu hồi trong năm.

2b. *Đầu tư vào công ty liên kết*

	Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Cộng
Số cuối năm			
Giá gốc	162.000.000.000	39.652.700.000	201.652.700.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(127.494.808)	10.990.643.427	10.863.148.619
Cộng	**161.872.505.192**	**50.643.343.427**	**212.515.848.619**
Số đầu năm			
Giá gốc	162.000.000.000	-	162.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(75.632.429)	-	(75.632.429)
Cộng	**161.924.367.571**	**-**	**161.924.367.571**

Chi tiết số lượng cổ phần do Tập đoàn sở hữu và tỷ lệ sở hữu tương ứng như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	16.200.000	36,00%	16.200.000	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành (*)	2.410.000	30,125%	5.360.000	67,00%

(*) Xem thêm thuyết minh I.5a – Tái cấu trúc Tập đoàn liên quan đến thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Cộng
Số đầu năm	161.924.367.571	-	161.924.367.571
Phần lãi/(lỗ) trong năm	(51.862.379)	-	(51.862.379)
Phân loại khoản đầu tư từ Công ty con sang Công ty liên kết	-	50.643.343.427	50.643.343.427
Số cuối năm	**161.872.505.192**	**50.643.343.427**	**212.515.848.619**

Tình hình hoạt động của công ty liên kết
Các công ty liên kết đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, chưa tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giao dịch với công ty liên kết
Trong năm, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

2c. *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Năng lượng Quảng Phú (*)	-	-	30.087.500.000	(5.936.005)
Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding	40.249.990.000	(4.926.503.016)	40.249.990.000	(4.036.392.701)
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	73.621.035.901	-	73.621.035.901	-
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Duyên Hải	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh	300.689.580.000	(4.660.897.426)	300.689.580.000	(3.203.323.055)
Cộng	**429.560.605.901**	**(9.587.400.442)**	**459.648.105.901**	**(7.245.651.761)**

(*) Khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành vào Công ty Cổ phần Năng lượng Quảng Phú, giảm do ngừng hợp nhất kinh doanh.

Chi tiết số lượng cổ phần do Tập đoàn sở hữu và tỷ lệ sở hữu tương ứng như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Năng lượng Quảng Phú	-	-	3.008.750	12,04%
Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding	4.024.999	19,99%	4.024.999	19,99%
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	5.765.599	4,99%	5.765.599	4,99%
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Duyên Hải	1.500.000	15,00%	1.500.000	15,00%
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh	15.034.479	19,99%	15.034.479	19,99%

Tình hình hoạt động của các công ty mà Tập đoàn đang đầu tư

Ngoài Công ty Cổ phần TTP Phú Yên có hoạt động kinh doanh bình thường với hoạt động chính trong năm là sản xuất và bán điện, các đơn vị còn lại đều đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa có kết quả sản xuất kinh doanh.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn đang sử dụng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của một số đơn vị để làm cơ sở xác định số trích lập dự phòng, do chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.245.651.761	3.482.690.471
Trích lập dự phòng bổ sung	2.348.173.355	3.762.961.290
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(6.424.674)	-
Số cuối năm	**9.587.400.442**	**7.245.651.761**

Kế hoạch thanh lý khoản đầu tư

Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (Công ty con) nhận nợ vay từ B.Grimm Renewable Power 2 Limited theo thỏa thuận vay ngày 01/07/2020 để đổi lại quyền nhận được 3.062.400 cổ phần của Công ty Cổ phần TTP Phú Yên. Khoản vay đã đến hạn vào ngày 01/7/2021, tuy nhiên, đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, các bên vẫn chưa làm thủ tục gia hạn và chưa chuyển quyền sở hữu cổ phần TTP Phú Yên *(Xem Thuyết minh V.16)*.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan về hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	***8.297.164.619***	***22.732.782.802***
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	5.452.291.892	5.452.291.892
Công ty Cổ phần Trường Thành Đại Phát	-	8.591.400.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	300.000.000	1.620.000.000
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	2.544.872.727	7.069.090.910
Phải thu bên liên quan về chuyển nhượng cổ phần (i)	***34.600.000.000***	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	34.600.000.000	-
Phải thu các khách hàng khác về chuyển nhượng cổ phần (ii)	***316.345.561.018***	***419.451.225.000***
Ông Phạm Tiến Quân	29.187.000.018	50.540.000.000

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Lê Hoàng Bảo	11.200.000.000	35.500.000.000
Ông Lê Quốc Cường	16.210.000.000	-
Ông Cao Trương Công Bắc	117.883.036.000	127.080.000.000
Ông Dương Đình Tâm	37.203.300.000	50.000.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	59.112.225.000	59.112.225.000
Ông Nguyễn Tùng Lâm	45.550.000.000	45.550.000.000
Ông Đỗ Chí Hiếu	-	18.419.000.000
Ông Đỗ Văn Quang	-	21.750.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hà	-	11.500.000.000
Phải thu các khách hàng khác	***1.187.678.759***	***100.000.000***
Cộng	**360.430.404.396**	**442.284.007.802**

(i) Phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land theo Hợp đồng số 03/2025/HĐCN-108TT ngày 30/12/2025 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành (Xem thuyết minh V.2b). Thời hạn thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Trong năm 2026 và tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land đã thanh toán thêm cho Công ty 1.100.000.000 VND.

(ii) Các khoản phải thu cá nhân về chuyển nhượng cổ phần, chi tiết như sau:

Tên cá nhân	Thông tin về hợp đồng	Thời hạn thanh toán
Ông Phạm Tiến Quân	Hợp đồng ngày 25/12/2024 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Trường Thành Bình Định	Trong vòng 09 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến ngày 25/09/2026
Ông Lê Hoàng Bảo	Hợp đồng ngày 05/06/2024 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; gia hạn chậm nhất đến ngày 06/07/2026
Ông Lê Quốc Cường	Hợp đồng ngày 26/6/2025 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Trong vòng 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
Ông Cao Trương Công Bắc	Hợp đồng ngày 01/05/2024 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần TTP Phù Mỹ	Trong vòng 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến 27/11/2026
Ông Dương Đình Tâm	Hợp đồng ngày 12/03/2024 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Điện mặt trời Lệ Thủy.	Trong vòng 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến 08/09/2026
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Hợp đồng ngày 06/06/2024 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Điện mặt trời Kỳ Sơn	Trong vòng 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến 03/12/2026
Ông Nguyễn Tùng Lâm	Hợp đồng ngày 12/03/2024 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Điện mặt trời Lệ Thủy.	Trong vòng 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến 08/09/2026

Các khoản phải thu này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần đã chuyển nhượng cho đến khi bên mua hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Tập đoàn.

Từ ngày 01/01/2026 đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các khách hàng mua cổ phần đã thanh toán cho Tập đoàn 2.740.000.000 VND.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	***89.078.885.284***	***92.625.177.863***
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam ("TTVN") (i)	41.230.000.000	41.230.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land (ii)	47.848.885.284	51.395.177.863
Trả trước cho người bán khác	***6.857.887.174***	***8.820.859.814***
Cộng	**95.936.772.458**	**101.446.037.677**

(i) Khoản ứng trước liên quan đến Hợp đồng số 02/2024/HĐCN-TTP ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành ("TTP"). Số dư trả trước TTVN tại thời điểm kết thúc năm tài chính tương ứng với giá mua 3.100.000 cổ phần TTP chưa hoàn thành thủ tục chuyển quyền sở hữu cho Công ty.

(ii) Ứng trước theo Hợp đồng nguyên tắc tổng thầu ngày 28/5/2023 để thực hiện việc thi công xây dựng công trình Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khoẻ và dân cư khu vực Suối nước nóng Hội Vân. Dự án được khởi công ngày 06/9/2023 và dự kiến hoàn thành vào Quý III/2027.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	***15.270.000.000***	***16.400.000.000***
Bà Đặng Thị Phương Hoa	15.270.000.000	16.400.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	***150.300.000.000***	***99.970.000.000***
Ông Vũ Bảo Long	39.950.000.000	39.370.000.000
Ông Lê Vũ Dũng	17.010.000.000	-
Ông Dương Anh Na	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Việt Mỹ	32.740.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long	42.600.000.000	42.600.000.000
Cộng	**165.570.000.000**	**116.370.000.000**

Thông tin bổ sung về các khoản cho vay như sau:

Bên vay	Hợp đồng/Mục đích	Thời hạn vay	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo
Bà Đặng Thị Phương Hoa	Hợp đồng ngày 26/12/2023, mục đích để đầu tư	Đến 05/07/2026	10%	Bảo lãnh bởi bên thứ 3 là Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam
Ông Vũ Bảo Long	Hợp đồng ngày 27/05/2024, mục đích để đầu tư	6 tháng; được tái tục trong vòng 12 tháng cho đến ngày 30/11/2026	10%	Bảo lãnh bởi bên thứ 3 là Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam
Ông Lê Vũ Dũng	Hợp đồng ngày 27/10/2025, mục đích để đầu tư	01 năm	10%	Bảo lãnh bởi bên thứ 3 là Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam
Ông Dương Anh Nam	Hợp đồng ngày 06/03/2024, mục đích để đầu tư	12 tháng, được tái tục đến ngày 06/3/2027	8%	1.800.000 cổ phần thuộc sở hữu của ông Trần Kim Tuyến tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Đầu tư Nam Minh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Việt Mỹ	Hợp đồng ngày 02/01/2025, mục đích để bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Bên vay	1 năm và được tái tục trong vòng 12 tháng cho đến ngày 03/01/2027	10%	Toàn bộ tài sản hợp pháp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam theo Văn bản cam kết bảo lãnh số 45/2026/VBCK/TTVN – VM – TTEG ngày 19/03/2026

Bên vay	Hợp đồng/Mục đích	Thời hạn vay	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long (thành viên góp vốn của Onsen Hội Vân)	Hợp đồng ngày 08/12/2021, mục đích bổ sung vốn kinh doanh của bên vay	3 tháng kể từ ngày giải ngân, được tiếp tục tái tục khi đến hạn trong trường hợp hai bên vẫn có nhu cầu vay và cho vay	12%	bảo lãnh thanh toán bằng toàn bộ phần vốn góp của Bên vay tại Bên cho vay (Onsen Hội Vân), tương đương 60 tỷ VND; và 5.000.000 cổ phần của Bà Đặng Thu Trang (Bên liên quan của Tập đoàn) tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land

6. Phải thu khác

6a. *Phải thu ngắn hạn khác*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan - Tạm ứng	***8.465.000.000***	-	***8.765.000.000***	-
Ông Đặng Trần Quyết (i)	5.100.000.000	-	300.000.000	-
Ông Lê Đình Ngọc	-	-	5.100.000.000	-
Bà Đào Thị Thanh Hiền	3.365.000.000	-	3.365.000.000	-
Phải thu các bên liên quan - Lãi cho vay	***599.082.188***	-	***679.586.298***	-
Bà Đặng Thị Phương Hoa	599.082.188	-	679.586.298	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	***104.107.065.927***	-	***84.181.415.120***	-
Lãi cho vay phải thu	21.649.248.564	-	8.917.103.358	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Việt Mỹ	*2.938.315.068*	-	*961.506.849*	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long	*11.044.368.564*	-	*5.932.368.564*	-
Ông Lê Bảo Long	*6.011.871.781*	-	*2.023.227.945*	-
Ông Lê Vũ Dũng	*290.693.151*	-	-	-
Ông Dương Anh Nam	*1.364.000.000*	-	-	-
Lãi tiền gửi dự thu	2.385.727.397	-	427.967.498	-
Ký cược, ký quỹ	*21.110.000*	-	26.110.000	-
Tạm ứng	*79.476.212.483*	-	74.720.739.013	-
Ông Lê Vũ Dũng	-	-	*4.506.000.000*	-
Ông Trần Nguyễn Anh Tuấn (ii)	*1.621.782.443*	-	*67.690.000.000*	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn (iii)	*65.815.000.000*	-	-	-
Ông Nguyễn Thành Luân (iv)	*5.600.000.000*	-	-	-
Ông Lê Hoàng Bảo (iii)	*3.611.208.633*		*571.075.333*	-
Các cá nhân khác	*2.828.221.407*	-	*1.953.663.680*	-
Thuế TNDN tạm nộp 1% của bất động sản	499.307.962	-		
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	*75.459.521*	-	89.495.251	-
Cộng	**113.171.148.115**	-	**93.626.001.418**	-

(i) Ngày 01/01/2025, Ông Đặng Trần Quyết – Trưởng phòng Phát triển Dự án tại Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh đã tiếp nhận bàn giao số dư công nợ tạm ứng từ ông Lê Đình Ngọc, số tiền: 5.100.000.000 VND để tiếp tục thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Trường Thành. Thời gian hoàn ứng dự kiến khi dự án hoàn thành.

(ii) Tạm ứng cho Ông Trần Nguyễn Anh Tuấn theo Nghị quyết số 01a/2023/NQ-HĐQT ngày 15/5/2023 để thực hiện Dự án Điện gió Trà Vinh tại vùng biển ngoài khơi huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh. Trong năm, một phần khoản tạm ứng, số tiền 1.875.000.000 VND đã được hoàn ứng. Số dư tạm ứng còn lại được bàn giao lại cho Ông Nguyễn Anh Tuấn phụ trách thực hiện

(iii) Tạm ứng cho Ông Nguyễn Anh Tuấn theo thỏa thuận 3 bên với Công ty và Ông Trần Nguyễn Anh Tuấn ngày 01/12/2025 để tiếp tục thực hiện Dự án Điện gió Trà Vinh tại vùng biển ngoài

khơi huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh. Số dư tạm ứng này được bảo lãnh bởi tài sản của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam theo cam kết ngày 31/12/2025.

(iv) Tạm ứng cho các cá nhân để phục vụ Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, suối nước nóng Hội Vân. Trong năm 2026 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các cá nhân đã hoàn ứng 9.125.500.000 VND.

6b. *Phải thu dài hạn khác*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Vương Thành Nam - Ủy thác đầu tư (*)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duyên Trà - Hợp đồng hợp tác kinh doanh (**)	45.000.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	401.450.000	-	1.400.000	-
Cộng	**75.401.450.000**	**-**	**30.001.400.000**	**-**

(*) Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh (Công ty con) uỷ thác đầu tư cho Ông Vương Thành Nam theo Hợp đồng ngày 29 tháng 6 năm 2024, để mua 1.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land ("Trường Thành Land"), với giá mua 24.000 VND/cổ phần. Thời hạn ủy thác là 24 tháng.

Ngày 01 tháng 07 năm 2024, Ông Nam đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng 1.500.000 cổ phần Trường Thành Land từ Bà Đặng Thu Trang (Bên liên quan của Tập đoàn), giá mua 24.000 VND/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng mua là 36.000.000.000 VND, thời hạn thanh toán là 02 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phần từ Bên bán sang Bên mua sẽ được thực hiện khi Bên bán được thanh toán đầy đủ giá trị chuyển nhượng. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Ông Nam đã thanh toán cho bà Trang số tiền: 30.000.000.000 VND.

(**) Là khoản hợp tác phát triển Dự án Nhà máy Điện gió Đông Hải 3 (vị trí V3-2 mở rộng) tại xã Đông Hải, tỉnh Vĩnh Long theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 70/2025/HĐBCC/TEG-DT ngày 03/12/2025 với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duyên Trà. Thời hạn hợp tác 05 năm. Theo hợp đồng này, Công ty cam kết góp vào Dự án số tiền là 90.000.000.000 VND cho mục đích hợp tác cùng vận hành và kinh doanh Dự án. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Dự án đang trong giai đoạn khảo sát, nghiên cứu và phát triển. Khoản hợp tác được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam theo Văn bản cam kết bảo lãnh số 44/2026/VBCK/TTVN – DT – TTEG ngày 19/03/2026.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự án Khu nhà ở Nông thôn kết hợp Thương mại Dịch vụ Nghĩa An (i)	-	-	50.988.863.381	-
Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân (ii)	105.229.533.721	-	-	-
Dự án Nhà máy điện gió TTP Ngân Sơn (iii)	1.682.403.843	-	1.682.403.843	-
Dự án Nhà máy Điện gió Đông Hải 3 (iv)	194.444.445	-	-	-
Cộng	**107.106.382.009**	**-**	**52.671.267.224**	**-**

(i) Là chi phí xây dựng dở dang Dự án Khu nhà ở Nông thôn kết hợp Thương mại dịch vụ Nghĩa An do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành làm chủ đầu tư. Số dư giảm trong năm do ngừng hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành.

(ii) Là chi phí xây dựng dở dang phân khu nhà ở thương mại thuộc Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định do Công ty TNHH Onsen Hội Vân làm chủ đầu tư. Dự án đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 4622/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 và đã có Văn bản số 986/SXD-QLN ngày 08/08/2025 của Sở Xây dựng về việc thông

báo Nhà ở hình thành trong tương lai của dự án đã đủ điều kiện bán hàng. Phân khu nhà ở thương mại dự kiến hoàn thành và bàn giao vào quý III năm 2027. Toàn bộ chi phí xây dựng dở dang của dự án đã được Công ty TNHH Onsen Hội Vân (công ty con) dùng là tài sản thế chấp cho khoản vay của công ty con tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh V.16b)

(iii) Là chi phí xây dựng dở dang Nhà máy điện gió TTP Ngân Sơn do Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (công ty con) là chủ đầu tư. Dự án có tổng mức đầu tư là 6.380,39 tỷ VND, hiện đang trong giai đoạn khảo sát, đánh giá hiệu quả để chuẩn bị đầu tư.

(iv) Là chi phí tư vấn phương án đấu nối Dự án Nhà máy Điện gió Đông Hải 3 tại tỉnh Trà Vinh do Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (công ty con) là chủ đầu tư.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	10.466.412.096	104.227.273	10.570.639.369
Tăng do hợp nhất kinh doanh	94.414.795.906	-	-	94.414.795.906
Mua sắm mới trong năm	-	-	37.027.778	37.027.778
Số cuối năm	**94.414.795.906**	**10.466.412.096**	**141.255.051**	**105.022.463.053**
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.307.906.818	104.227.273	2.412.134.091
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	3.864.188.762	104.227.273	3.968.416.035
Tăng do hợp nhất kinh doanh	19.853.700.834	-	-	19.853.700.834
Khấu hao trong năm	4.777.014.036	815.850.537	7.166.666	5.600.031.239
Số cuối năm	**24.630.714.870**	**4.680.039.299**	**111.393.939**	**29.422.148.108**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	6.602.223.334	-	6.602.223.334
Số cuối năm	**69.784.081.036**	**5.786.372.797**	**29.861.112**	**75.600.314.945**
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng *(Xem thuyết minh V.15b).*

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng dở dang của các dự án, gồm:

	Nhà máy Điện gió Trà Vinh (i)	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân (ii)	Cộng
Số đầu năm	640.070.876	195.316.810.650	195.956.881.526
Chi phí phát sinh trong năm	-	103.134.963.868	103.134.963.868
Phân loại sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (xem thuyết minh V.7)	-	(105.229.533.721)	(105.229.533.721)
Số cuối năm	**640.070.876**	**193.222.240.797**	**193.862.311.673**

(i) Là chi phí Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Nhà máy Điện gió V4-1, V4-2, V4-3 tỉnh Trà Vinh.

(ii) Là chi phí đầu tư xây dựng dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Dự án đã được Ủy ban

Nhân dân tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 4622/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 với tổng mức đầu tư dự kiến là 726.911.000.000 VND, dự kiến hoàn thành vào Quý III/2027. Toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản của dự án đã được Công ty TNHH Onsen Hội Vân (công ty con) dùng là tài sản thế chấp cho khoản vay của công ty con tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh V.16b).

10. Lợi thế thương mại

Là lợi thế thương mại phát sinh do hợp nhất Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị đã phân bổ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	41.031.527.229	(31.424.045.316)	9.607.481.913
Giá trị phân bổ trong năm	-	(3.002.082.034)	(3.002.082.034)
Giảm do chuyển nhượng phần vốn công ty con trong năm	(3.766.906.859)	-	(3.766.906.859)
Giảm do chuyển công ty con thành công ty liên kết	(2.838.493.020)	-	(2.838.493.020)
Số cuối năm	**34.426.127.350**	**(34.426.127.350)**	**-**

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	3.659.065.704
Công ty Cổ phần Điện Thiên Ấn	2.268.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Truyền thông H.T	1.022.410.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Huy Hùng	1.211.400.000	2.196.981.818
Các nhà cung cấp khác	1.289.803.111	2.170.564.830
Cộng	**5.791.613.111**	**8.026.612.352**

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	***9.730.648.187***	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land (i)	4.600.000.000	-
Ông Đặng Trần Quyết (ii)	766.648.640	-
Bà Đặng Thị Phương Hoa (ii)	881.638.760	-
Ông Lê Đình Ngọc (ii)	1.134.558.903	-
Ông Mạc Quang Huy (ii)	820.813.699	-
Ông Trần Tuấn Phong (ii)	537.718.905	-
Bà Đào Thị Hồng (ii)	989.269.280	-
Trả trước của các khách hàng khác	***44.800.147.980***	***1.249.274.250***
Công ty Cổ phần BCG Trường Thành	-	1.249.274.250
Ông Đặng Hồng Lĩnh (ii)	5.462.047.780	-
Ông Giáp Văn Hưng (ii)	4.540.439.009	-
Các khách hàng khác (ii)	34.797.661.191	-
Cộng	**54.530.796.167**	**1.249.274.250**

(i) Khoản ứng trước theo hợp đồng tư vấn ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành ("TTP"- Công ty con) với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land ("Trường Thành Land") về việc TTP cung cấp dịch vụ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng Giai đoạn 02 – thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng – cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình, tại xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Tổng giá trị hợp đồng trọn gói là 20 tỷ VND. Thời hạn thực hiện hợp đồng dự kiến không

quá 12 tháng kể từ ngày TTP nhận được khoản tạm ứng của Trường Thành Land theo quy định của Hợp đồng. Trong năm, tổng giá trị doanh thu cung cấp dịch vụ đã được Trường Thành Land nghiệm thu theo giai đoạn với TTP là 13,8 tỷ VND.

(ii) Khoản ứng trước liên quan đến hợp đồng mua bán nhà ở Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân, xã Cát Hiệp và xã Cát Trinh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (nay là xã Hòa Hội và xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai). Thời gian dự kiến bàn giao Nhà ở giữa bên Mua và bên Bán là Quý III năm 2027. Toàn bộ các khoản phải thu phát sinh từ Dự án đã được Công ty TNHH Onsen Hội Vân (công ty con) dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay của Công ty con tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh V.16b)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp đầu năm	Phát sinh trong năm			Số cuối năm	
		Số phải nộp	Tăng/(Giảm) khác (*)	Số đã nộp trong năm	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	581.318.345	1.328.917.596	(158.668.235)	(639.568.075)	1.270.667.866	158.668.235
Thuế TNDN	3.874.126.088	4.216.815.613	269.104.848	(3.629.332.736)	4.730.713.813	-
Thuế TNDN tạm nộp hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	499.307.962	-	-	499.307.962	-
Thuế thu nhập cá nhân	93.259.898	594.865.327	(11.000.000)	(424.647.432)	252.477.793	-
Tiền thuê đất	9.229.714.482	-	-	(9.229.714.482)	-	-
Các loại thuế khác	-	45.512.008	-	(45.512.008)	-	-
Cộng	**13.778.418.813**	**6.685.418.506**	**99.436.613**	**(13.968.774.733)**	**6.753.167.434**	**158.668.235**

(*) Thay đổi do hợp nhất/ngừng hợp nhất kinh doanh

Thuế giá trị gia tăng
Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản
Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác
Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	11.639.842.848	9.362.801.791
Chi phí phải trả khác	-	262.459.428
Cộng	**11.639.842.848**	**9.625.261.219**

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***310.000.000***	***4.267.945.156***
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	-	175.482.445
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	310.000.000	4.092.462.711
- Lãi vay phải trả	-	*3.782.459.711*
- Phải trả khác (*)	*310.000.000*	*310.003.000*
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	***1.955.230.628***	***483.586.180***
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	132.625.725	57.009.795
Nhận ký cược, ký quỹ, đặt cọc	1.780.000.000	-
Lãi vay phải trả	-	123.175.704
Phải trả ngắn hạn khác	42.604.903	303.400.681
Cộng	**2.265.230.628**	**4.751.531.336**

(*) Khoản phải trả liên quan đến cổ tức được chia năm 2023 của 3.100.000 cổ phần TTP chưa được TTVN chuyển quyền sở hữu cho Công ty mẹ *(xem Thuyết minh V.4)*. Khoản cổ tức này sẽ được ghi giảm giá trị khoản đầu tư vào TTP khi TTVN hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu cổ phần cho Công ty mẹ.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	-	***21.722.923.774***
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (i)	-	21.161.746.774
Công ty Cổ phần Trường Thành Bình Định	-	561.177.000
Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân khác	***34.817.640.000***	***36.185.320.000***
Ông Hoàng Văn Dũng	-	600.000.000
Ông Dương Hữu Huân	-	500.000.000
Ông Trần Anh Đức	-	1.358.000.000
B.Grimm Renewable Power 2 Limited (ii)	34.817.640.000	33.727.320.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	***4.579.534.742***
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	4.579.534.742
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.16b)	***52.077.198.154***	***870.000.000***
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	870.000.000	870.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hà Nam	10.222.821.096	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.984.377.058	-
Cộng	**86.894.838.154**	**63.357.778.516**

(i) Khoản vay tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành, đã được thanh toán một phần cho Bên cho vay và giảm trong năm do ngừng hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành.

(ii) Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (Công ty con) nhận nợ vay từ B.Grimm Renewable Power 2 Limited theo thỏa thuận vay ngày 01/07/2020 để đổi lại quyền nhận được 3.062.400 cổ phần của Công ty Cổ phần TTP Phú Yên. Tổng giá trị khoản vay là 1.320.000 USD, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày nhận nợ. Khoản vay đã đến hạn vào ngày 01/7/2021, tuy nhiên, các bên chưa làm thủ tục gia hạn và chưa chuyển quyền sở hữu cổ phần TTP Phú Yên. Lãi suất vay năm 2025 là 5,5%/năm (Năm 2024: 5,5%/năm).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn bên liên quan	Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân khác	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	21.722.923.774	36.185.320.000	4.579.534.742	870.000.000	63.357.778.516
Số tiền vay phát sinh	301.580.500	4.947.199.998	3.309.685.765	-	8.558.466.263
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	10.222.821.120	10.222.821.120
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	-	52.077.198.154	52.077.198.154
Chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá cuối năm	-	1.090.320.000	-	-	1.090.320.000
Số tiền vay đã trả	(19.707.177.000)	(7.405.199.998)	(7.889.220.507)	(11.092.821.120)	(46.094.418.625)
Giảm do ngừng hợp nhất kinh doanh	(2.317.327.274)	-	-	-	(2.317.327.274)
Số cuối năm	**-**	**34.817.640.000**	**-**	**52.077.198.154**	**86.894.838.154**

16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	163.937.508.233	149.112.875.792
Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hà Nam (ii)	8.445.726.327	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (iii)	2.047.000.000	2.917.000.000
Cộng	**174.430.234.560**	**152.029.875.792**

(i) Công ty TNHH Onsen Hội Vân (Công ty con) vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng ngày 09 tháng 08 năm 2024, hạn mức cho vay 350 tỷ VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 60 tháng tính từ ngày tiếp theo giải ngân khoản nợ đầu tiên. Công ty không phải trả gốc vay trong khoảng thời hạn 18 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không quá 31/12/2025. Lãi suất ưu đãi trong 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của Ngày giải ngân đầu tiên là 8.6%/năm. Mục đích thanh toán các chi phí đầu tư Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân. Tài sản thế chấp là toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án này; và Quyền sử dụng đất tại xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

(ii) Bao gồm các khoản vay của Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sen Xanh và Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành Miền Trung phát sinh trong năm 2020, để tài trợ cho dự án hệ thống điện mặt trời mái nhà. Thời hạn vay 84 tháng. Tài sản thế chấp là tài sản được hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay năm 2025 là 9,22%/năm.

(iii) Công ty mẹ vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ theo các hợp đồng tín dụng ngày 12/12/2022 và ngày 09/6/2023, mục đích nhằm mua sắm tài sản cố định là các xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Số tiền vay và thời hạn vay lần lượt là 3.700.000.000 VND - 84 tháng và 1.700.000.000 VND – 60 tháng. Lãi suất vay lần lượt là 9,9% và 8,5%/năm trong 12 tháng đầu kể từ thời điểm giải ngân, sau đó áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của ngân hàng + biên độ 3,5%/năm, được điều chỉnh 6 tháng/lần. Các khoản vay có tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	52.077.198.154	870.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	174.430.234.560	152.029.875.792
Cộng	**226.507.432.714**	**152.899.875.792**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	152.029.875.792	3.787.000.000
Số tiền vay phát sinh	55.809.009.523	149.112.875.792
Tăng do hợp nhất kinh doanh	18.668.547.399	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(52.077.198.154)	(870.000.000)
Số cuối năm	**174.430.234.560**	**152.029.875.792**

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	728.065.620.000	3.609.595.239	101.850.329.683	143.848.175.137	977.373.720.059
Phát hành cổ phiếu trong năm (*)	480.000.000.000	(142.050.000)	-	-	479.857.950.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	4.960.844.025	(2.289.807.901)	2.671.036.124
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	349.000.000	349.000.000
Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu ở công ty con	-	-	6.145.917.303	12.126.793.504	18.272.710.807
Công ty con chia cổ tức	-	-	-	(443.847.400)	(443.847.400)
Số dư cuối năm trước	**1.208.065.620.000**	**3.467.545.239**	**112.957.091.011**	**153.590.313.340**	**1.478.080.569.590**
Số đầu năm nay	1.208.065.620.000	3.467.545.239	112.957.091.011	153.590.313.340	1.478.080.569.590
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	2.401.000.000	2.401.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	22.335.015.362	4.787.147.881	27.122.163.243
Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu ở công ty con	-	-	(483.459.229)	14.404.495.682	13.921.036.453
Tăng/(giảm) do ngừng hợp nhất kinh doanh 108 TT	-	-	6.812.894.354	(52.508.450.800)	(45.695.556.446)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	26.972.619.498	26.972.619.498
Số dư cuối năm nay	**1.208.065.620.000**	**3.467.545.239**	**141.621.541.498**	**149.647.125.601**	**1.502.801.832.338**

17b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.806.562	120.806.562
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	120.806.562	120.806.562
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	120.806.562	120.806.562

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	269.068.566.309
Doanh thu bán điện thương phẩm	17.296.215.027	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.538.207.274	25.248.484.851
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	4.434.900.583
Cộng	**55.834.422.301**	**298.751.951.743**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	-	3.501.567.250
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	24.738.207.274	28.276.363.640
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	13.800.000.000	1.500.000.000

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	254.823.850.727
Giá vốn của điện thương phẩm	8.714.256.292	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.912.640.173	21.173.367.831
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	3.249.633.650
Cộng	**32.626.896.465**	**279.246.852.208**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	18.229.541.323	12.505.708.376
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư dài hạn	13.926.988.221	30.906.299.516
- Công ty Cổ phần TTP Phù Mỹ	-	*722.299.516*
- Công ty Cổ phần Trường Thành Bình Định	-	*12.540.000.000*
- Công ty Cổ phần Năng lượng Quảng Phú	-	*1.500.000.000*
- Công ty Cổ phần Điện mặt trời Lệ Thủy	-	*5.000.000.000*
- Công ty Cổ phần Du lịch Trường Thành Island	-	*11.144.000.000*
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	*13.926.988.221*	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.299.999.740	
Doanh thu tài chính khác	158.410	9.363.681
Cộng	**33.456.687.694**	**43.421.371.573**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.423.663.072	5.526.620.967
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	2.348.173.355	3.762.961.290
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.615.467.337	2.739.999.010
Cộng	**9.387.303.764**	**12.029.581.267**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.478.935.997	13.850.376.174
Chi phí vật liệu quản lý	54.894.090	42.233.336
Chi phí đồ dùng văn phòng	63.653.769	287.346.278
Chi phí khấu hao tài sản cố định	823.017.203	383.640.545
Thuế, phí và lệ phí	45.000.000	12.000.000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	20.000.000	-
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	3.002.082.034	3.908.544.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.858.552.236	4.025.290.150
Các chi phí khác	813.672.201	1.454.861.410
Cộng	**19.159.807.530**	**23.964.292.773**

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi từ giao dịch mua rẻ Công ty con (xem thuyết minh I.5a)	5.190.421.728	-
Thu nhập khác	6.106	74.621.534
Cộng	**5.190.427.834**	**74.621.534**

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu, lãi chậm nộp tiền sử dụng đất	698.758.545	12.265.353.656
Giá trị còn lại của tài sản không có hồ sơ hợp lệ	-	112.674.242
Phạt vi phạm hợp đồng	-	2.441.331.388
Chi phí dự án tạm dừng không triển khai	1.486.775.098	3.644.184.620
Chi phí khác	-	994.605.010
Cộng	**2.185.533.643**	**19.458.148.916**

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	22.335.015.362	4.960.844.025
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	22.335.015.362	4.960.844.025
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	120.806.562	117.134.431
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**185**	**42**

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	120.806.562	72.806.562
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành mới ngày 29/01/2024	-	44.327.869
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**120.806.562**	**117.134.431**

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	204.618.756	259.136.816
Chi phí nhân công	13.668.289.600	14.752.478.144
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.600.031.239	988.803.016
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	3.002.082.034	3.908.544.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.427.731.918	26.774.572.482
Chi phí khác	3.206.394.893	3.553.746.635
Cộng	**52.109.148.440**	**50.237.281.973**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

1a. Danh sách các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Công ty liên kết (từ 30/12/2025)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Năng lượng Quảng Phú	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	Bên liên quan của Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Trường Thành Đại Phát	Bên liên quan của Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Bà Đặng Thị Phương Hoa	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Ông Đặng Trần Quyết	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Bà Đào Thị Hồng	Bên liên quan của Thành viên HĐQT - bà Đào Thị Thanh Hiền

1b. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Hoàng Mạnh Huy	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT (đến 09/12/2025)	-	33.000.000	33.000.000
Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Tuấn Phong	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Phó Chủ tịch	-	36.000.000	36.000.000

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Hà Ngọc Minh	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Akahane Seiji	Thành viên HĐQT độc lập (đến 09/12/2025)	-	33.000.000	33.000.000
Ông Hoàng Đình Lợi	Thành viên HĐQT (đến 09/12/2025)	-	33.000.000	33.000.000
Bà Đào Thị Thanh Hiền	Thành viên HĐQT (đến 09/12/2025)	-	33.000.000	33.000.000
Ông Đào Xuân Đức	Trưởng BKS (đến 09/12/2025), sau đó là Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Phạm Duy Hoàn	Thành viên BKS (đến 09/12/2025)	-	11.000.000	11.000.000
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên BKS (đến 09/12/2025)	-	11.000.000	11.000.000
Bà Đặng Bích Thủy	Trưởng BKS (từ 09/12/2025)	-	3.000.000	3.000.000
Bà Vương Thị Oanh	Thành viên BKS (từ 09/12/2025)	-	1.000.000	1.000.000
Bà Lê Thùy Linh	Thành viên BKS (từ 09/12/2025)	-	1.000.000	1.000.000
Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó TGĐ	691.200.000	-	691.200.000
Bà Nguyễn Thị Hoa Vy	Kế toán trưởng	416.400.000	-	416.400.000
Cộng		**1.107.600.000**	**411.000.000**	**1.518.600.000**
Năm trước				
Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Hoàng Mạnh Huy	Thành viên HĐQT/TGĐ	232.800.000	36.000.000	268.800.000
Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Akahane Seiji	Thành viên HĐQT độc lập	-	36.000.000	36.000.000
Ông Hoàng Đình Lợi	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Bà Đào Thị Thanh Hiền	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Tuấn Phong	Thành viên HĐQT kiêm Phó Chủ tịch	-	36.000.000	36.000.000
Ông Hà Ngọc Minh	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Đào Xuân Đức	Trưởng BKS	-	36.000.000	36.000.000
Ông Phạm Duy Hoàn	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó TGĐ (từ 01/04/2024)	444.850.650	-	444.850.650
Bà Nguyễn Thị Hoa Vy	Kế toán trưởng (từ 01/04/2024)	312.300.000	-	312.300.000
Ông Đặng Trần Quyết	Phó TGĐ (đến 31/03/2024)	150.900.000	-	150.900.000
Ông Nguyễn Hồng Thắng	Phó TGĐ kiêm Kế toán trưởng (đến 31/03/2024)	91.800.000	-	91.800.000
Cộng		**1.232.650.650**	**420.000.000**	**1.652.650.650**

1c. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Ngoài giao dịch đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1, các giao dịch khác phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Sử dụng dịch vụ xây lắp, sửa chữa do bên liên quan cung cấp:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	79.990.050.624	16.243.383.255
Chuyển nhượng cổ phần 108TT cho bên liên quan:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	36.600.000.000	-
Thu tiền ứng trước từ bên liên quan:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	4.600.000.000	-
Nhận chuyển nhượng cổ phần từ bên liên quan:	-	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	12.764.500.000	353.736.284.200
Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành	9.231.000.000	-
Bà Đào Thị Thanh Hiền	260.490.000	-
Nhận cổ tức từ:		
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	1.299.999.740	-
Thu tiền thanh toán theo tiến độ hợp đồng chuyển nhượng bất động sản của:		
Bà Đặng Thị Phương Hoa	881.638.760	-
Ông Đặng Trần Quyết	766.648.640	-
Ông Lê Đình Ngọc	1.134.558.903	-
Ông Mạc Quang Huy	820.813.699	-
Ông Trần Tuấn Phong	537.718.905	-
Bà Đào Thị Hồng	989.269.280	-
Chi tiền tạm ứng cho:		
Ông Đặng Trần Quyết	503.000.000	14.900.000.000
Ông Đặng Trung Kiên	120.000.000	-
Thu hồi tiền tạm ứng của:		
Ông Đặng Trần Quyết	45.000.000	14.900.000.000
Bà Đặng Thị Phương Hoa	-	32.488.806.269
Cho cá nhân vay:		
Bà Đặng Thị Phương Hoa	100.000.000	10.800.000.000
Thu hồi tiền cho cá nhân vay:		
Bà Đặng Thị Phương Hoa	1.230.000.000	9.000.000.000
Lãi cho vay phải thu:		
Bà Đặng Thị Phương Hoa	1.610.495.890	352.573.771
Vay tiền từ:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	301.580.500	4.829.922.774
Trả tiền vay cho:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	19.146.000.000	2.410.000.000

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Trường Thành Bình Định	561.177.000	86.500.000
Lãi vay phải trả:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	790.088.512	1.472.592.169

1d. Số dư với các bên liên quan

Số dư công nợ với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6a, V.12, V.14 và V.15a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực dịch vụ;
- Lĩnh vực sản xuất điện;
- Lĩnh vực đầu tư tài chính (cho vay và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác);
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- Lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính (*)	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay							
Doanh thu thuần ra bên ngoài	-	38.538.207.274	17.296.215.027	33.456.529.284	-	-	89.290.951.585
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	-	***38.538.207.274***	***17.296.215.027***	***33.456.529.284***	-	-	***89.290.951.585***
Chi phí bộ phận	-	(23.912.640.173)	(11.041.935.728)	(5.444.156.991)	-	-	(40.398.732.892)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	14.625.567.101	6.254.279.299	28.012.372.293	-	-	48.892.218.693
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(19.287.807.530)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							29.604.411.163
Doanh thu tài chính khác							158.410
Chi phí tài chính khác							(1.615.467.337)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết							(51.862.379)
Thu nhập khác							5.190.427.834
Chi phí khác							(2.185.533.643)
Chi phí thuế TNDN hiện hành							(4.216.815.613)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại							396.844.808
Lợi nhuận sau thuế TNDN							***27.122.163.243***
Năm trước							
Doanh thu thuần ra bên ngoài	269.068.566.309	25.248.484.851	-	43.412.007.892	-	4.434.900.583	342.163.959.635
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	***269.068.566.309***	***25.248.484.851***	-	***43.412.007.892***	-	***4.434.900.583***	***342.163.959.635***
Chi phí bộ phận	(254.823.850.727)	(21.173.367.831)	-	(9.289.582.257)	-	(3.249.633.650)	(288.536.434.465)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.244.715.582	4.075.117.020	-	34.122.425.635	-	1.185.266.933	53.627.525.170
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(23.964.292.773)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							29.663.232.397
Doanh thu tài chính khác							9.363.681
Chi phí tài chính khác							(2.739.999.010)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết							(80.555.547)
Thu nhập khác							74.621.534
Chi phí khác							(19.458.148.916)
Chi phí thuế TNDN hiện hành							(3.874.126.088)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại							(923.351.927)
Lợi nhuận sau thuế TNDN							***2.671.036.124***

(*) Đối với lĩnh vực đầu tư tài chính, doanh thu gồm cổ tức được chia, lãi thanh lý các khoản đầu tư, lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay. Chi phí trực tiếp gồm lỗ thanh lý các khoản đầu tư, trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư.

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính (*)	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	2.844.872.727	122.650.382.829	1.246.952.673.245	384.567.201.915	53.301.177.176	1.810.316.307.892
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							36.701.927.839
Tổng tài sản							***1.847.018.235.731***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	2.501.203.111	18.984.972.060	-	259.498.022.656	-	280.984.197.827
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							63.232.205.566
Tổng nợ phải trả							***344.216.403.393***
Số đầu năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	8.591.400.000	8.308.440.926	-	998.248.336.294	261.035.961.133	64.428.979.553	1.340.613.117.906
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							392.681.482.725
Tổng tài sản							***1.733.294.600.631***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	4.367.546.648		13.145.261.502	162.810.875.804	4.908.339.954	185.232.023.908
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							69.982.007.133
Tổng nợ phải trả							***255.214.031.041***

(*) Đối với lĩnh vực đầu tư tài chính, tài sản trực tiếp gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn; cho vay; nợ phải thu về thanh lý các khoản đầu tư, phải thu lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia; các khoản đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào đơn vị khác. Nợ phải trả trực tiếp gồm phải trả về mua cổ phần/mua khoản đầu tư.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thanh Thanh Hiền	Nguyễn Thị Hoa Vy	Hoàng Mạnh Huy

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE FISCAL YEAR ENDED 31 DECEMBER 2025

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

CONTENTS

		Page
1.	Contents	1
2.	Statement of the Board of Management	2 - 3
3.	Independent Auditor's Report	4 - 5
4.	Consolidated Balance Sheet as at 31 December 2025	6 - 9
5.	Consolidated Income Statement for the fiscal year ended 31 December 2025	10
6.	Consolidated Cash Flow Statement for the fiscal year ended 31 December 2025	11 – 12
7.	Notes to the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025	13 – 45

****

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (formerly Truong Thanh Energy and Real Estate Joint Stock Company) (hereinafter referred to as "the Company") presents this statement together with the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025 including the Financial Statements of the Company and its subsidiaries (hereinafter collectively referred to as "the Group").

Business highlights

Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (formerly Truong Thanh Energy and Real Estate Joint Stock Company is a joint stock company operating in accordance with the 1st Business Registration Certificate No. 0105167260 dated 28 February 2011 granted by Hanoi Authority for Planning and Investment.

During its operations, the Company has been 25 times approved by Hanoi Authority for Planning and Investment (now Hanoi Department of Finance) for the amendments to the Business Registration Certificates. In which, the 25th amended Business Registration Certificate dated 15 January 2026 regarded the change in the Company's name and the supplement of principal business activities.

Head office
- Address : 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam
- Tel. : 0242 242 5995

Principal business activities of the Company during the year include: Trading real estate, providing services of consultancy and construction & installation (contracting and subcontracting to other contractors for execution).

Board of Directors and Executive Officers

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Board of Management and the Chief Accountant of the Company during the year and as at the date of this statement include:

Board of Directors ("BOD")

Full name	Position	Appointing date/re-appointing date/ resigning date
Mr. Dang Trung Kien	Chairman	Re-appointed on 09 December 2025
Mr. Tran Tuan Phong	Vice Chairman cum Independent Member	Re-appointed on 09 December 2025
Mr. Dao Xuan Duc	Member	Appointed on 09 December 2025
Mr. Le Dinh Ngoc	Member	Re-appointed on 09 December 2025
Mr. Mac Quang Huy	Member	Re-appointed on 09 December 2025
Mr. Ha Ngoc Minh	Independent Member	Re-appointed on 09 December 2025
Mr. Nguyen Anh Tuan	Member	Re-appointed on 09 December 2025
Mr. Hoang Dinh Loi	Member	Resigned on 09 December 2025
Mr. Hoang Manh Huy	Member	Resigned on 09 December 2025
Ms. Dao Thi Thanh Hien	Member	Resigned on 09 December 2025
Mr. Akahane Seiji	Independent Member	Resigned on 09 December 2025
Mr. Kundun Sukhumananda	Independent Member	Resigned on 09 December 2025

Board of Supervisors ("BOS")

Full name	Position	Appointing date/resigning date
Ms. Dang Bich Thuy	Head of BOS	Appointed on 09 December 2025
Ms. Le Thuy Linh	Member	Appointed on 09 December 2025
Ms. Vuong Thi Oanh	Member	Appointed on 09 December 2025
Mr. Dao Xuan Duc	Head of BOS	Resigned on 09 December 2025
Mr. Pham Duy Hoan	Member	Resigned on 09 December 2025
Ms. Tran Thi Hanh	Member	Resigned on 09 December 2025

Board of Management and Chief Accountant

Full name	Position	Appointing date/re-appointing date
Mr. Hoang Manh Huy	General Director	Re-appointed on 22 January 2026
Mr. Nguyen Quang Vinh	Deputy General Director	Appointed on 1 October 2021
Mr. Nguyen Huy Thang	Deputy General Director	Appointed on 1 April 2024
Ms. Nguyen Thi Hoa Vy	Chief Accountant	Appointed on 1 April 2024

Legal representative

The legal representative of the Company during the year and as at the date of this statement is Mr. Dang Trung Kien – BOD Chairman.

Mr. Dang Trung Kien has authorized Mr. Hoang Manh Huy – General Director to sign the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025 in accordance with the Letter of Attorney No. 57/2024/UQ-TEG dated 19 April 2024.

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the audit on the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025 of the Group.

Responsibilities of the Board of Management

The Board of Management is responsible for the preparation of the Consolidated Financial Statements to give a true and fair view on the consolidated financial position, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows of the Group during the year. In order to prepare these Consolidated Financial Statements, the Board of Management must:

- Select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- Make judgments and estimates reasonably and prudently;
- State clearly whether the accounting standards applied to the Group are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Consolidated Financial Statements;
- Prepare the Consolidated Financial Statements of the Group on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate; and
- Design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements.

The Board of Management hereby ensures that all the proper accounting books of the Group have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Group at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Management is also responsible for managing the Group's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Management hereby commits to the compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Consolidated Financial Statements.

Approval on the Financial Statements

The Board of Management hereby approves the accompanying Consolidated Financial Statements, which give a true and fair view of the consolidated financial position as at 31 December 2025, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows for the fiscal year then ended of the Group in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Management,
General Director

M.S.D.N: 0105167240 CONG TY CO PHAN TRUONG THANH ENERGY GROUP

Hoang Manh Huy
20 March 2026

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttvha@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STK06A01, St. No 13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttvnt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 05-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4985 kttvct@a-c.com.vn

bakertilly A & C

www.a-c.com.vn

No. 2.0258/26/TC-AC

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF MANAGEMENT TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

We have audited the accompanying Consolidated Financial Statements of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (formerly Truong Thanh Energy and Real Estate Joint Stock Company) (hereinafter referred to as "the Company") and its subsidiaries (hereinafter collectively referred to as "the Group"), which were prepared on 20 March 2026, from page 06 to page 45, including the Consolidated Balance Sheet as at 31 December 2025, the Consolidated Income Statement, the Consolidated Cash Flow Statement for the fiscal year then ended and the Notes to the Consolidated Financial Statements.

Responsibility of the Board of Management

The Company's Board of Management is responsible for the preparation, true and fair presentation of the Group's Consolidated Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements; and responsible for the internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express an opinion on the Consolidated Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Group's Consolidated Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Consolidated Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Consolidated Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Group's preparation and true and fair presentation of the Consolidated Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Group's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the Consolidated Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion of Auditors

In our opinion, the Consolidated Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position as at 31 December 2025 of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company and its subsidiaries, their consolidated financial performance and their consolidated cash flows for the fiscal year then ended in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

Other matter

The Auditor's Report on the Group's Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025 as been prepared in both Vietnamese and English. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

For and on behalf of
A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.
Hanoi Branch

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C CHI NHÁNH HÀ NỘI

Nguyen Hoang Duc – Partner
Audit Practice Registration Certificate:
No. 0368-2023-008-1
Authorized signatory

Vu Minh Khoi – Auditor
Audit Practice Registration Certificate:
No. 2897-2025-008-1

Hanoi, 20 March 2026

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As at 31 December 2025

Unit: VND

	ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A -	**CURRENT ASSETS**	**100**		**867,445,273,579**	**875,195,707,065**
I.	**Cash and cash equivalents**	**110**	**V.1**	**9,675,088,986**	**2,943,829,739**
1.	Cash	111		4,825,088,986	2,943,829,739
2.	Cash equivalents	112		4,850,000,000	-
II.	**Short-term financial investments**	**120**		**2,084,000,000**	**62,666,915,800**
1.	Trading securities	121		-	-
2.	Provisions for diminution in value of trading securities	122		-	-
3.	Held-to-maturity investments	123	V.2a	2,084,000,000	62,666,915,800
III.	**Short-term receivables**	**130**		**735,088,324,969**	**753,726,046,897**
1.	Short-term trade receivables	131	V.3	360,430,404,396	442,284,007,802
2.	Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	95,936,772,458	101,446,037,677
3.	Short-term inter-company receivables	133		-	-
4.	Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
5.	Receivables for short-term loans	135	V.5	165,570,000,000	116,370,000,000
6.	Other short-term receivables	136	V.6a	113,171,148,115	93,626,001,418
7.	Allowance for short-term doubtful debts	137		(20,000,000)	-
8.	Shortage of assets awaiting resolution	139		-	-
IV.	**Inventories**	**140**		**107,106,382,009**	**52,671,267,224**
1.	Inventories	141	V.7	107,106,382,009	52,671,267,224
2.	Allowance for devaluation of inventories	149		-	
V.	**Other current assets**	**150**		**13,491,477,615**	**3,187,647,405**
1.	Short-term prepaid expenses	151		227,735,122	106,956,931
2.	Deductible VAT	152		13,105,074,258	3,080,690,474
3.	Taxes and other receivables from the State	153	V.13	158,668,235	-
4.	Trading Government bonds	154		-	-
5	Other current assets	155		-	-

Consolidated Balance Sheet (cont.)

	ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B -	**NON-CURRENT ASSETS**	**200**		**979,572,962,152**	**858,098,893,566**
I.	**Long-term receivables**	**210**		**75,401,450,000**	**30,001,400,000**
1.	Long-term trade receivables	211		-	-
2.	Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3.	Working capital in affiliates	213		-	-
4.	Long-term inter-company receivables	214		-	-
5.	Receivables for long-term loans	215		-	-
6.	Other long-term receivables	216	V.6b	75,401,450,000	30,001,400,000
7.	Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II.	**Fixed assets**	**220**		**75,600,314,945**	**6,602,223,334**
1.	Tangible fixed assets	221	V.8	75,600,314,945	6,602,223,334
	Historical costs	*222*		*105,022,463,053*	*10,570,639,369*
	Accumulated depreciation	*223*		*(29,422,148,108)*	*(3,968,416,035)*
2.	Finance lease assets	224		-	-
	Historical costs	*225*		-	-
	Accumulated depreciation	*226*		-	-
3.	Intangible fixed assets	227		-	-
	Historical costs	*228*		-	-
	Accumulated amortization	*229*		-	-
III.	**Investment properties**	**230**		-	-
	Historical costs	231		-	-
	Accumulated depreciation	232		-	-
IV.	**Long-term assets in progress**	**240**		**193,862,311,673**	**195,956,881,526**
1.	Long-term work in progress	241		-	-
2.	Construction-in-progress	242	V.9	193,862,311,673	195,956,881,526
V.	**Long-term financial investments**	**250**		**632,489,054,078**	**614,326,821,711**
1.	Investments in subsidiaries	251		-	-
2.	Investments in joint ventures and associates	252	V.2b	212,515,848,619	161,924,367,571
3.	Investments in other entities	253	V.2c	429,560,605,901	459,648,105,901
4.	Provisions for diminution in value of long-term financial investments	254	V.2c	(9,587,400,442)	(7,245,651,761)
5.	Held-to-maturity investments	255		-	-
VI.	**Other non-current assets**	**260**		**2,219,831,456**	**11,211,566,995**
1.	Long-term prepaid expenses	261		1,847,667,112	1,449,698,516
2.	Deferred income tax assets	262		372,164,344	154,386,566
3.	Long-term components and spare parts	263		-	-
4.	Other non-current assets	268		-	-
5.	Goodwill	269	V.10	-	9,607,481,913
	TOTAL ASSETS	**270**		**1,847,018,235,731**	**1,733,294,600,631**

Consolidated Balance Sheet (cont.)

	RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C -	**LIABILITIES**	**300**		**344,216,403,393**	**255,214,031,041**
I.	**Current liabilities**	**310**		**168,887,497,370**	**102,106,416,756**
1.	Short-term trade payables	311	V.11	5,791,613,111	8,026,612,352
2.	Short-term advances from customers	312	V.12	54,530,796,167	1,249,274,250
3.	Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.13	6,753,167,434	13,778,418,813
4.	Payables to employees	314		1,012,009,028	1,131,853,901
5.	Short-term accrued expenses	315	V.14	11,639,842,848	9,625,261,219
6.	Short-term inter-company payables	316		-	-
7.	Payables based on the progress of construction contracts	317		-	-
8.	Short-term unearned revenue	318		-	-
9.	Other short-term payables	319	V.15	2,265,230,628	4,751,531,336
10.	Short-term borrowings and finance leases	320	V.16a	86,894,838,154	63,357,778,516
11.	Short-term provisions	321		-	-
12.	Bonus and welfare funds	322		-	185,686,369
13.	Price stabilization fund	323		-	-
14.	Trading Government bonds	324		-	-
II.	**Non-current liabilities**	**330**		**175,328,906,023**	**153,107,614,285**
1.	Long-term trade payables	331		-	-
2.	Long-term advances from customers	332		-	-
3.	Long-term accrued expenses	333		-	-
4.	Inter-company payables for working capital	334		-	-
5.	Long-term inter-company payables	335		-	-
6.	Long-term unearned revenue	336		-	-
7.	Other long-term payables	337		-	-
8.	Long-term borrowings and finance leases	338	V.16b	174,430,234,560	152,029,875,792
9.	Convertible bonds	339		-	-
10.	Preferred shares	340		-	-
11.	Deferred income tax liabilities	341		898,671,463	1,077,738,493
12.	Long-term provisions	342		-	-
13.	Science and technology development fund	343		-	-

Consolidated Balance Sheet (cont.)

	RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D -	**OWNERS' EQUITY**	**400**		**1,502,801,832,338**	**1,478,080,569,590**
I.	**Owners' equity**	**410**	**V.17**	**1,502,801,832,338**	**1,478,080,569,590**
1.	Owners' contribution capital	411		1,208,065,620,000	1,208,065,620,000
-	*Ordinary shares carrying voting right*	*411a*		*1,208,065,620,000*	*1,208,065,620,000*
-	*Preferred shares*	*411b*		-	-
2.	Share premiums	412		3,467,545,239	3,467,545,239
3.	Bond conversion options	413		-	-
4.	Other sources of capital	414		-	-
5.	Treasury shares	415		-	-
6.	Differences on asset revaluation	416		-	-
7.	Foreign exchange differences	417		-	-
8.	Investment and development fund	418		-	-
9.	Business arrangement supporting fund	419		-	-
10.	Other funds	420		-	-
11.	Retained earnings	421		141,621,541,498	112,957,091,011
-	*Retained earnings accumulated to the end of the previous period*	*421a*		*119,286,526,136*	*112,957,091,011*
-	*Retained earnings of the current period*	*421b*		*22,335,015,362*	-
12.	Construction investment fund	422		-	-
13.	Non-controlling interests	429		149,647,125,601	153,590,313,340
II.	**Other sources and funds**	**430**		-	-
1.	Sources of expenditure	431		-	-
2.	Fund to form fixed assets	432		-	-
	TOTAL RESOURCES	**440**		**1,847,018,235,731**	**1,733,294,600,631**

Prepared on 20 March 2026

Prepared by	Chief Accountant	General Director
Bui Thanh Thanh Hien	Nguyen Thi Hoa Vy	Hoang Manh Huy

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2025

Unit: VND

	ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1.	Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01	VI.1	55,834,422,301	298,751,951,743
2.	Revenue deductions	02		-	-
3.	Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10		55,834,422,301	298,751,951,743
4.	Costs of sales	11	VI.2	32,626,896,465	279,246,852,208
5.	Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20		23,207,525,836	19,505,099,535
6.	Financial income	21	VI.3	33,456,687,694	43,421,371,573
7.	Financial expenses	22	VI.4	9,387,303,764	12,029,581,267
	In which: Interest expenses	23		5,423,663,072	5,526,620,967
8.	Profit/ (loss) in joint ventures, associates	24		(51,862,379)	(80,555,547)
9.	Selling expenses	25		128,000,000	-
10.	General and administration expenses	26	VI.5	19,159,807,530	23,964,292,773
11.	Net operating profit/ (loss)	30		27,937,239,857	26,852,041,521
12.	Other income	31	VI.6	5,190,427,834	74,621,534
13.	Other expenses	32	VI.7	2,185,533,643	19,458,148,916
14.	Other profit/ (loss)	40		3,004,894,191	(19,383,527,382)
15.	Total accounting profit/ (loss) before tax	50		30,942,134,048	7,468,514,139
16.	Current income tax	51	V.13	4,216,815,613	3,874,126,088
17.	Deferred income tax	52		(396,844,808)	923,351,927
18.	Profit/ (loss) after tax	60		27,122,163,243	2,671,036,124
19.	Profit/ (loss) after tax of the Parent Company	61		22,335,015,362	4,960,844,025
20.	Profit/ (loss) after tax of non-controlling shareholders	62		4,787,147,881	(2,289,807,901)
21.	Basic earnings per share	70	VI.8a	185	42
22.	Diluted earnings per share	71	VI.8a	185	42

Prepared on 20 March 2026

Prepared by	Chief Accountant	General Director
Bui Thanh Thanh Hien	Nguyen Thi Hoa Vy	Hoang Manh Huy

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)
For the fiscal year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit/ (loss) before tax	***01***		***30,942,134,048***	***7,468,514,139***
2. Adjustments				
- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	02	V.8	8,602,113,273	4,897,347,896
- Provisions and allowances	03	VI.4	2,368,173,355	3,762,961,290
- Exchange (gain)/ loss due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04		1,615,308,927	2,739,999,010
- (Gain)/ loss from investing activities	05		(33,404,666,905)	(43,413,436,629)
- Interest expenses	06	VI.4	5,423,663,072	5,526,620,967
- Others	07		-	-
3. Operating profit/ (loss) before changes in working capital	***08***		***15,546,725,770***	***(19,017,993,327)***
- (Increase)/ decrease in receivables	09		(58,794,656,025)	11,174,132,686
- (Increase)/ decrease in inventories	10		(204,283,423)	(1,406,712,456)
- Increase/ (decrease) in payables	11		63,851,137,363	60,068,532,883
- (Increase)/ decrease in prepaid expenses	12		(352,423,566)	(189,576,055)
- (Increase)/ decrease in trading securities	13		-	-
- Interests paid	14		(7,052,257,430)	(2,730,161,839)
- Corporate income tax paid	15	V.13	(3,629,332,736)	(34,540,180,038)
- Other cash inflows from operating activities	16		-	-
- Other cash outflows from operating activities	17		-	-
Net cash flows from operating activities	***20***		***9,364,909,953***	***13,358,041,854***
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		(103,171,991,646)	(156,221,541,487)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		-	85,576,082
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		(51,094,000,000)	(283,061,147,400)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		64,796,915,800	157,115,431,600
5. Investments in other entities	25	I.5a	(21,223,653,319)	(469,169,580,000)
6. Proceeds from divestment of investments in other entities	26		82,464,722,820	144,064,775,000
7. Interests earned, dividends and profits received	27		4,920,140,068	7,396,803,009
Net cash flows from investing activities	***30***		***(23,307,866,277)***	***(599,789,683,196)***

Consolidated Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from share issuance and capital contributions from owners	31	V.17	2,401,000,000	480,206,950,000
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33	V.16	64,367,475,786	220,463,135,068
4. Repayment for borrowings	34	V.16	(46,094,418,625)	(136,216,240,118)
5. Repayments for finance lease principal	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		-	-
Net cash flows from financing activitites	***40***		***20,674,057,161***	***564,453,844,950***
Net cash flows during the year	**50**		**6,731,100,837**	**(21,977,796,392)**
Beginning cash and cash equivalents	**60**	**V.1**	**2,943,829,739**	**24,921,626,131**
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		158,410	-
Ending cash and cash equivalents	**70**	**V.1**	**9,675,088,986**	**2,943,829,739**

Prepared on 20 March 2026

Prepared by	Chief Accountant	General Director
Bui Thanh Thanh Hien	Nguyen Thi Hoa Vy	Hoang Manh Huy

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
For the fiscal year ended 31 December 2025

I. GENERAL INFORMATION

1. Form of ownership
Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (formerly Truong Thanh Energy and Real Estate Joint Stock Company) (hereinafter referred to as "the Company" or "the Parent Company") is a joint stock company.

2. Operating fields
The Group operates in the fields of investment, trading, and services.

3. Business activities
The principal business activities of the Group during the year include trading real estate; providing services of consultancy; generating and trading electricity; and financial investment.

4. Normal operating cycle
For the rendering of services and generating electricity, the Group's normal operating cycle is within 12 months.

For real estate trading, the normal operating cycle begins from the time legal procedures for project investment are carried out, including obtaining investment approval, site clearance, and basic construction, until the product is completed for transfer. Accordingly, the production and operating cycle for the Group's real estate transfer activities typically lasts from over 12 months to approximately 36 months.

5. Structure of the Group
The Group includes the Parent Company and 13 subsidiaries under the control of the Parent Company (including 3 direct subsidiaries and 10 indirect subsidiary) which are consolidated in these Consolidated Financial Statements.

5a. Information on the Group's restructuring

Acquisition of subsidiary
On 2 January 2025, the Group acquired 1,302,501 shares, representing 50.0000384% of Green Lotus Solar Electric JSC. ("Green Lotus Solar Electric")'s charter capital, for a total consideration of VND 13,025,010,000, paid by bank transfer. At the time of becoming the Group's subsidiary, this company owned 4 subsidiaries, with the same 100% proportion of ownership interest.

On the same date, the Group acquired 923,100 shares, representing 51% of Truong Thanh Mien Trung Green Technology JSC. ("TTMT Green Technology")'s charter capital, for a total consideration of VND 9,231,000,000, paid by bank transfer. At the time of becoming the Group's subsidiary, this company owned 3 subsidiaries, with the same 100% proportion of ownership interest.

Details of the fair value of the subsidiaries' consolidated assets and liabilities at the acquisition date and gain on bargain purchase are as follows:

	Green Lotus Solar Electric	TTMT Green Technology	Total
Assets	***47,677,712,416***	***35,907,809,177***	***83,585,521,593***
Cash and cash equivalents	260,299,015	772,057,666	1,032,356,681
Held-to-maturity investments	1,284,000,000	1,036,000,000	2,320,000,000
Short-term prepaid expenses	105,465,932	60,672,072	166,138,004
Deductible VAT	2,863,245,462	2,081,472,707	4,944,718,169
Taxes and other receivables from the State	158,668,235	-	158,668,235

	Green Lotus Solar Electric	TTMT Green Technology	Total
Other long-term receivables	400,000,000	-	400,000,000
Tangible fixed assets	42,603,488,340	31,957,606,732	74,561,095,072
Historical costs	*53,846,545,452*	*40,568,250,454*	*94,414,795,906*
Accumulated depreciation	*(11,243,057,112)*	*(8,610,643,722)*	*(19,853,700,834)*
Long-term prepaid expenses	2,545,432	-	2,545,432
Liabilities	***16,948,093,057***	***12,218,377,310***	***29,166,470,367***
Taxes and other obligations to the State Budget	138,550,968	130,553,880	269,104,848
Short-term borrowings and finance leases	5,846,173,836	4,376,647,284	10,222,821,120
Long-term borrowings and finance leases	10,963,368,253	7,705,179,146	18,668,547,399
Payables to employees	-	5,997,000	5,997,000
Fair value of net assets	***30,729,619,359***	***23,689,431,867***	***54,419,051,226***
Non-controlling interests	***15,364,797,883***	***11,607,821,615***	***26,972,619,498***
Fair value of the net assets acquired (a)	***15,364,821,476***	***12,081,610,252***	***27,446,431,728***
Consideration transferred (b)	***13,025,010,000***	***9,231,000,000***	***22,256,010,000***
Gain on bargain purchase [(b) – (a)]	**2,339,811,476**	**2,850,610,252**	**5,190,421,728**

Net cash flow for acquiring the subsidiary is as follows:

	Green Lotus Solar Electric	TTMT Green Technology	Total
Payment in cash (*)	13,025,010,000	9,231,000,000	22,256,010,000
Cash and cash equivalents of subsidiaries as of the acquisition date	260,299,015	772,057,666	1,032,356,681
Net cash outflow	**12,764,710,985**	**8,458,942,334**	**21,223,653,319**

Additional capital contributed in the subsidiary

On 7 February 2025, the Group made an additional capital contribution of VND 25,200,000,000 in Onsen Hoi Van Limited Liability Company, thereby increasing its proportion of beneficial interest in this company from 60% to 65.75%, effective from that date. Details are as follows:

Carrying value of the Group's net assets prior to the additional capital contribution date (a)	:	84,958,210,895
Carrying value of the additional capital contribution (b)	:	25,200,000,000
Carrying value of the Group's net assets after the additional capital contribution (c)	:	109,674,751,666
Difference recorded in "Retained earnings" (c) - (a) - (b)	:	(483,459,229)

Divestment without loss of control

On 26 June 2025, the Group sold 950,000 shares, representing 11.875% of 108 Truong Thanh Construction Investment JSC.'s charter capital to Mr. Le Quoc Cuong (equivalent to VND 19,500 per share). Details are as follows:

Total consideration receivable	:	18,525,000,000
Increase in non-controlling interests	:	13,921,036,453
Unallocated goodwill	:	1,410,906,859
Difference recorded in "Retained earnings"	:	3,193,056,688

Divestment and loss of control

During the year, the Group carried out transactions to transfer part of its investment in 108 Truong Thanh Construction Investment JSC., including: (i) On 26 June 2025, sale of 950,000 shares to Mr. Le Quoc Cuong at a selling price of VND 19,500 per share; (ii) On 30 December 2025, sale of 2,000,000 shares to Truong Thanh Land Group JSC. (a related party) at a selling price of VND 18,300 per share.

After transaction (i), the Group retained control of the subsidiary. After transaction (ii), the Group only retained 30.125% of the voting rights and no longer controlled this company. The remaining investment was presented in the Consolidated Financial Statements under "Investments in associates" using the owner's equity method.

The subsidiaries' assets and liabilities at the date of divestment are as follows:

	Amount of cash
Assets	***124,541,180,403***
Cash and cash equivalents	3,541,162
Short-term trade receivables	41,262,400,000
Short-term prepayments to suppliers	445,657,000
Other short-term receivables	556,268,160
Inventories	50,998,702,359
Deductible VAT	1,191,176,181
Investments in other entities	30,087,500,000
Long-term provision for financial investments	(6,424,674)
Long-term prepaid expenses	2,360,215
Liabilities	***7,530,705,083***
Short-term trade payables	4,266
Taxes and other obligations to the State Budget	11,000,000
Payables to employees	3,000,000
Short-term accrued expenses	262,459,428
Other short-term payables	4,751,227,746
Short-term borrowings and finance leases	2,317,327,274
Bonus and welfare funds	185,686,369
Net assets	***117,010,475,320***
Non-controlling interests (44.875%)	***52,508,450,800***
Group's net assets (55.125%)	***64,502,024,520***
Proportion of equity interest transferred	***25%***
Transferable net assets	**29,252,618,830**

Gain on divestment in subsidiaries is as follows:

Consideration receivable (a)	36,600,000,000
Net assets transferred (b)	(29,252,618,830)
Unallocated goodwill (c)	(2,356,000,000)
Accumulated gains from transactions changing the proportion of ownership interest without loss of control, reclassified from owners' equity to operating results (d)	8,935,607,051
Gain on divestment (e=a-b-c+d)	**13,926,988,221**

Net cash inflow from capital withdrawal at subsidiary:

Receipt in cash	2,000,000,000
Cash and cash equivalents at the subsidiary on the transfer date	3,541,162
Net cash inflow	**1,996,458,838**

Capital contribution commitment to subsidiary establishment

According to BOD's Resolution No. 26/2024/NQ-HDQT/TEG dated 31 October 2024, the Group contributed capital to establish Truong Thanh GIP Electricity Investment, Construction and Distribution JSC. ("GIP"), with GIP's total charter capital of VND 5,000,000,000 corresponding to 500,000 shares. In which:

Name	Committed amount of contribution VND	Rate	Amount already contributed as at 31 December 2025	Amount to be contributed
Parent Company	2,525,000,000	50.5%	50,500,000	2,474,500,000
Truong Thanh Energy JSC.	25,000,000	0.5%	500,000	24,500,000

5b. List of consolidated subsidiaries

Name	Address of head office	Operation during the year	Proportion of beneficial interest		Proportion of voting rights	
			Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance
Subsidiary level 1						
Truong Thanh Energy JSC. ("TTP")	4th Floor Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 3 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam	The company has been in normal operation. Profit mainly comes from investments	92.11%	92.11%	92.11%	92.11%
Onsen Hoi Van Limited Liability Company ("Onsen HV")	Hoi Van Hamlet, Hoa Hoi Commune, Gia Lai Province, Vietnam	The company has not generated any revenue. The principal business activity during the year includes the construction of facilities to prepare for business operations	65.75%	60.00%	60.00%	60.00%
Truong Thanh GIP Electricity Investment, Construction and Distribution JSC.	1st Floor, Plot DVCC1-1, Lien Ha Thai Industrial Park (Green iP-1), Thai Thuy Commune, Hung Yen Province, Vietnam	The company is newly established and has not had any revenue.	2.04%	50.96%	51.00%	51.00%
Subsidiary level 2 (TTP's subsidiaries)						
TTP Tra Vinh JSC. ("TTP Tra Vinh")	Apartment PG1-10, Vincom Quarter, Group 3, Tra Vinh Ward, Vinh Long Province, Vietnam	The company has not generated any revenue during the year. The principal business activity during the year includes continuing to invest in projects	94.98%	94.98%	99.00%	99.00%
Truong Thanh Mien Trung Green Technology JSC.	No. 220, Le Dai Hanh Road, Group 11, Tran Lam Ward, Hung Yen City, Vietnam	Financial investment	46.98%	-	51.00%	-
Green Lotus Solar Electric JSC.	No. 220, Le Dai Hanh Road, Group 11, Tran Lam Ward, Hung Yen City, Vietnam	Financial investment	46.06%	-	50.0000384%	-
Subsidiary level 3						
Subsidiary of Truong Thanh Mien Trung Green Technology JSC.						
Nhon Tan 1 Solar Electric One Member Co., Ltd.	No. 108, Ham Nghi Road, Quy Nhon Nam Ward, Gia Lai Province, Vietnam	Electricity generation (*)	46.98%	-	100%	
Nhon Tan 2 Solar Electric One Member Co., Ltd.	No. 396 Tay Son Road, Quy Nhon Nam Ward, Gia Lai Province, Vietnam	Electricity generation (*)	46.98%	-	100%	
Nhon Tan 5 Solar Electric One Member Co., Ltd.	Plot 32 Hoang Van Thai, Quy Nho Ward, Gia Lai Province, Vietnam	Electricity generation (*)	46.98%	-	100%	

Name	Address of head office	Operation during the year	Proportion of beneficial interest		Proportion of voting rights	
			Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance
Subsidiary of Green Lotus Solar Electric JSC.						
Aquila Green Lotus Solar Electric Co., Ltd.	No. 6 Road 4A, An Phu An Khanh Area, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Electricity generation (*)	46.06%	-	100%	-
Lyra Green Lotus Solar Electric Co., Ltd.	154/30/16 Pham Van Hai, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Electricity generation (*)	46.06%	-	100%	-
Vega Green Lotus Solar Electric Co., Ltd.	22 Road 63, Area 1, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Electricity generation (*)	46.06%	-	100%	-
Vela Green Lotus Solar Electric Co., Ltd.	87/42/8 Road 27, An Nhon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Electricity generation (*)	46.06%	-	100%	-

(*) These subsidiaries have commenced their operations and generated revenue from sales of electricity.

5c. List of associates accounted for in the Consolidated Financial Statements by using the equity method

Name	Address of head office	Operation during the year	Proportion of ownership interest		Proportion of voting rights	
			Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance
Dong Hai Wind Power JSC.	Apartment PG1-10, Vincom Quarter, Group 3, Tra Vinh Ward, Vinh Long Province, Vietnam	The company has not generated any revenue. Its main activities during the year were project investment and advances to individuals for project implementation.	36.00%	36.00%	36.00%	36.00%
108 Truong Thanh Construction Investment JSC. ("108TT")	No. 645/9/15, Quang Trung Road, Cam Thanh Ward, Quang Ngai Province, Vietnam	The company has not generated any revenue. Its main activities during the year were investment in real estate projects for business purposes.	30.125%	67.00%	30.125%	67.00%

6. Statement on information comparability in the Consolidated Financial Statements

The corresponding figures of the previous year are comparable to those of the current year.

7. Employees

As at 31 December 2025, there were 61 employees working for the Group (As at 1 January 2025: 65 employees).

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Fiscal year

The fiscal year of the Group is from 1 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnamese Dong (VND) because payments and receipts of the Group are primarily made in VND.

III. APPLICABLE ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Applicable Accounting System

The Group applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 on guidelines for accounting policies for enterprises, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 giving guidance on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Management ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

On 27 October 2025, the Ministry of Finance issued Circular No. 99/2025/TT-BTC ("Circular 99") guiding the Enterprise Accounting System, replacing Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance guiding the Enterprise Accounting System ("Circular 200") and Circular No. 75/2015/TT-BTC dated 18 May 2015 and Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 of the Ministry of Finance amending and supplementing certain provisions of Circular 200. The provisions of Circular 99 are applicable to the recording, preparation and presentation of Financial Statements for the fiscal year commencing on 1 January 2026.

IV. APPLICABLE ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation of the Consolidated Financial Statements

All the Consolidated Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

The Consolidated Financial Statements have been prepared in both Vietnamese and English, in which the Consolidated Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Group. The Consolidated Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

2. Basis of consolidation

The Consolidated Financial Statements include the Financial Statements of the Parent Company and the Financial Statements of its subsidiaries. A subsidiary is a business that is controlled by the Parent Company. The control exists when the Parent Company has the power to directly or indirectly govern the financial and operating policies of the subsidiary to obtain economic benefits from its activities. In determining the control power, the potential voting right arising from share call options, debt or equity instruments that are convertible into ordinary shares as of the balance sheet date shall be taken into consideration.

The business performance results of the subsidiaries that are acquired or disposed of during the year are included in the Consolidated Income Statement from the date of acquisition or until the date of disposal of those subsidiaries.

The Financial Statements of the Parent Company and its subsidiaries used for consolidation are prepared for the same accounting period and apply consistent accounting policies for similar transactions and events in similar circumstances. In case the subsidiaries' accounting policies are different from those that are applied consistently within the Group, the appropriate adjustments should be made to the subsidiaries' Financial Statements before they are used to prepare the Consolidated Financial Statements.

Intra-group balances in the Balance Sheet and intra-group transactions and unrealized intra-group gains resulting from these transactions are eliminated when preparing the Consolidated Financial Statements. Unrealized losses resulting from intra-group transactions are also eliminated unless costs that cause those losses cannot be recovered.

Non-controlling interests ("NCI") include the gains or losses of the subsidiary's business performance results and net assets that are not held by the Parent Company and are presented in a specific item in the Consolidated Income Statement and the Consolidated Balance Sheet (as a part of the owner's equity). NCI include the value of NCI at the date of initial business combination and those in the changes of owner's equity commencing from that date. Losses arising in subsidiaries are allocated to NCI based on the non-controlling shareholders' proportion of ownership interest in the subsidiaries, even if those losses excess the non-controlling shareholders' ownership in the net assets of the subsidiaries.

When the subsidiary mobilizes additional capital from its owners, if the rate of additional contributed capital does not correspond to the existing owners' current rate of ownership, the difference between the additional amount contributed by the Group and its increased ownership in the subsidiary's net assets is recorded as "Retained earnings" on the Consolidated Balance Sheet.

3. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits at banks. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

4. Financial investments

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity investments that the Group intends and is able to hold to maturity. The Group's held-to-maturity investments only include held-to-maturity term deposits at banks for the purpose of earning periodical interest. Interest income from term deposits at banks is recognized in the Income Statement on the accrual basis.

Loans

Loans are determined at original costs less allowance for doubtful debts. Allowance for doubtful debts of loans is made on the basis of estimated losses.

Investments in associates

An associate is an entity which the Group has significant influence but does not have the right to control its financial and operating policies. Significant influence is the right to participate in making resolution on the associate's financial and operating policies but not control those policies.

Investments in associates are recognized using the equity method. Accordingly, the investments in associates are presented in the Consolidated Financial Statements at their initial costs and adjusted for changes in the associates' net assets after the investment date. If the Group's share of losses in an associate exceeds or equals the carrying amount of the investment, the carrying value of the investment presented in the Consolidated Financial Statements will be reduced to zero, unless the Group has an obligation to make payments on behalf of the associate.

The Financial Statements of associates are prepared for the same accounting period of the Group. In case the accounting policies of an associate are different from those that are applied consistently within the Group, the Financial Statements of that associate will be suitably adjusted before being used to prepare the Consolidated Financial Statements.

Unrealized gains and losses from transactions with associates are eliminated by the proportion belong to the Group when preparing the Consolidated Financial Statements.

Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities include such investments in equity instruments that do not enable the Group to have the control, joint control or significant influence on these entities.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at costs, including cost of purchase plus other directly attributable transaction costs. Dividend and profit of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividend and profit of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Group's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities are made as follows:

- For investments of which the fair value cannot be measured at the time of reporting, provisions are made based on the losses suffered by investees, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Group's rate of charter capital owning in these investees.

Increases/ (decreases) in the provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities to be recognized as of the balance sheet date are recorded in "Financial expenses".

5. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowance for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Group and customers who are independent to the Group.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

Allowance is made for each doubtful debt after being offset against liabilities (if any). The allowance rate is based on estimated loss.

Increases/ (decreases) in the allowance for doubtful debts to be recognized as of the balance sheet date are recorded in "General and administration expenses".

6. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation.

Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operating expenses during the year.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

Class of fixed assets	Number of years
Buildings and structures	5 – 6
Machinery and equipment	3–20
Vehicles	10
Office equipment	3

7. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant borrowing interest expenses following the accounting policies of the Group) directly attributable to the construction of plants and the installation of machinery and equipment to serve for production, leasing, and management as well as the repair of fixed assets, which have not been completed yet. Assets in the progress of construction and installation are recorded at historical costs and not depreciated.

8. Business combinations and goodwill

The business combination is accounted for using the purchase method. Costs of business combination include the fair value at the date of exchange, of assets given, liabilities incurred or assumed, and equity instruments issued by the Group in exchange for control of the acquiree plus any costs directly attributable to the business combination. The assets acquired, identifiable liabilities and contingent liabilities in a business combination are recognized at fair value as of the date of obtaining control.

For a business combination achieved in stages, the cost of the business combination is determined as the total of the historical costs of investments in previous acquisitions. The Group does not remeasure the cost of investments in acquisitions made prior to the date of obtaining control, as there is no basis for determining the fair value at the date when obtaining control over the subsidiary.

The excess of the business combination cost over the Group's interest in the net fair value of the identifiable assets, liabilities, and contingent liabilities at the date of obtaining control of the subsidiary is recorded as goodwill. If the Group's interest in the net fair value of the identifiable assets, liabilities, and contingent liabilities at the date of obtaining control of the subsidiary exceeds the cost of the business combination, the difference is recorded in the Consolidated Income Statement.

Goodwill is amortized over 10 years using the straight-line method. If there are indicators that the goodwill is impaired with the impairment loss exceeds the annually allocated amount, the higher amount will be recorded in the Consolidated Income Statement.

Non-controlling interests at the date of initial business combination are determined on the basis of the non-controlling shareholders' ownership in the net fair value of assets, liabilities and contingent liabilities recognized.

9. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded based on the amounts payable for merchandise and services already used. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses, and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of merchandise, services, or assets and the seller is an independent entity with the Group;
- Accrued expenses reflect expenses for merchandise, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operating expenses;
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of merchandise or rendering of services.

Payables and accrued expenses are classified into short-term and long-term ones in the Consolidated Balance Sheet based on the remaining terms as of the balance sheet date.

10. Owners' equity

Owners' contribution capital

Owners' contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by the Company's shareholders.

Share premiums

The differences between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date are recognized into share premiums. Expenses directly attributable to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

11. Recognition of revenue and income

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services rendered under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the services rendered;
- The Group received or shall probably receive the economic benefits associated with the rendering of services;
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably;
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are rendered in several accounting periods, revenue is recognized on the basis of the stage of completion as of the balance sheet date.

Revenue from sales of electricity

Revenue from sales of commercial electricity is recognized based on Confirmation minutes of electricity output generated into the National Power Grid and electricity selling unit prices stated in the Economic Contracts signed with entities of Electricity Corporation.

Interest

Interest is recorded based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

12. Borrowing costs

Borrowing costs are interest expenses and other costs that the Group directly incurs in connection with the borrowings.

Borrowing costs are recorded as expenses when incurred. Where borrowing costs are directly attributable to the construction or production of qualifying assets that take a substantial period of time (more than 12 months) to be ready for their intended use or sale, these borrowing costs are capitalised as part of the cost of those assets. To the extent that the borrowings are especially for the purpose of construction of fixed assets and investment properties, the borrowing costs are capitalized even if the construction period is under 12 months. Investment income earned on the temporary investment of those borrowings is deducted from the costs of relevant assets.

13. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the Group's economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

14. Corporate income tax

Corporate income tax includes current income tax and deferred income tax.

Current income tax

Current income tax is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

Deferred income tax

Deferred income tax is the amount of corporate income tax payable or refundable due to temporary differences between book values of assets and liabilities serving the preparation of the financial statements and the values for tax purposes. Deferred income tax liabilities are recognized for all the temporary taxable differences. Deferred income tax assets are recorded only when there is an assurance on the availability of taxable income in the future against which the temporarily deductible differences can be used.

Carrying values of deferred corporate income tax assets are considered as of the balance sheet date and will be reduced to the rate that ensures enough taxable income against which the benefits from part of or all of the deferred income tax can be used. Deferred corporate income tax assets, which have not been recorded before, are considered as of the balance sheet date and are recorded when there is certainly enough taxable income to use these unrecognized deferred corporate income tax assets.

Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are determined at the estimated rate to be applied in the year when the assets are recovered or the liabilities are settled based on the effective tax rates as of the balance sheet date. Deferred income tax is recognized in the income statement. In the case that deferred income tax is related to the items of the owner's equity, corporate income tax will be included in the owner's equity.

The Group shall offset deferred tax assets and deferred tax liabilities when:

- The Group has the legal right to offset current income tax assets against current income tax liabilities; and
- Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are relevant to corporate income tax which is under the management of one tax authority either:
  - Of the same subject to corporate income tax; or
  - The Group has intention to pay current income tax liabilities and current income tax assets on a net basis or recover tax assets and settle tax liability simultaneously in each future period to the extent that the majority of deferred income tax liabilities or deferred income tax assets are paid or recovered.

15. Related parties

Parties are considered to be related parties in case that one party is able to control the other party or has significant influence on the financial and operating decisions of the other party. Parties are also considered to be related parties in case that they are under the common control or under the common significant influence.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship and not merely the legal form.

16. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policy applied for the preparation and presentation of the Group's Consolidated Financial Statements.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET

1. Cash and cash equivalents

	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	23,572,146	2,216,502
Demand deposits at banks	4,801,516,840	2,941,613,237
Cash equivalents *(Bank deposits of which the principal maturity is from or under 3 months)*	4,850,000,000	-
Total	**9,675,088,986**	**2,943,829,739**

2. Financial investments

2a. *Held-to-maturity investments*

These represents term deposits with the principal maturity from over 3 months to under 12 months, with the carrying value equal to its original cost.

	Ending balance	Beginning balance
Asia Commercial Joint Stock Bank ("ACB")	-	5,403,200,000
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank ("MSB") – Ha Nam Branch	2,084,000,000	-
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam ("BIDV") (in the form of entrusted investments) (i)	-	57,263,715,800
Total	**2,084,000,000**	**62,666,915,800**

(i) This represents the term deposit entrusted by the Parent Company to individuals, with a term of 12 months, interest rates ranging from 3.7% to 5.2% per annum. The savings books arising from the Entrusted Contract will be held and safeguarded by the Company upon maturity. The deposit matured and was recovered by the Company during the year.

2b. *Investments in associates*

	Dong Hai Wind Power JSC.	108 Truong Thanh Construction Investment JSC.	Total
Ending balance			
Original cost	162,000,000,000	39,652,700,000	201,652,700,000
Profit after investment date	(127,494,808)	10,990,643,427	10,863,148,619
Total	**161,872,505,192**	**50,643,343,427**	**212,515,848,619**
Beginning balance			
Original cost	162,000,000,000	-	162,000,000,000
Profit after investment date	(75,632,429)	-	(75,632,429)
Total	**161,924,367,571**	**-**	**161,924,367,571**

Details of the number of shares owned by the Group and the corresponding proportion of ownership interest are as follows:

	Ending balance		Beginning balance	
	Number of shares	Proportion of ownership interest (%)	Number of shares	Proportion of ownership interest (%)
Dong Hai Wind Power JSC.	16,200,000	36.00%	16,200,000	36.00%
108 Truong Thanh Construction Investment JSC. (*)	2,410,000	30.125%	5,360,000	67.00%

(*) See Note I.5a – The Group's restructuring related to divestment in 108 Truong Thanh Construction Investment JSC.

The value of the Group's ownership in the associates is as follows:

	Dong Hai Wind Power JSC.	108 Truong Thanh Construction Investment JSC.	Total
Beginning balance	161,924,367,571	-	161,924,367,571
Loss during the year	(51,862,379)	-	(51,862,379)
Reclassification of investments from subsidiaries to associates	-	50,643,343,427	50,643,343,427
Ending balance	**161,872,505,192**	**50,643,343,427**	**212,515,848,619**

Operation of associates
The associates are currently in the construction phase of its production facility, and has not yet commenced business or production activities.

Transactions with associates
During the year, the Group has no transactions with the associates.

2c. *Investments in other entities*

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
Quang Phu Energy JSC. (*)	-	-	30,087,500,000	(5,936,005)
Huong Hoa Holding JSC.	40,249,990,000	(4,926,503,016)	40,249,990,000	(4,036,392,701)
Phu Yen TTP JSC.	73,621,035,901	-	73,621,035,901	-
Truong Thanh Duyen Hai Wind Power JSC.	15,000,000,000	-	15,000,000,000	-
Truong Thanh Tra Vinh Wind Power JSC.	300,689,580,000	(4,660,897,426)	300,689,580,000	(3,203,323,055)
Total	**429,560,605,901**	**(9,587,400,442)**	**459,648,105,901**	**(7,245,651,761)**

(*) This represents the investment of 108 Truong Thanh Construction Investment JSC in Quang Phu Energy JSC, which decreases due to deconsolidation of the business combination.

Details of the number of shares owned by the Group and the corresponding proportion of ownership interest are as follows:

	Ending balance		Beginning balance	
	Number of shares	Proportion of ownership interest (%)	Number of shares	Proportion of ownership interest (%)
Quang Phu Energy JSC.	-	-	3,008,750	12.04%
Huong Hoa Holding JSC.	4,024,999	19.99%	4,024,999	19.99%
Phu Yen TTP JSC.	5,765,599	4.99%	5,765,599	4.99%
Truong Thanh Duyen Hai Wind Power JSC.	1,500,000	15.00%	1,500,000	15.00%
Truong Thanh Tra Vinh Wind Power JSC.	15,034,479	19.99%	15,034,479	19.99%

Operation of the Group's investees
Apart from Phu Yen TTP JSC., which is in its normal operations with the principal business activities in electricity generation and sales during the year, other entities are all in construction phase and have not yet generated business results.

Fair value
The Group has not determined fair value of the investments without listed prices because there have not been any specific instructions on determination of fair value.

Provisions for investments in other entities
The Group has been using the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 of certain entities as the basis for determining provisions, as the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025 have not yet been collected.

Fluctuations in provisions for investments in other entities are as follows:

	Current year	Previous year
Beginning balance	7,245,651,761	3,482,690,471
Additional provision	2,348,173,355	3,762,961,290
Decrease due to divestment at subsidiary	(6,424,674)	-
Ending balance	**9,587,400,442**	**7,245,651,761**

Investment liquidation plan
Truong Thanh Energy JSC. (the subsidiary) receives a loan from B.Grimm Renewable Power 2 Limited, under the Loan Agreement dated 1 July 2020, in exchange for 3,062,400 shares of Phu Yen TTP JSC. The loan was due on 1 July 2021, however, at the date of these Consolidated Financial Statements, the parties had not completed extension procedures and had not transferred the ownership right of Phu Yen TTP's shares *(Note V.16)*.

3. Short-term trade receivables

	Ending balance	Beginning balance
Receivables from related parties for merchandise and services rendered	***8,297,164,619***	***22,732,782,802***
Truong Thanh Viet Nam Industry JSC.	5,452,291,892	5,452,291,892
Truong Thanh Dai Phat JSC.	-	8,591,400,000
Truong Thanh Land Group JSC.	300,000,000	1,620,000,000
Phu Yen TTP JSC.	2,544,872,727	7,069,090,910
Receivables from related parties for share transfer (i)	***34,600,000,000***	-
Truong Thanh Land Group JSC.	34,600,000,000	-
Receivables from other customers for share transfer (ii)	***316,345,561,018***	***419,451,225,000***
Mr. Pham Tien Quan	29,187,000,018	50,540,000,000

	Ending balance	Beginning balance
Mr. Le Hoang Bao	11,200,000,000	35,500,000,000
Mr. Le Quoc Cuong	16,210,000,000	-
Mr. Cao Truong Cong Bac	117,883,036,000	127,080,000,000
Mr. Duong Dinh Tam	37,203,300,000	50,000,000,000
Mr. Nguyen Anh Tuan	59,112,225,000	59,112,225,000
Mr. Nguyen Tung Lam	45,550,000,000	45,550,000,000
Mr. Do Chi Hieu	-	18,419,000,000
Mr. Do Van Quang	-	21,750,000,000
Mr. Nguyen Manh Ha	-	11,500,000,000
Receivables from other customers	***1,187,678,759***	***100,000,000***
Total	**360,430,404,396**	**442,284,007,802**

(i) This represents the receivable from Truong Thanh Land Group JSC. under Contract No. 03/2025/HDCN-108TT dated 30 December 2025 regarding the share transfer in 108 Truong Thanh Construction Investment JSC. (Note V.2b). The payment term is within 12 months from the date of signing the contract. During 2026 and up to the date of these Financial Statements, Truong Thanh Land Group Joint Stock Company made an additional payment of VND 1,100,000,000 to the Company.

(ii) Details of the receivables from individuals for share transfer are as follows:

Name	Contract information	Payment term
Mr. Pham Tien Quan	Contract dated 25 December 2024 regarding the share transfer in Truong Thanh Binh Dinh JSC.	Within 09 months from the date of signing the contract; extended until 25 September 2026 at the latest
Mr. Le Hoang Bao	Contract dated 5 June 2024 regarding the share transfer in 108 Truong Thanh Construction Investment JSC.	Within 90 days from the date of signing the contract; extended until 6 July 2026 at the latest
Mr. Le Quoc Cuong	Contract dated 26 June 2025 regarding the share transfer in 108 Truong Thanh Construction Investment JSC.	Within 300 days from the date of signing the contract.
Mr. Cao Truong Cong Bac	Contract dated 1 May 2024 regarding the share transfer in TTP Phu My JSC.	Within 180 days from the date of signing the contract; extended until 27 November 2026 at the latest
Mr. Duong Dinh Tam	Contract dated 12 March 2024 regarding the share transfer in Le Thuy Solar Power JSC.	Within 180 days from the date of signing the contract; extended until 8 September 2026 at the latest
Mr. Nguyen Anh Tuan	Contract dated 6 June 2024 regarding the share transfer in Ky Son Solar Power JSC.	Within 180 days from the date of signing the contract; extended until 3 December 2026 at the latest
Mr. Nguyen Tung Lam	Contract dated 12 March 2024 regarding the share transfer in Le Thuy Solar Power JSC.	Within 180 days from the date of signing the contract; extended until 8 September 2026 at the latest

These receivables are secured by all the shares sold to the buyer until the buyer fulfils its payment obligations to the Group.

From 1 January 2026 to the date of these Financial Statements, customers purchasing shares have paid the Group VND 2,740,000,000.

4. Short-term prepayments to suppliers

	Ending balance	Beginning balance
Prepayments to related parties	***89,078,885,284***	***92,625,177,863***
Truong Thanh Viet Nam Group JSC. ("TTVN") (i)	41,230,000,000	41,230,000,000
Truong Thanh Land Group JSC. (ii)	47,848,885,284	51,395,177,863
Prepayments to other suppliers	***6,857,887,174***	***8,820,859,814***
Total	**95,936,772,458**	**101,446,037,677**

(i) This represents the prepayment arising from Share Transfer Contract No. 02/2024/HDCN-TTP dated 30 January 2024 for the acquisition of shares in Truong Thanh Energy Joint Stock Company ("TTP"). The prepayment balance of TTVN as of the balance sheet date corresponds to the purchase price of 3,100,000 TTP shares, for which the procedures for transfer of ownership to the Company had not yet been completed.

(ii) This represents the prepayment under the General Contractor Framework Contract dated 28 May 2023 on the construction of Hoi Van Hot Spring Resort, Health Care and Residential Quarter Project. The project was commenced on 6 September 2023 and is expected to be completed in the 3rd quarter of 2027.

5. Receivables for short-term loans

	Ending balance	Beginning balance
Receivables from related parties	***15,270,000,000***	***16,400,000,000***
Ms. Dang Thi Phuong Hoa	15,270,000,000	16,400,000,000
Receivables from other organizations and individuals	***150,300,000,000***	***99,970,000,000***
Mr. Vu Bao Long	39,950,000,000	39,370,000,000
Mr. Le Vu Dung	17,010,000,000	-
Mr. Duong Anh Na	18,000,000,000	18,000,000,000
Viet My Industrial Investment and Construction JSC.	32,740,000,000	-
Dong Duong Thang Long Investment and Construction JSC.	42,600,000,000	42,600,000,000
Total	**165,570,000,000**	**116,370,000,000**

Additional information on loans is as follows:

Name	Agreement/Purpose	Term	Interest rate per annum	Collateral
Ms. Dang Thi Phuong Hoa	Agreement dated 26 December 2023, for investment purposes	Until 5 July 2026	10%	Guaranteed by a third party, Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company
Mr. Vu Bao Long	Agreement dated 27 May 2024, for investment purposes	6 months; renewable within 12 months until 30 November 2026	10%	Guaranteed by a third party, Truong Thanh Viet Nam Group JSC.
Mr. Le Vu Dung	Agreement dated 27 October 2025, for investment purposes	01 year	10%	Guaranteed by a third party, namely Truong Thanh Viet Nam Group JSC.
Mr. Duong Anh Nam	Agreement dated 6 March 2024, for investment purposes	12 months, extendable until 06 March 2027	8%	1,800,000 shares owned by Mr. Tran Kim Tuyen in Nam Minh JSC.
Viet My Industrial Investment and Construction JSC.	Agreement dated 2 January 2025, for the purpose of supplementing the borrower's production and business capital	1 year and renewable within 12 months until 3 January 2027	10%	All legal assets of Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company in accordance with Guarantee Commitment No. 45/2026/VBCK/TTVN – VM – TTEG dated 19 March 2026

Name	Agreement/Purpose	Term	Interest rate per annum	Collateral
Dong Duong Thang Long Investment and Construction JSC. (capital contributor of Onsen Hoi Van)	Agreement dated 8 December 2021, for the purpose of supplementing the borrower's working capital	3 months from the disbursement date, renewable upon maturity if both parties still have borrowing and loan giving needs	12%	Guaranteed by the borrower's entire capital contribution to the lender (Onsen Hoi Van), equivalent to VND 60 billion; and 5,000,000 shares of Ms. Dang Thu Trang (the Group's related party) in Truong Thanh Land Group JSC.

6. Other receivables

6a. *Other short-term receivables*

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Advance receivables from related parties	***8,465,000,000***	-	***8,765,000,000***	-
Mr. Dang Tran Quyet (i)	5,100,000,000	-	300,000,000	-
Mr. Le Dinh Ngoc	-	-	5,100,000,000	-
Ms. Dao Thi Thanh Hien	3,365,000,000	-	3,365,000,000	-
Loan interest receivables from related parties	***599,082,188***	-	***679,586,298***	-
Ms. Dang Thi Phuong Hoa	599,082,188	-	679,586,298	-
Receivables from other organizations and individuals	***104,107,065,927***	-	***84,181,415,120***	-
Loan interest receivable	21,649,248,564	-	8,917,103,358	-
Viet My Industrial Investment and Construction JSC.	*2,938,315,068*	-	*961,506,849*	-
Dong Duong Thang Long Investment and Construction JSC.	*11,044,368,564*	-	*5,932,368,564*	-
Mr. Le Bao Long	*6,011,871,781*	-	*2,023,227,945*	-
Mr. Le Vu Dung	*290,693,151*	-	-	-
Mr. Duong Anh Nam	*1,364,000,000*	-	-	-
Accrued interest income of deposits	2,385,727,397	-	427,967,498	-
Deposits	*21,110,000*	-	26,110,000	-
Advances	*79,476,212,483*	-	74,720,739,013	-
Mr. Le Vu Dung	-	-	*4,506,000,000*	-
Mr. Tran Nguyen Anh Tuan (ii)	*1,621,782,443*	-	*67,690,000,000*	-
Mr. Nguyen Anh Tuan (iii)	*65,815,000,000*	-	-	-
Mr. Nguyen Thanh Luan (iv)	*5,600,000,000*	-	-	-
Mr. Le Hoang Bao (iii)	*3,611,208,633*		*571,075,333*	-
Other individuals	*2,828,221,407*	-	*1,953,663,680*	-
1% CIT provisionally paid for the real estate sale contracts	499,307,962	-		
Other short-term receivables	*75,459,521*	-	89,495,251	-
Total	**113,171,148,115**	-	**93,626,001,418**	-

(i) On 1 January 2025, Mr. Dang Tran Quyet, Project Development Manager at TTP Tra Vinh JSC., took over the outstanding balance of advances from Mr. Le Dinh Ngoc, amounting to VND 5,100,000,000, to continue to implement the Truong Thanh Wind Power Plant project. The advance repayment term is expected to be settled upon project completion.

(ii) This represents advance given to Mr. Tran Nguyen Anh Tuan in accordance with Resolution No. 01a/2023/NQ-HDQT dated 15 May 2023, to execute the Tra Vinh Wind Power Project in the offshore water of Duyen Hai District, Tra Vinh Province. During the year, a portion of the advance, amounting to VND 1,875,000,000, was settled. The remaining advance balance was handed over to Mr. Nguyen Anh Tuan for further implementation.

(iii) This represents advance given to Mr. Nguyen Anh Tuan under a tripartite agreement with the Company and Mr. Tran Nguyen Anh Tuan dated 1 December 2025, to continue the implementation of the Tra Vinh Wind Power Project in the offshore water of Duyen Hai District, Tra Vinh Province. This advance balance is secured by the assets of Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company in accordance with the guarantee commitment dated 31 December 2025.

(iv) These represent advances given to individuals for the implementation of the Hoi Van hot spring resort project. During 2026 and up to the date of preparation of these Financial Statements, the individuals have settled advances amounting to VND 9,125,500,000.

6b. *Other long-term receivables*

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Mr. Vuong Thanh Nam - Entrusted investment (*)	30,000,000,000	-	30,000,000,000	-
Duyen Tra Investment and Development Joint Stock Company - Business cooperation contract (**)	45,000,000,000	-	-	-
Deposits	401,450,000	-	1,400,000	-
Total	**75,401,450,000**	**-**	**30,001,400,000**	**-**

(*) TTP Tra Vinh Joint Stock Company (the subsidiary) entrusted Mr. Vuong Thanh Nam under Contract dated 29 June 2024 to purchase 1,500,000 shares of Truong Thanh Land Group JSC. ("Truong Thanh Land"), with the purchase price of VND 24,000 per share. The entrusted term is 24 months.

On 1 July 2024, Mr. Nam signed the Contract to acquire 1,500,000 shares of Truong Thanh Land from Ms. Dang Thu Trang (the Group's related party), with the purchase price of VND 24,000 per share, and total value of VND 36,000,000,000, the payment term is 02 years starting from the effective Contract date. The transfer of ownership of shares from the Seller to the Buyer will be made when the Seller is fully paid the transfer value. As of the date of these Consolidated Financial Statements, Mr. Nam paid Ms. Trang VND 30,000,000,000.

(**) This represents a development cooperation project for the Dong Hai 3 Wind Power Plant Project (V3-2 expansion site) in Dong Hai Commune, Vinh Long Province, pursuant to Business Cooperation Contract No. 70/2025/HDBCC/TEG-DT dated 3 December 2025 with Duyen Tra Investment Development Joint Stock Company. The cooperation term is 05 years. Under this contract, the Company commits to contribute VND 90,000,000,000 to the Project for the purpose of cooperating in the operation and business of the Project. At the reporting date, the Project is in the survey, research and development phase. The cooperation investment is secured by all legal assets of Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company in accordance with Guarantee Commitment No. 44/2026/VBCK/TTVN – DT – TTEG dated 19 March 2026.

7. Inventories

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Allowance	Original cost	Allowance
Nghia An Rural Residence and Commercial Service Complex Project (i)	-	-	50,988,863,381	-
Hoi Van Resort Project (ii)	105,229,533,721	-	-	-
TTP Ngan Son Wind Power Plant Project (iii)	1,682,403,843	-	1,682,403,843	-
Dong Hai 3 Wind Power Plant Project (iv)	194,444,445	-	-	-
Total	**107,106,382,009**	**-**	**52,671,267,224**	**-**

(i) These represent the construction costs incurred for the Nghia An Rural Residence and Commercial Service Complex Project, which is being developed by 108 Truong Thanh Construction Investment JSC. The decrease in the balance during the year is due to deconsolidation of the business combination with 108 Truong Thanh Construction Investment JSC.

(ii) This represents the cost of construction in progress for the commercial housing zone of the Hoi Van Resort Project for a resort, health care and residential area at the Hoi Van hot spring in Cat Hiep Commune, Phu Cat District, Binh Dinh Province, invested by Onsen Hoi Van Limited Liability Company. The project was approved by the People's Committee of Binh Dinh Province under

Decision No. 4622/QD-UBND dated 19 November 2021 and received Document No. 986/SXD-QLN dated 8 August 2025 from the Department of Construction announcing that the future housing units of the project are eligible for sale. The commercial housing zone is expected to be completed and handed over in the third quarter of 2027. All construction costs of the project have been pledged by Onsen Hoi Van Limited Liability Company (the subsidiary) as collateral for the subsidiary's loan at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Note V.16b).

(iii) These represent the construction costs in progress for TTP Ngan Son Wind Power Plant Project of which Truong Thanh Energy JSC. (the subsidiary) is an investor. Total investment of the project is VND 6,380.39 billion and is currently in the phase of surveying and evaluating effectiveness for investment.

(iv) This represents the consulting fee for the connection plan of the Dong Hai 3 Wind Power Plant Project in Tra Vinh Province of which Truong Thanh Energy JSC. (the subsidiary) is an investor.

8. Tangible fixed assets

	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Total
Historical costs				
Beginning balance	-	10,466,412,096	104,227,273	10,570,639,369
Increase due to business combination	94,414,795,906	-	-	94,414,795,906
New acquisition	-	-	37,027,778	37,027,778
Ending balance	**94,414,795,906**	**10,466,412,096**	**141,255,051**	**105,022,463,053**
In which:				
Assets fully depreciated but still in use	-	2,307,906,818	104,227,273	2,412,134,091
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-
Depreciation				
Beginning balance	-	3,864,188,762	104,227,273	3,968,416,035
Increase due to business combination	19,853,700,834	-	-	19,853,700,834
Depreciation during the year	4,777,014,036	815,850,537	7,166,666	5,600,031,239
Ending balance	**24,630,714,870**	**4,680,039,299**	**111,393,939**	**29,422,148,108**
Net book value				
Beginning balance	-	6,602,223,334	-	6,602,223,334
Ending balance	**69,784,081,036**	**5,786,372,797**	**29,861,112**	**75,600,314,945**
In which:				
Assets temporarily not in use	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-

All tangible fixed assets have been pledged as collateral for the Group's bank loans *(Note V.15b)*.

9. Construction-in-progress

These represent expenses for construction-in-progress for the following projects:

	Tra Vinh Wind Power Plant (i)	Hoi Van Resort Project (ii)	Total
Beginning balance	640,070,876	195,316,810,650	195,956,881,526
Expenses incurred during the year	-	103,134,963,868	103,134,963,868
Classified as work in progress (Note V.7)	-	(105,229,533,721)	(105,229,533,721)
Ending balance	**640,070,876**	**193,222,240,797**	**193,862,311,673**

(i) This represents the consulting fee for preparing Pre-feasibility Study Report for V4-1, V4-2, V4-3 Wind Power Plant Project in Tra Vinh Province.

(ii) These represent the construction costs for Hoi Van Hot Spring Resort, Health Care and Residential Quarter Project in Cat Hiep Commune, Phu Cat District, Binh Dinh Province. The project was

approved by the People's Committee of Binh Dinh Province for the investment policy as per the Decision No. 4622/QD-UBND dated 19 November 2021, with the expected total investment of VND 726,911,000,000, and is expected to be completed in the 3rd quarter of 2027. The entire construction cost of the project has been pledged by Onsen Hoi Van Limited Liability Company (the subsidiary) as collateral for the subsidiary's loan at the Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Note V.16b).

10. Goodwill

This represents the goodwill arising from the business combination with 108 Truong Thanh Construction Investment JSC. Details are as follows:

	Historical cost	Allocated amount	Net book value
Beginning balance	41,031,527,229	(31,424,045,316)	9,607,481,913
Allocation during the year	-	(3,002,082,034)	(3,002,082,034)
Decrease due to sales of the subsidiaries' share	(3,766,906,859)	-	(3,766,906,859)
Decrease due to conversion of subsidiary into an associate company	(2,838,493,020)	-	(2,838,493,020)
Ending balance	**34,426,127,350**	**(34,426,127,350)**	**-**

11. Short-term trade payables

	Ending balance	Beginning balance
Power Engineering Consulting JSC. 2	-	3,659,065,704
Thien An Electric JSC.	2,268,000,000	-
HT Vietnam Trade and Communication Services Co., Ltd.	1,022,410,000	-
Huy Hung Security Services JSC.	1,211,400,000	2,196,981,818
Other suppliers	1,289,803,111	2,170,564,830
Total	**5,791,613,111**	**8,026,612,352**

12. Advances from customers

	Ending balance	Beginning balance
Advances from related parties	***9,730,648,187***	-
Truong Thanh Land Group JSC. (i)	4,600,000,000	-
Mr. Dang Tran Quyet (ii)	766,648,640	-
Ms. Dang Thi Phuong Hoa (ii)	881,638,760	-
Mr. Le Dinh Ngoc (ii)	1,134,558,903	-
Mr. Mac Quang Huy (ii)	820,813,699	-
Mr. Tran Tuan Phong (ii)	537,718,905	-
Ms. Dao Thi Hong (ii)	989,269,280	-
Advances from other customers	***44,800,147,980***	***1,249,274,250***
BCG Truong Thanh JSC.	-	1,249,274,250
Mr. Dang Hong Linh (ii)	5,462,047,780	-
Mr. Giap Van Hung (ii)	4,540,439,009	-
Other customers (ii)	34,797,661,191	-
Total	**54,530,796,167**	**1,249,274,250**

(i) This represents the advance payment under the Consulting Contract dated 14 April 2025 between Truong Thanh Energy JSC.- Subsidiary) and Truong Thanh Land Group JSC ("Truong Thanh Land") for TTP to render compensation and site clearance services for Phase 02 – compensation, site clearance and Land Use Right Certificate issuance for the Thai Binh LNG Thermal Power Plant Project in Thai Do Commune, Thai Thuy District, Thai Binh Province. Total lump-sum value is VND 20 billion. The contract term is expected to be within 12 months from the date TTP receives

the advances from Truong Thanh Land as stipulated in the Contract. During the year, the total value of revenue from rendering of services accepted by Truong Thanh Land in stages with TTP was VND 13.8 billion.

(iii) This represents the advance payment relates to the contract for the sale of residential properties in the Hoi Van Resort Project, which includes health care and residential facilities in the hot spring area of Hoi Van, Cat Hiep Commune and Cat Trinh Commune, Phu Cat District, Binh Dinh Province (now Hoa Hoi Commune and Phu Cat Commune, Gia Lai Province). The expected handover date for the residential properties between the Buyer and the Seller is the third quarter of 2027. All receivables arising from the Project have been pledged by Onsen Hoi Van Limited Liability Company (the subsidiary) as collateral for the subsidiary's loan from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Note V.16b).

13. Taxes and other obligations to the State Budget

	Amount payable at the beginning of the year	Incurred during the year			Ending balance	
		Amount payable	Other increases/(decreases (*)	Amount already paid	Payable	Receivable
VAT on local sales	581,318,345	1,328,917,596	(158,668,235)	(639,568,075)	1,270,667,866	158,668,235
Corporate income tax	3,874,126,088	4,216,815,613	269,104,848	(3,629,332,736)	4,730,713,813	-
Provisional corporate income tax on real estate trading activities	-	499,307,962	-	-	499,307,962	-
Personal income tax	93,259,898	594,865,327	(11,000,000)	(424,647,432)	252,477,793	-
Land rental	9,229,714,482	-	-	(9,229,714,482)	-	
Other taxes	-	45,512,008	-	(45,512,008)	-	
Total	**13,778,418,813**	**6,685,418,506**	**99,436,613**	**(13,968,774,733)**	**6,753,167,434**	**158,668,235**

(*) These represent changes due to business combination or deconsolidation.

Value added tax ("VAT")
Companies in the Group have to pay VAT in accordance with the deduction method, at the tax rates of 8% and 10%.

Corporate income tax ("CIT")
Companies in the Group have to pay CIT for taxable income at the rate of 20%.

The CIT liabilities of companies within the Group are determined based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Financial Statements could change when being inspected by the Tax Authorities.

CIT provisionally paid of real estate contracts
The Group is requested to provisionally pay CIT at a rate of 1% on the amount received in advance from the real estate transfer activity. The Company will settle the CIT payable for this activity upon handover of the real estate.

Other taxes
The Group declares and pays these taxes according to prevailing regulations.

14. Short-term accrued expenses

	Ending balance	Beginning balance
Loan interest expenses	11,639,842,848	9,362,801,791
Other short-term accrued expenses	-	262,459,428
Total	**11,639,842,848**	**9,625,261,219**

15. Other short-term payables

	Ending balance	Beginning balance
Payables to related parties	***310,000,000***	***4,267,945,156***
Truong Thanh Viet Nam Industry JSC.	-	175,482,445
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	310,000,000	4,092,462,711
- Loan interest payable	-	*3,782,459,711*
- Other payables (*)	*310,000,000*	*310,003,000*
Payables to other organizations and individuals	***1,955,230,628***	***483,586,180***
Trade Union's expenditure, social insurance premiums, health insurance premiums, unemployment insurance premiums	132,625,725	57,009,795
Deposits received	1,780,000,000	-
Loan interest payable	-	123,175,704
Other short-term payables	42,604,903	303,400,681
Total	**2,265,230,628**	**4,751,531,336**

(*) This represents the payable for the 2023 dividends of 3,100,000 TTP shares which have not been transferred the ownership to the Parent Company *(Note V.4)*. This dividend will be recorded as a deduction in the investment value in TTP when TTVN completes the transfer of the share ownership to the Parent Company.

16. Borrowings

16a. Short-term borrowings

	Ending balance	Beginning balance
Short-term loans from related parties	-	***21,722,923,774***
Truong Thanh Viet Nam Group JSC. (i)	-	21,161,746,774
Truong Thanh Binh Dinh JSC.	-	561,177,000
Short-term loans from other organizations and individuals	***34,817,640,000***	***36,185,320,000***
Mr. Hoang Van Dung	-	600,000,000
Mr. Duong Huu Huan	-	500,000,000
Mr. Tran Anh Duc	-	1,358,000,000
B.Grimm Renewable Power 2 Limited (ii)	34,817,640,000	33,727,320,000
Short-term loans from banks	-	***4,579,534,742***
Asia Commercial Joint Stock Bank ("ACB")	-	4,579,534,742
Current portions of long-term loans (Note V.16b)	***52,077,198,154***	***870,000,000***
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam ("BIDV")	870,000,000	870,000,000
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank ("MSB") – Ha Nam Branch	10,222,821,096	-
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade ("Vietinbank")	40,984,377,058	-
Total	**86,894,838,154**	**63,357,778,516**

(i) The loan at 108 Truong Thanh Construction Investment JSC. has been partially repaid to the lender and there has been a decrease during the year due to the deconsolidation of the business combination at 108 Truong Thanh Construction Investment JSC.

(ii) Truong Thanh Energy JSC. (the subsidiary) receives a loan from B.Grimm Renewable Power 2 Limited, under Loan Agreement dated 1 July 2020 in exchange for 3,062,400 shares of Phu Yen TTP JSC. Total loan amount is USD 1,320,000, with a loan term of 1 year starting from the debt receipt date. The loan was due on 1 July 2021, however, the parties has not completed extension procedures and has not transferred the ownership of Phu Yen TTP's shares. The loan interest rate in 2025 was 5.5% per annum (in 2024: 5.5% per annum).

The Group has solvency to repay short-term borrowings.

Details of increases/ (decreases) in short-term borrowings during the year are as follows:

	Short-term loans from related parties	Short-term loans from other organizations and individuals	Short-term loans from banks	Current portions of long-term loans	Total
Beginning balance	21,722,923,774	36,185,320,000	4,579,534,742	870,000,000	63,357,778,516
Amount of loans incurred	301,580,500	4,947,199,998	3,309,685,765	-	8,558,466,263
Increase due to business combination	-	-	-	10,222,821,120	10,222,821,120
Transfer from long-term loans	-	-	-	52,077,198,154	52,077,198,154
Exchange difference due to revaluation of ending balances	-	1,090,320,000	-	-	1,090,320,000
Amount of loan repaid	(19,707,177,000)	(7,405,199,998)	(7,889,220,507)	(11,092,821,120)	(46,094,418,625)
Decrease due to deconsolidation of business combination	(2,317,327,274)	-	-	-	(2,317,327,274)
Ending balance	**-**	**34,817,640,000**	**-**	**52,077,198,154**	**86,894,838,154**

16b. Long-term borrowings

	Ending balance	Beginning balance
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade ("Vietinbank") (i)	163,937,508,233	149,112,875,792
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank ("MSB") – Ha Nam Branch (ii)	8,445,726,327	-
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam ("BIDV") – Tay Ho Branch (iii)	2,047,000,000	2,917,000,000
Total	**174,430,234,560**	**152,029,875,792**

(i) Onsen Hoi Van Limited Liability Company (the subsidiary) borrows from Vietinbank under Credit Agreement dated 9 August 2024, with the loan limit of VND 350 billion. The term for maintaining the limit is 60 months starting from the date after the first disbursement date. The Company is not required to repay the loan principal in 18 months starting from the first disbursement date but not later than 31 December 2025. The preferential interest rate for 12 months starting from the date after the first disbursement date is 8.6% per annum. The purpose is to pay for investment costs of Hoi Van Hot Spring Resort, Health Care and Residential Quarter Project. The collateral is all rights and benefits attached to or arising from this project; and land use right in Kieu Ky Commune, Gia Lam District, Hanoi City.

(ii) Loans of Green Lotus Solar Electric JSC. and Truong Thanh Mien Trung Green Technology JSC., originated in 2020, to finance rooftop solar power system project, with a term of 84 months. Collaterals are assets financed by loan. The loan interest rate in 2025 was 9.22% per annum.

(iii) The Parent Company borrows from BIDV - Tay Ho Branch under Credit Agreements dated 12 December 2022 and 9 June 2023 for the acquisition of fixed assets, which are cars for production and business activities. The loan amount and term are VND 3,700,000,000 - 84 months and VND 1,700,000,000 - 60 months, respectively. The interest rates are 9.9% and 8.5% per annum, respectively, for the first 12 months from the disbursement date. After that, the applicable interest rate will be the bank's 12-month VND savings interest rate, paid at the end of the term, and applicable to individual clients, plus a margin of 3.5% per annum, adjusted every 6 months. The loans are secured by assets financed by the loan.

The Group has solvency to repay long-term borrowings.

The repayment schedule of long-term borrowings is as follows:

	Ending balance	Beginning balance
Within 1 year	52,077,198,154	870,000,000
Over 1 year to 5 years	174,430,234,560	152,029,875,792
Total	**226,507,432,714**	**152,899,875,792**

Details of increases/ (decreases) in long-term borrowings during the year are as follows:

	Current year	Previous year
Beginning balance	152,029,875,792	3,787,000,000
Amount of loans incurred	55,809,009,523	149,112,875,792
Increase due to business combination	18,668,547,399	-
Transfer to short-term loans	(52,077,198,154)	(870,000,000)
Ending balance	**174,430,234,560**	**152,029,875,792**

17. Owners' equity

17a. Statement of changes in owners' equity

	Owners' contribution capital	Share premiums	Retained earnings	Non-controlling interests	Total
Beginning balance of the previous year	728,065,620,000	3,609,595,239	101,850,329,683	143,848,175,137	977,373,720,059
Share issuance during the year (*)	480,000,000,000	(142,050,000)	-	-	479,857,950,000
Profit of the year	-	-	4,960,844,025	(2,289,807,901)	2,671,036,124
Non-controlling shareholders contributed capital in the subsidiary	-	-	-	349,000,000	349,000,000
Increases/(decreases) due to changes in the subsidiary's proportion of ownership interest	-	-	6,145,917,303	12,126,793,504	18,272,710,807
Dividends declared in the subsidiaries	-	-	-	(443,847,400)	(443,847,400)
Ending balance of the previous year	**1,208,065,620,000**	**3,467,545,239**	**112,957,091,011**	**153,590,313,340**	**1,478,080,569,590**
Beginning balance of the current year	1,208,065,620,000	3,467,545,239	112,957,091,011	153,590,313,340	1,478,080,569,590
Non-controlling shareholders contributed capital in the subsidiary	-	-	-	2,401,000,000	2,401,000,000
Profit of the year	-	-	22,335,015,362	4,787,147,881	27,122,163,243
Increases/(decreases) due to changes in the subsidiary's proportion of ownership	-	-	(483,459,229)	14,404,495,682	13,921,036,453
Increases/(decreases) due to deconsolidation of business combination with 108 TT	-	-	6,812,894,354	(52,508,450,800)	(45,695,556,446)
Increase due to business combination	-	-	-	26,972,619,498	26,972,619,498
Ending balance of the current year	**1,208,065,620,000**	**3,467,545,239**	**141,621,541,498**	**149,647,125,601**	**1,502,801,832,338**

17b. Shares

	Ending balance	Beginning balance
Number of shares registered to be issued	120,806,562	120,806,562
Number of ordinary shares already issued	120,806,562	120,806,562
Number of outstanding ordinary shares	120,806,562	120,806,562

Face value per outstanding share: VND 10,000.

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services

1a. Gross revenue

	Current year	Previous year
Revenue from sales of merchandise	-	269,068,566,309
Revenue from sales of commercial electricity	17,296,215,027	-
Revenue from rendering of services	38,538,207,274	25,248,484,851
Revenue from construction contracts	-	4,434,900,583
Total	**55,834,422,301**	**298,751,951,743**

1b. Revenue from sales of merchandise and rendering of services to related parties

	Current year	Previous year
Truong Thanh Viet Nam Industry JSC.	-	3,501,567,250
Phu Yen TTP JSC.	24,738,207,274	28,276,363,640
Truong Thanh Land Group JSC.	13,800,000,000	1,500,000,000

2. Costs of sales

	Current year	Previous year
Costs of merchandise sold	-	254,823,850,727
Costs of commercial electricity	8,714,256,292	-
Costs of services rendered	23,912,640,173	21,173,367,831
Costs of construction contracts	-	3,249,633,650
Total	**32,626,896,465**	**279,246,852,208**

3. Financial income

	Current year	Previous year
Loan and bank deposit interests	18,229,541,323	12,505,708,376
Gain on transfer of long-term investments	13,926,988,221	30,906,299,516
- TTP Phu My JSC.	-	*722,299,516*
- Truong Thanh Binh Dinh JSC.	-	*12,540,000,000*
- Quang Phu Energy JSC.	-	*1,500,000,000*
- Le Thuy Solar Power JSC.	-	*5,000,000,000*
- Truong Thanh Island Tourism JSC.	-	*11,144,000,000*
- 108 Truong Thanh Construction Investment JSC.	*13,926,988,221*	-
Dividends and profit received	1,299,999,740	
Other financial income	158,410	9,363,681
Total	**33,456,687,694**	**43,421,371,573**

4. Financial expenses

	Current year	Previous year
Interest expenses	5,423,663,072	5,526,620,967
Provision for impairment of financial investments	2,348,173,355	3,762,961,290
Exchange loss due to the revaluation of ending balances	1,615,467,337	2,739,999,010
Total	**9,387,303,764**	**12,029,581,267**

5. General and administration expenses

	Current year	Previous year
Labor costs	9,478,935,997	13,850,376,174
Materials, supplies	54,894,090	42,233,336
Office supplies	63,653,769	287,346,278
Depreciation/amortization of fixed assets	823,017,203	383,640,545
Taxes, fees and legal fees	45,000,000	12,000,000
Allowance for doubtful debts	20,000,000	-
Allocation of goodwill	3,002,082,034	3,908,544,880
Expenses for external services	4,858,552,236	4,025,290,150
Other expenses	813,672,201	1,454,861,410
Total	**19,159,807,530**	**23,964,292,773**

6. Other income

	Current year	Previous year
Gain on bargain purchase of the subsidiary (Note I.5a)	5,190,421,728	-
Other income	6,106	74,621,534
Total	**5,190,427,834**	**74,621,534**

7. Other expenses

	Current year	Previous year
Tax fines, tax collected in arrears and fines for late payments of land use charge	698,758,545	12,265,353,656
Net book value of assets without valid documentation	-	112,674,242
Fines for violation of contract	-	2,441,331,388
Accrued expenses for suspended construction projects	1,486,775,098	3,644,184,620
Other expenses	-	994,605,010
Total	**2,185,533,643**	**19,458,148,916**

8. Earnings per share ("EPS")

8a. Basic/Diluted EPS

	Current year	Previous year
Accounting profit after corporate income tax of the Parent Company's shareholders	22,335,015,362	4,960,844,025
Increases/(decreases) in accounting profit used to determine profit distributed to ordinary equity holders:	-	-
Profit used to calculate basic/diluted EPS	22,335,015,362	4,960,844,025
Average number of ordinary shares outstanding during the year	120,806,562	117,134,431
Basic/diluted EPS	**185**	**42**

The number of ordinary shares used to calculate basic/diluted EPS is determined as follows:

	Current year	Previous year
Ordinary shares outstanding at the beginning of the year	120,806,562	72,806,562
Effect of shares newly issued on 29 January 2024	-	44,327,869
Average number of ordinary shares outstanding during the year	**120,806,562**	**117,134,431**

8b. Other information

There have not been any transactions of ordinary shares or potential transactions of ordinary shares from the balance sheet date to the disclosure date of these Consolidated Financial Statements.

9. Operating costs by factors

	Current year	Previous year
Materials and supplies	204,618,756	259,136,816
Labor costs	13,668,289,600	14,752,478,144
Depreciation/amortization of fixed assets	5,600,031,239	988,803,016
Allocation of goodwill	3,002,082,034	3,908,544,880
Expenses for external services	26,427,731,918	26,774,572,482
Other expenses	3,206,394,893	3,553,746,635
Total	**52,109,148,440**	**50,237,281,973**

VII. OTHER DISCLOSURES

1. Transactions and balances with the related parties

1a. List of related parties

The related parties of the Group include: the key management personnel, the key management personnel's related individuals, and other related parties.

The key management personnel include the members of the Board of Directors ("BOD"), the Board of Supervisors ("BOS"), the Board of Management ("BOM") and the Chief Accountant. The key management personnel's related individuals are their close family members.

The related parties of the Group include:

Name	Relationship
TTP Tra Vinh JSC.	Associate
108 Truong Thanh Construction Investment JSC.	Associate (from 30 December 2025)
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	Major shareholder
Truong Thanh Green Technology JSC.	Entity with the same key management personnel
Quang Phu Energy JSC.	Entity with the same key management personnel
Truong Thanh Viet Nam Industry JSC.	Related party of the key management personnel
Truong Thanh Dai Phat JSC.	Related party of the key management personnel
Phu Yen TTP JSC.	Entity with the same key management personnel
Truong Thanh Land Group JSC.	Entity with the same key management personnel
Ms. Dang Thi Phuong Hoa	Related parties of the BOD Chairman
Mr. Dang Tran Quyet	Related parties of the BOD Chairman
Ms. Dao Thi Hong	Related parties of the BOD Member - Ms. Dao Thi Thanh Hien

1b. Compensation of the key management personnel

		Salary	Remuneration	Total compensation
Current year				
Mr. Dang Trung Kien	BOD Chairman	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Hoang Manh Huy	General Director cum BOD Member (to 9 December 2025)	-	33,000,000	33,000,000
Mr. Le Dinh Ngoc	BOD Member	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Mac Quang Huy	BOD Member	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Tran Tuan Phong	Independent BOD Member cum Vice Chairman	-	36,000,000	36,000,000

		Salary	Remuneration	Total compensation
Mr. Ha Ngoc Minh	BOD Member	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Nguyen Anh Tuan	BOD Member	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Akahane Seiji	Independent BOD Member (to 9 December 2025)	-	33,000,000	33,000,000
Mr. Hoang Dinh Loi	BOD Member (to 9 December 2025)	-	33,000,000	33,000,000
Ms. Dao Thi Thanh Hien	BOD Member (to 9 December 2025)	-	33,000,000	33,000,000
Mr. Dao Xuan Duc	Head of BOS (to 9 December 2025), then BOD Member	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Pham Duy Hoan	BOS Member (to 9 December 2025)	-	11,000,000	11,000,000
Ms. Tran Thi Hanh	BOS Member (to 9 December 2025)	-	11,000,000	11,000,000
Ms. Dang Bich Thuy	Head of BOS (from 9 December 2025)	-	3,000,000	3,000,000
Ms. Vuong Thi Oanh	BOS Member (from 9 December 2025)	-	1,000,000	1,000,000
Ms. Le Thuy Linh	BOS Member (from 9 December 2025)	-	1,000,000	1,000,000
Mr. Nguyen Huy Thang	Deputy General Director	691,200,000	-	691,200,000
Ms. Nguyen Thi Hoa Vy	Chief Accountant	416,400,000	-	416,400,000
Total		**1,107,600,000**	**411,000,000**	**1,518,600,000**
Previous year				
Mr. Dang Trung Kien	Chairman	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Hoang Manh Huy	BOD Member cum General Director	232,800,000	36,000,000	268,800,000
Mr. Le Dinh Ngoc	BOD Member	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Akahane Seiji	Independent BOD Member	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Hoang Dinh Loi	BOD Member	-	36,000,000	36,000,000
Ms. Dao Thi Thanh Hien	BOD Member	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Mac Quang Huy	BOD Member	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Tran Tuan Phong	BOD Member cum Vice Chairman	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Ha Ngoc Minh	BOD Member	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Nguyen Anh Tuan	BOD Member	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Dao Xuan Duc	Head of BOS	-	36,000,000	36,000,000
Mr. Pham Duy Hoan	BOS Member	-	12,000,000	12,000,000
Ms. Tran Thi Hanh	BOS Member	-	12,000,000	12,000,000
Mr. Nguyen Huy Thang	Deputy General Director (from 1 April 2024)	444,850,650	-	444,850,650
Ms. Nguyen Thi Hoa Vy	Chief Accountant (from 1 April 2024)	312,300,000	-	312,300,000
Mr. Dang Tran Quyet	Deputy General Director (to 31 March 2024)	150,900,000	-	150,900,000
Mr. Nguyen Hong Thang	Deputy General Director cum Chief Accountant (to 31 March 2024)	91,800,000	-	91,800,000
Total		**1,232,650,650**	**420,000,000**	**1,652,650,650**

Ic. Transactions and balances with the related parties

In addition to the transactions presented in Note VI.1, other transactions arising between the Group and related parties are as follows:

	Current year	Previous year
Use of construction and repair services rendered by related parties:		
Truong Thanh Land Group JSC.	79,990,050,624	16,243,383,255
Sale of 108TT shares to related parties:		
Truong Thanh Land Group JSC.	36,600,000,000	-
Receipt of advance from related parties:		
Truong Thanh Land Group JSC.	4,600,000,000	-
Transfer of shares received from related parties:	-	
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	12,764,500,000	353,736,284,200
Truong Thanh Green Technology JSC.	9,231,000,000	-
Ms. Dao Thi Thanh Hien	260,490,000	-
Received dividends from:		
Phu Yen TTP JSC.	1,299,999,740	-
Collection of payment based on progress of real estate transfer contract of:		
Ms. Dang Thi Phuong Hoa	881,638,760	-
Mr. Dang Tran Quyet	766,648,640	-
Mr. Le Dinh Ngoc	1,134,558,903	-
Mr. Mac Quang Huy	820,813,699	-
Mr. Tran Tuan Phong	537,718,905	-
Ms. Dao Thi Hong	989,269,280	-
Advances to:		
Mr. Dang Tran Quyet	503,000,000	14,900,000,000
Mr. Dang Trung Kien	120,000,000	-
Recovery of advances from:		
Mr. Dang Tran Quyet	45,000,000	14,900,000,000
Ms. Dang Thi Phuong Hoa	-	32,488,806,269
Loans granted to individuals:		
Ms. Dang Thi Phuong Hoa	100,000,000	10,800,000,000
Recovery of loans to individuals:		
Ms. Dang Thi Phuong Hoa	1,230,000,000	9,000,000,000
Loan interest income receivable:		
Ms. Dang Thi Phuong Hoa	1,610,495,890	352,573,771
Borrowings from:		
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	301,580,500	4,829,922,774
Repayment of loan to:		
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	19,146,000,000	2,410,000,000

	Current year	Previous year
Truong Thanh Binh Dinh JSC.	561,177,000	86,500,000
Loan interest expenses payable:		
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	790,088,512	1,472,592,169

1d. Outstanding balances with other related parties

Outstanding balances with other related parties are presented in Notes V.3, V.4, V.5, V.6a, V.12, V.14 and V.15a.

Receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowance has been made for the receivables from other related parties.

2. Segment information

The primary reporting format is the business segments based on the internal organizational and management structure as well as the system of internal financial reporting of the Group.

2a. Information on business segments

The Group has the major business segments as follows:

- Trading segment;
- Service segment;
- Electricity generation segment;
- Financial investment segment (loans and investments in other entities);
- Real estate trading segment; and
- Other segments.

Information on business results, fixed assets, other long-term assets and value of significant non-cash expenses of business segments of the Group is as follows:

	Trading segment	Service segment	Electricity generation segment	Financial investment segment (*)	Real estate trading segment	Other segments	Total
Current year							
Net external revenue	-	38,538,207,274	17,296,215,027	33,456,529,284	-	-	89,290,951,585
Net inter-segment revenue	-	-	-	-	-	-	-
Total net revenue	-	***38,538,207,274***	***17,296,215,027***	***33,456,529,284***	-	-	***89,290,951,585***
Segment expenses	-	(23,912,640,173)	(11,041,935,728)	(5,444,156,991)	-	-	(40,398,732,892)
Segment operating profit	-	14,625,567,101	6,254,279,299	28,012,372,293	-	-	48,892,218,693
Expenses not attributable to segments							(19,287,807,530)
Operating profit							29,604,411,163
Other financial income							158,410
Other financial expenses							(1,615,467,337)
Profit/ (loss) in joint ventures, associates							(51,862,379)
Other income							5,190,427,834
Other expenses							(2,185,533,643)
Current income tax							(4,216,815,613)
Deferred income tax							396,844,808
Profit after tax							***27,122,163,243***
Previous year							
Net external revenue	269,068,566,309	25,248,484,851	-	43,412,007,892	-	4,434,900,583	342,163,959,635
Net inter-segment revenue	-	-	-	-	-	-	-
Total net revenue	***269,068,566,309***	***25,248,484,851***	-	***43,412,007,892***	-	***4,434,900,583***	***342,163,959,635***
Segment expenses	(254,823,850,727)	(21,173,367,831)	-	(9,289,582,257)	-	(3,249,633,650)	(288,536,434,465)
Segment operating profit	14,244,715,582	4,075,117,020	-	34,122,425,635	-	1,185,266,933	53,627,525,170
Expenses not attributable to segments							(23,964,292,773)
Operating profit							29,663,232,397
Other financial income							9,363,681
Other financial expenses							(2,739,999,010)
Profit/ (loss) in joint ventures, associates							(80,555,547)
Other income							74,621,534
Other expenses							(19,458,148,916)
Current income tax							(3,874,126,088)
Deferred income tax							(923,351,927)
Profit after tax							***2,671,036,124***

(*) For the financial investment segment, segment revenue includes dividends receivable, gain on liquidation of investments, term deposit and loan interests. Segment expenses include loss on liquidation of investments, provisions for impairment of investments.

The Group's assets and liabilities by business segments are as follows:

	Trading segment	Service segment	Electricity generation segment	Financial investment segment (*)	Real estate trading segment	Other segments	Total
Ending balance							
Segment assets	-	2,844,872,727	122,650,382,829	1,246,952,673,245	384,567,201,915	53,301,177,176	1,810,316,307,892
Unallocated assets							36,701,927,839
Total assets							***1,847,018,235,731***
Segment liabilities	-	2,501,203,111	18,984,972,060	-	259,498,022,656	-	280,984,197,827
Unallocated liabilities							63,232,205,566
Total liabilities							***344,216,403,393***
Beginning balance							
Segment assets	8,591,400,000	8,308,440,926	-	998,248,336,294	261,035,961,133	64,428,979,553	1,340,613,117,906
Unallocated assets							392,681,482,725
Total assets							***1,733,294,600,631***
Segment liabilities	-	4,367,546,648		13,145,261,502	162,810,875,804	4,908,339,954	185,232,023,908
Unallocated liabilities							69,982,007,133
Total liabilities							***255,214,031,041***

(*) For the financial investment segment, segment assets include term deposits, loans given, receivables for liquidation of investments, receivables for deposit interests, dividends receivable, profits distributed; investments in associates and other entities. Segment liabilities include payables for acquisition of shares or investments.

2b. Information on geographical segments

All operations of the Group only take place in the Vietnamese territory.

3. Subsequent events

There have been no material events arising after the balance sheet date, which need to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Consolidated Financial Statements.

Prepared on 20 March 2026

Prepared by	Chief Accountant	General Director
Bui Thanh Thanh Hien	Nguyen Thi Hoa Vy	Hoang Manh Huy

Nơi nhận:
Recipients:
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, ...
- Archived:...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE
Chủ tịch HĐQT
Chairman of the Board of Directors

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Đặng Trung Kiên